



GAZ THANH DAT LLC

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

XE BUÝT A68R52

GAZelle CITY

Nghiêm cấm mọi hành vi sao chép, tái tạo hoặc biên dịch toàn bộ hoặc một phần tài liệu này, trừ khi có sự cho phép chính thức của PJSC GAZ.



GIỚI THIỆU

Cảm ơn khách hàng đã lựa chọn sản phẩm xe GAZelle CITY!

Các sản phẩm thuộc dòng xe GAZelle CITY với độ tin cậy và tiện nghi được thiết kế để chạy trên những con đường với mặt đường được cải thiện trong nhiều điều kiện khí hậu khác nhau.

Hiệu năng và độ tin cậy cao của xe và việc giảm thiểu công sức bảo dưỡng phụ thuộc nhiều vào việc quy trình vận hành và bảo quản có được tuân thủ hay không. Vì vậy, hãy nên đọc một cách đầy đủ sổ tay “Hướng dẫn sử dụng”, ghi nhớ và thực hiện theo các khuyến nghị của chúng tôi về sử dụng và bảo dưỡng xe.

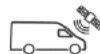
Sổ tay “Hướng dẫn sử dụng” mô tả kết cấu xe hoàn chỉnh nhất, vì thế một số thiết bị và bộ phận thiết bị có trong sổ tay “Hướng dẫn sử dụng” này có thể không có trên xe của bạn do chúng không được dự định cung cấp cho việc sửa đổi cho một cấu hình hay kết cấu.

Thiết kế của xe luôn được hoàn thiện và cải tiến, vì thế một vài thông tin và số liệu trong phiên bản hướng dẫn này do đó có thể sẽ khác đôi chút so với thực tế trên xe của bạn và sẽ không thể là cơ sở cho bất cứ khiếu nại nào.



LƯU Ý!

Biểu tượng này đánh dấu các cảnh báo hoặc thông tin cụ thể về việc vận hành xe, phương pháp và quy trình đúng cho một số hoạt động bảo dưỡng, khắc phục những sự cố nhất định, và một số khuyến nghị khác. Hãy luôn tuân thủ theo các khuyến cáo để tránh gây hư hại đối với xe.



CẢNH BÁO!

Biểu tượng này đánh dấu các quy tắc sử dụng xe một cách cơ bản, ảnh hưởng đến sự an toàn của bạn, của hành khách và người đi cùng.

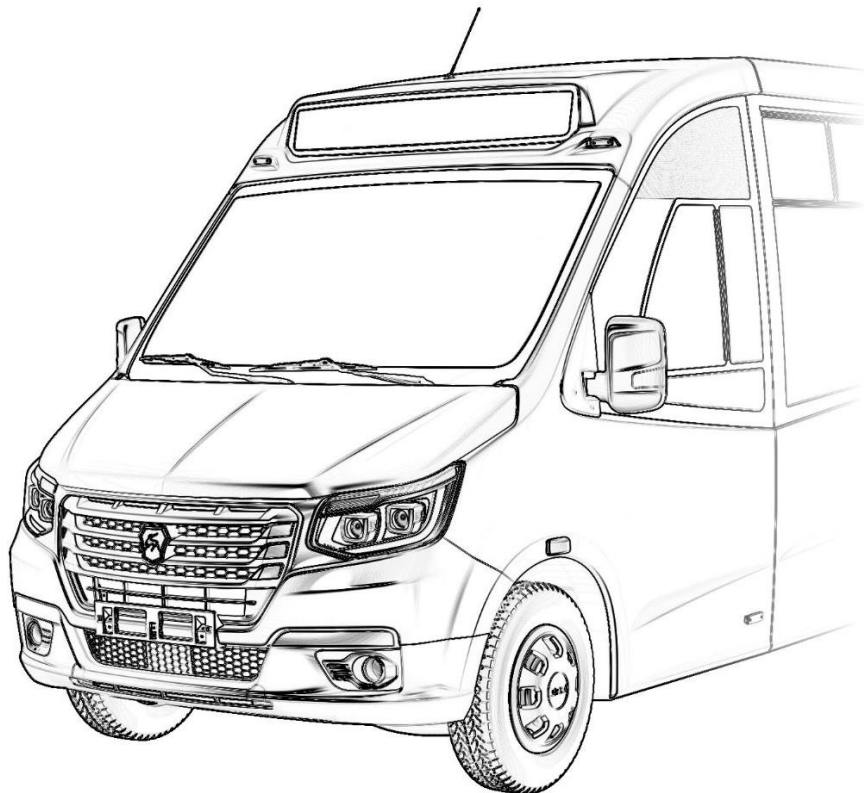
Hãy luôn luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy tắc này.

Việc bảo dưỡng xe thường xuyên theo sổ tay “Hướng dẫn sử dụng” và “Sổ bảo hành” sẽ đảm bảo cho xe vận hành, hoạt động đáng tin cậy.

Chúc quý khách hàng sẽ có những chuyến đi an toàn và tốt đẹp!

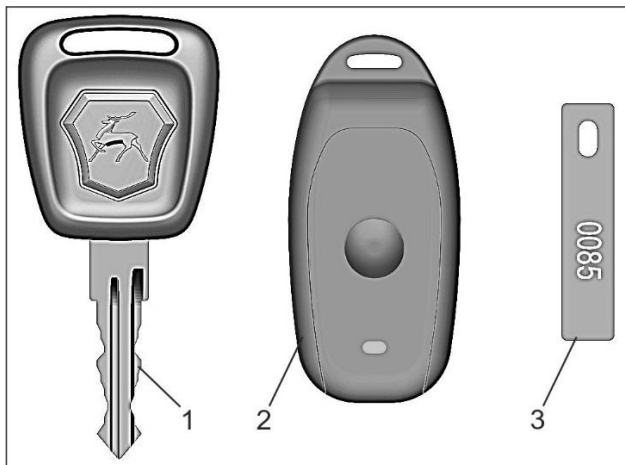


TRƯỚC KHI VẬN HÀNH





CHÌA KHÓA



Mỗi xe sẽ được đi kèm với một bộ chìa khóa.

Bộ chìa bao gồm 2 chìa khóa đơn dùng cho khóa công tắc và bộ khởi động, khóa tay nắm cửa khẩn cấp, khóa cốp để hành lý và khóa cốp trước (nếu có), cũng như hệ thống điều khiển từ xa (2) cho ổ điện cửa bảo dưỡng.

Số hiệu của chìa khóa được chỉ định trên thẻ đeo (3).



ĐÓNG - MỞ KHÓA CỬA RA VÀO



Từ phía ngoài xe, cửa đóng – mở bằng cách nhấn nút (1) trên hệ thống điều khiển từ xa bằng điện của cửa ra vào. Nhấn lại nút trong lúc đóng thì cửa sẽ lại mở ra.



Tài xế xe nhấn nút (1) trên bảng điều khiển ít nhất 1 giây để mở cánh cửa trước hoặc nút (2) để mở cả 2 cánh.

Khi cửa được mở, đèn trần ở cửa sẽ được bật sáng, cùng với đó là đèn báo mở cửa trong cụm đồng hồ taplo (với điều kiện công tắc đồng hồ và chìa khóa khởi động ở vị trí I). Sau 15 giây, đèn trần sẽ tự động tắt nếu cửa vẫn chưa được đóng. Khi cửa vẫn mở, nhấn lại nút để đóng cửa lại.

Nhấn nút (1) hoặc (2) tương ứng để đóng cánh cửa trước hoặc cả 2 cánh cửa. Khi cửa đóng, nhấn thêm một lần nữa để mở.

Cụm cơ cấu chấp hành phải đảm bảo được bảo vệ và che khuất trong quá trình vận hành của cửa.



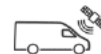
LƯU Ý!

Để tránh làm hư hỏng cửa và bộ truyền động cửa, không để cửa va vào chướng ngại vật khi mở.

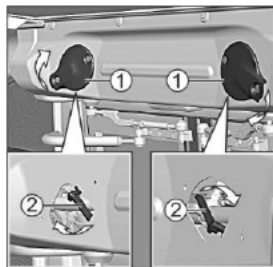


LƯU Ý!

Nếu xe chuyển động với tốc độ trên 5km/h, cửa sẽ tự ngắt mở, hoặc sẽ đóng lại nếu cửa đang ở trạng thái mở.

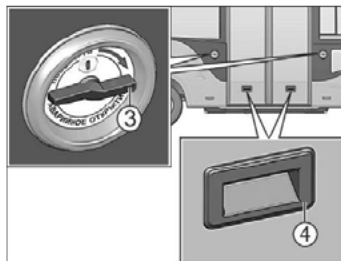


TRƯỜNG HỢP MỞ CỬA KHẨN CẤP



Để mở cửa khẩn cấp từ bên trong, xé giạt lớp bảo vệ (1) nằm phía trên cửa ra / vào, trong thành của ốp che phía trên, sau đó xoay cần (2) theo hướng mũi tên và giữ, mở cánh cửa tương ứng bằng tay cho đến khi có tín hiệu âm thanh phát ra, rằng cửa đã được mở khóa.

Để mở cửa khẩn cấp từ bên ngoài, xoay tay nắm cửa (3) theo hướng mũi tên và giữ nó, mở cánh cửa tương ứng bằng tay bằng cách kéo tay nắm cửa ngoài (4). Chế độ mở cửa khẩn cấp bị vô hiệu hóa khi tay cầm (3) được thả ra và trở lại vị trí ban đầu.



LƯU Ý!

Nếu hành khách bị kẹp chặt – chắn bởi cửa ra vào, cửa sẽ tự động mở ra để đảm bảo an toàn.



CẢNH BÁO!

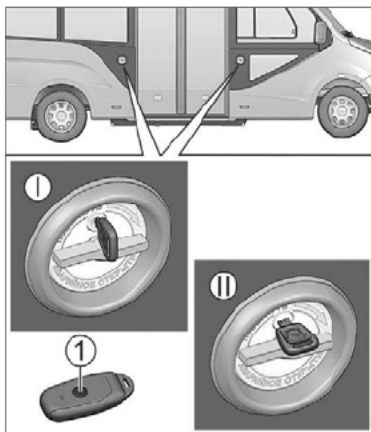
Nghiêm cấm sử dụng xe khi cửa còn mở hoặc đóng cửa không chặt.



MỞ / KHÓA TAY NẮM MỞ KHẨN CẤP CỬA CỬA RA - VÀO

Để đảm bảo an toàn, trong quá trình đỗ xe, ngoại trừ việc xâm nhập trái phép vào khoang hành khách, tay nắm khẩn cấp bên ngoài được trang bị thiết bị khóa kèm chìa khóa.

Trong trường hợp xảy ra tai nạn khi xe đang di chuyển, để mở cửa từ bên ngoài, tay cầm khẩn cấp phải được mở khóa.



Cách mở khóa: Cắm chìa khóa vào khe của trụ công tắc khóa cửa trước/sau (vị trí I), xoay chìa khóa ngược chiều kim đồng hồ 90 độ (vị trí II), sau đó rút chìa.

Cách đóng: Nhấn nút (1) để đóng cửa trên điều khiển từ xa, cắm chìa khóa vào khe của ổ khóa khẩn cấp cửa trước/sau (vị trí II), xoay sang phải 90 độ theo chiều kim đồng hồ (vị trí I), sau đó rút chìa.



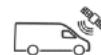
LƯU Ý!

Khi đang di chuyển với tay nắm khẩn cấp bị khóa, trên cụm đồng hồ thiết bị phát tín hiệu chặn tay nắm mở cửa sẽ ở trong chế độ nhấp nháy với sự nhấp nháy tín hiệu âm thanh ngắt quãng liên tục.

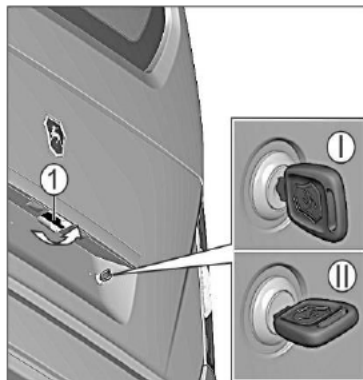


CẢNH BÁO!

Để đảm bảo mở cửa khẩn cấp, nghiêm cấm điều khiển xe với tay cầm bị khóa.



NẮP CẤP XE



MỞ:

- Cắm chìa khóa vào khe ổ khóa (vị trí I) và xoay về phía bên trái 90 độ ngược chiều kim đồng hồ (vị trí II), sau đó rút chìa.
- Mở nắp cốp xe bằng cách kéo tay cầm (1) về phía bạn.

ĐÓNG:

Đóng nắp cốp xe, cắm chìa khóa vào khe công tắc khóa (vị trí II), xoay về phía bên phải 90 độ theo chiều kim đồng hồ (vị trí I), sau đó rút chìa.



LƯU Ý!

Khi đóng cốp xe, đảm bảo các chốt khóa ở bên phải và bên trái giữ chặt cốp ở tình trạng đóng.



GHẾ NGỒI

Ghế ngồi của tài xế cần được điều chỉnh như sau:

- Thực hiện điều chỉnh để thiết lập ghế ngồi sao cho có thể thoải mái vận hành các bàn đạp điều khiển trong suốt thời gian di chuyển;
- Điều chỉnh độ nghiêng của tựa lưng sao cho có thể đẩy cần số sang số 5 mà không cần phải nhấc lưng khỏi tựa lưng.



CẢNH BÁO!

Để tránh gây tai nạn, nguy hiểm, nghiêm cấm không được điều chỉnh ghế tài xế trong khi lái xe.

Ghế ngồi tài xế

Tùy thuộc vào kết cấu xe, chỗ ngồi của tài xế có thể được trang bị tựa tay điều chỉnh được, đệm ghế và bộ sưởi điện tựa lưng, điều chỉnh đệm lưng dưới và điều chỉnh đệm ghế dọc.

Ghế ngồi được trang bị 2 tay vịn. Góc của tựa tay có thể được điều chỉnh bằng cách vận nύm ở phần trước phía dưới của tựa tay.

Ghế có các điều chỉnh sau:

- Theo chiều dọc;
- Theo chiều cao của phần trước của đệm ngồi;
- Theo góc nghiêng tựa lưng;
- Đệm lưng dưới;
- Chuyển động theo chiều dọc của ghế.



Để điều chỉnh ghế theo chiều dọc, kéo cần điều chỉnh theo chiều dọc (1) lên trên và đưa ghế tới vị trí mong muốn. Sau khi điều chỉnh, đảm bảo rằng, là ghế đã được cố định chắc chắn vào vị trí.

Để điều chỉnh độ cao ghế trước hoặc sau, kéo cần gạt (2) hoặc (3) tương ứng lên, và tuân tự thiết lập độ cao mong muốn cho phần trước hoặc sau ghế.



Để điều chỉnh góc nghiêng tựa lưng, quay cần gạt (4) như trong hình và thiết lập vị trí nghiêng tựa lưng mong muốn.

Để điều chỉnh đệm lưng dưới, quay cần gạt (5) như trong hình và thiết lập độ cao phần đỡ lưng dưới như mong muốn.

Để điều chỉnh vị trí theo chiều dọc của đệm ghế, nâng cần gạt (6) như trong hình và điều chỉnh trong khi giữ cần gạt, sau đó thả cần gạt ra.

Tựa đầu của ghế tài xế có thể điều chỉnh độ cao.

Để điều chỉnh vị trí tựa đầu, dùng tay nắm lấy tựa đầu và di chuyển (lên/xuống) sao cho gáy của bạn áp vào tâm của tựa đầu.

Ghế hành khách:

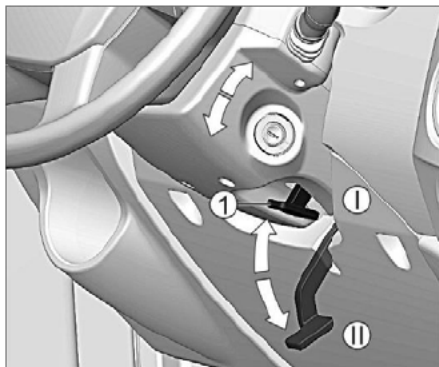
Trong khoang hành khách, tùy thuộc vào cấu trúc xe, ghế đơn có thể được tích hợp trang bị dây an toàn và tay vịn bên trái.

Trong khoang, tùy thuộc vào kết cấu, trang bị ghế nhựa đơn chống phá hoại không thể điều chỉnh, cũng như ghế gấp bên trong khu vực chứa đồ. Ngoài ra, xe được lắp đặt chỗ ngồi cho hành khách thuộc diện ưu tiên, vị trí chỗ ngồi được biểu thị bằng hình ảnh tương ứng.





TRỤC LÁI



Trục lái có thể điều chỉnh độ nghiêng.

Để điều chỉnh trục lái, kéo cần gạt khóa trục lái (1) xuống (vị trí I), đặt vô lăng vào vị trí thoải mái và cố định cột bằng cách nâng cần gạt lên hết cỡ (về vị trí ban đầu I).

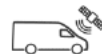
Điều chỉnh vô lăng sau khi bạn đã điều chỉnh ghế tài xế.

Điều chỉnh vô lăng sao cho có thể với tới phần bên trên dễ dàng khi tay ở tư thế hơi cong.



CẢNH BÁO!

Để tránh tình huống nguy hiểm, nghiêm cấm không được điều chỉnh trụ lái khi xe đang di chuyển.



DÂY ĐAI AN TOÀN

Dây an toàn là biện pháp hiệu quả bảo vệ tài xế và hành khách tránh khỏi những hậu quả nghiêm trọng do tai nạn giao thông gây ra.

Ghế tài xế cũng như ghế phía trước (nếu có) được thiết kế dây an toàn 3 điểm (đai chéo) với cuộn dây quán tính.



Để khóa dây đai an toàn, từ từ (không giật) kéo dây ở lưỡi khóa (1) sao cho độ dài dây qua ngực và hông bằng nhau, sau đó chèn lưỡi khóa vào khóa (2) tương ứng cho tới khi nghe tiếng tách.

Phần trên dây đai phải đi qua tâm vai nhưng không được đi qua cổ hoặc dưới cánh tay, và phải vừa khít với phần trên thân người.

Phần dây đai ở đùi nên ở càng thấp càng tốt và luôn vừa chặt với hông. Nếu không, bạn nên mở khóa dây đai và sau đó điều chỉnh lại.

Để thả dây (đai) an toàn nhấn nút màu đỏ (3) tương ứng. Lưỡi khóa sẽ được lò xo đẩy ra. Kéo dây đai ngược lại bằng tay để cho cơ chế cuộn dây lại dễ dàng hơn.

Phụ nữ mang thai cũng phải đeo dây an toàn. Xin lưu ý rằng dây đai được định vị sao cho tránh gây áp lực lên phần bụng. Vị trí tiếp xúc dưới của đai phải nằm dưới bụng.



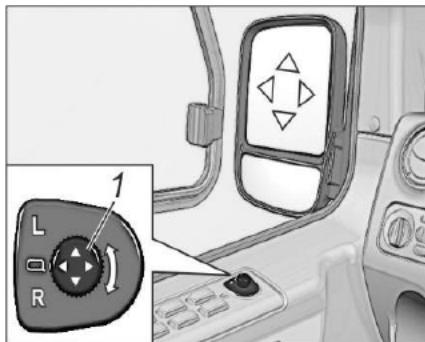
LƯU Ý!

Dây đai an toàn chịu tải nghiêm trọng do hậu quả của tai nạn giao thông hoặc bị trầy xước, rách, hoặc các hư hại khác phải được thay thế bằng bộ dây an toàn mới hoàn toàn và đầy đủ. Không tự ý thay đổi cấu trúc, thiết kế của dây đai an toàn.

Nghiêm cấm sử dụng 1 dây đai cho 2 người, và đặc biệt không được sử dụng dây đai an toàn cho trẻ ngồi trên đùi hành khách.



GUƠNG CHIẾU HẬU



Để điều chỉnh gương chiếu hậu khi bật bộ công cụ và công tắc khởi động, xoay núm (1) trên bảng điều khiển để chọn gương phải “R” hoặc trái “L”. Di chuyển núm về bên phải hoặc trái để điều chỉnh vị trí theo chiều ngang, lên hoặc xuống để điều chỉnh theo chiều dọc. Khi các đèn báo hiệu được bật, bảng điều khiển sẽ sáng.

Trong trường hợp gương chiếu hậu bị mờ bởi sương mù hoặc đóng băng, bật công tắc hệ thống sưởi được lắp bên phải vô lăng (tham khảo “Bảng điều khiển và các nút điều khiển”. Nhấn thêm một lần nữa để tắt chức năng sưởi gương.

Chỉ điều chỉnh gương chiếu hậu sau khi đã điều chỉnh ghế tài xế.

Gương chiếu hậu được trang bị cơ chế gấp (an toàn). Trong trường hợp gương va chạm với chướng ngại vật, gương và giá đỡ sẽ bị lệch theo hướng va chạm, nhờ vậy có thể tránh thiệt hại cho gương.

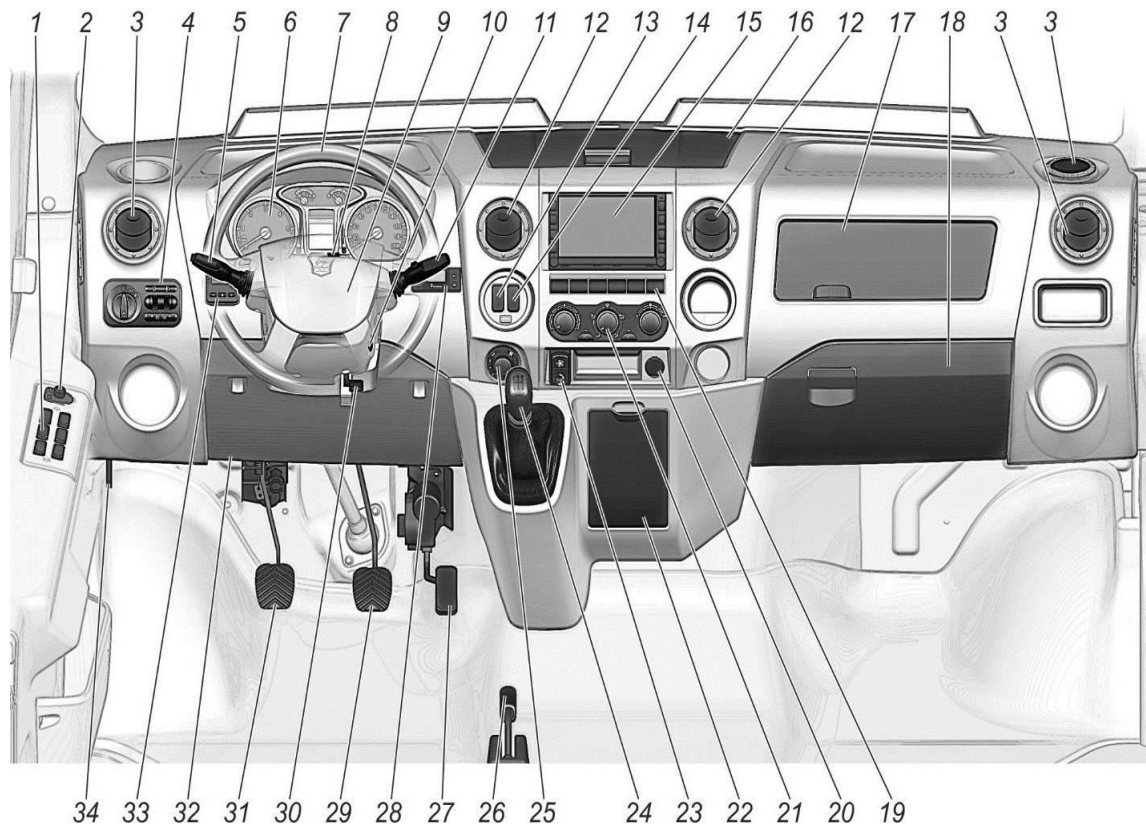


CẢNH BÁO!

Để tránh những tình huống nguy hiểm, không được điều chỉnh gương chiếu hậu khi xe đang di chuyển.

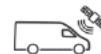


BẢNG ĐIỀU KHIỂN VÀ CÁC NÚT ĐIỀU KHIỂN

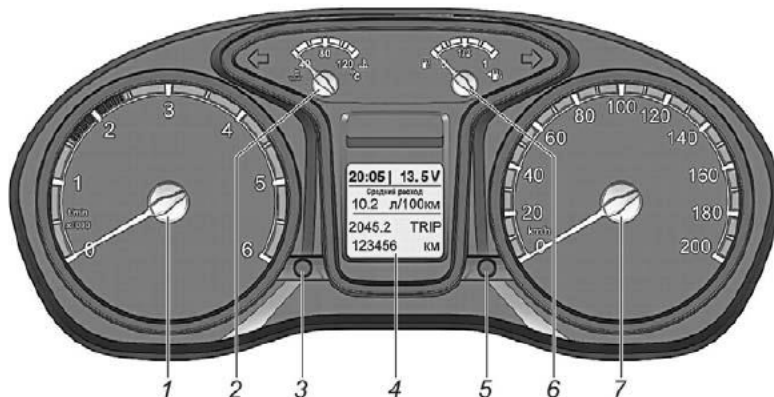




	Trang
1. Công tắc bảng điều khiển bên	41
2. Công tắc gương chiếu hậu	37
3. Cửa gió taplo bên	40
4. Mô đun điều khiển đèn	43
5. Cần gạt điều khiển đèn xi nhan và đèn pha dưới vô lăng	39
6. Cụm đồng hồ taplo	59
7. Vô lăng	82
8. Công tắc đèn báo nguy hiểm	47
9. Còi xe	83
10. Công tắc thiết bị và bộ khởi động	77
11. Cần gạt điều khiển gạt nước/vòi phun rửa kính chắn gió dưới tay lái	14
12. Cửa gió chính	142
13. Công tắc sưởi gương chiếu hậu	47
14. Công tắc sưởi khoang (bộ đối lưu)	105
15. Màn hình điều khiển trung tâm	
16. Ngăn đựng tài liệu	
17. Hộp đựng đồ trên	
18. Hộp đựng đồ dưới	
19. Công tắc bảng điều khiển	
20. Ổ cắm USB	
21. Bảng điều khiển làm mát, làm nóng thông gió	
22. Gạt tàn thuốc	
23. Nút gọi khẩn cấp «SOS», kèm micro và nút cho các chức năng bổ sung	
24. Cần số	
25. Núm điều khiển bộ sưởi tăng cường	
26. Cần phanh đỗ xe	
27. Chân ga	
28. Mô đun bộ điều khiển bộ gia nhiệt trước	
29. Chân phanh	
30. Cần gạt khóa trụ tay lái	
31. Bàn đạp côn	
32. Nắp đậy hộp cầu chì	
33. Bộ điều khiển bộ sưởi độc lập	
34. Tay cầm mở khóa capo	



CỤM ĐỒNG HỒ



1. Tốc kế.

Hiển thị tốc độ quay của trục khuỷu theo vòng trên phút (rpm).



LƯU Ý!

Không cho phép động cơ diesel hoạt động trong một thời gian dài với tốc độ quay vượt quá 3600 vòng/phút.

2. Đồng hồ đo nhiệt độ dung dịch làm mát động cơ.

Khi kim chỉ thị đạt đến vùng đỏ của thang đo và đèn báo nhiệt độ dung dịch làm mát cao sẽ bật sáng lên, cần phải dừng động cơ và loại bỏ nguyên nhân gây quá nhiệt.

3. Nút “Mode” Điều khiển Nhật ký hành trình.

Để “tự kiểm tra” cụm đồng hồ, nhấn nút “Mode”, trong khi giữ nút, bật thiết bị - vị trí chìa khóa

I. Thao tác này sẽ kích hoạt các đèn báo được kiểm tra, tất cả các phân đoạn của màn hình hiển



thị đa chức năng, các chỉ báo sẽ quay số đi từ mức tối thiểu đến mức tối đa.

Chế độ "tự kiểm tra" bị gián đoạn khi: khi các mũi tên của đồng hồ đã chạy từ mức 0 của thang đo ban đầu đến mốc tối đa; khi xuất hiện tín hiệu báo tốc độ; khi công tắc khởi động được tắt.

Sau khi hoàn thành chế độ "tự kiểm tra", cụm đồng hồ sẽ chuyển sang chế độ vận hành.

Để điều khiển Nhật ký hành trình (qua các danh mục), vặn nút theo chiều kim đồng hồ (TC-lên) hoặc ngược chiều kim đồng hồ (TC-xuống).

Để đặt lại các chỉ báo riêng lẻ của nhật ký hành trình, hãy nhấn nút trong khi hiển thị một chỉ báo cụ thể.

4. Màn hình hiển thị đa chức năng.

Xem chế độ vận hành ở trang tiếp theo.

5. Nút điều chỉnh Quãng đường hàng ngày/chuyển giờ và phút.

Để đặt lại số đo quãng đường hàng ngày, hãy nhấn và giữ nút trong ít nhất 3 giây.

Để thay đổi giờ và phút, xoay nút theo chiều kim đồng hồ sẽ thay đổi giờ, ngược chiều kim đồng hồ sẽ thay đổi phút.

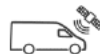
6. Đồng hồ báo mức nhiên liệu.

Khi lượng nhiên liệu còn lại dưới 8 lít, kim chỉ sẽ chỉ vào vùng đỏ của thang đo và đèn báo dự trữ nhiên liệu tối thiểu sẽ bật sáng.



LƯU Ý!

Vị trí của kim chỉ mức tốc độ sẽ dao động theo bề mặt nơi đậu xe và theo mức tải của xe.



7. Đồng hồ đo tốc độ.

Hiển thị vận tốc của xe tính bằng km/h.



LƯU Ý!

Để tránh lỗi cụm đồng hồ, nghiêm cấm ngắt ắc quy (rút dây khỏi các điện cực “+” và “-“ khi thiết bị đang bật).

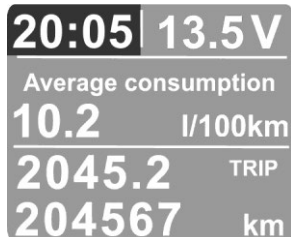
Để ngừa các ảnh hưởng có thể xảy ra khi hoạt động của lõi cụm đồng hồ:

- 1. Tắt Công tắc khởi động.*
- 2. Nếu ắc quy bị ngắt kết nối, khôi phục kết nối nó lại vào hệ thống điện, nếu ắc quy đang được kết nối, hãy ngắt kết nối và kết nối lại vào hệ thống sau vài giây.*
- 3. Nhấn và giữ nút Chế độ và bật Công tắc thiết bị. Trong trường hợp này, các chỉ báo mũi tên sẽ trở lại vị trí ban đầu.*

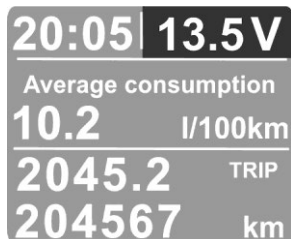


Màn hình hiển thị đa chức năng:

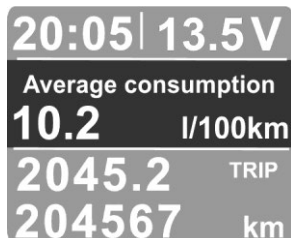
Chỉ dẫn hiển thị:



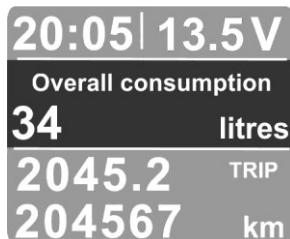
Chế độ giờ hiện tại, giờ:phút (từ 00:00 đến 23:59)



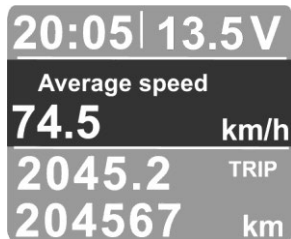
Điện áp hệ thống điện, V (từ 6.0 đến 18.0)



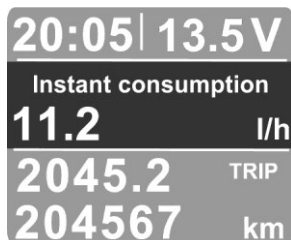
Lượng tiêu thụ nhiên liệu trung bình, lít/100km (“л/100км” như trong hình) (từ 0.0 đến 19.9)



Tổng lượng tiêu thụ nhiên liệu, lít (từ 0 đến 9999). Khởi động lại bằng nút «Mode».



Vận tốc trung bình, km/h (từ 0 đến 250). Khởi động lại bằng nút “Mode”



Tiêu thụ mức nhiên liệu tức thời, lít/h (từ 0.0 đến 19.9)



20:05 | 13.5 V
Mileage till fueling
350 km
2045.2 TRIP
204567 km

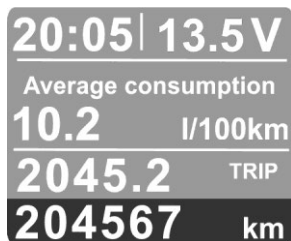
Số km tới khi nạp mới nhiên liệu, km (từ 30 đến 999)

20:05 | 13.5 V
Travel time
04:35
2045.2 TRIP
204567 km

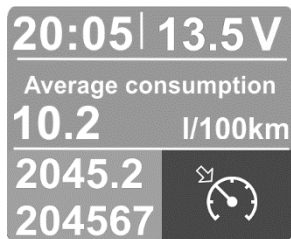
Thời gian hành trình, giờ:phút (từ 00:00 đến 99:59). Khởi động lại bằng nút «Mode»

20:05 | 13.5 V
Average consumption
10.2 l/100km
2045.2 TRIP
204567 km

Công tơ mét, km (từ 0.0 đến 9999.9)



Chỉ báo đọc đồng hồ khoảng cách, km (từ 0 đến 999999)

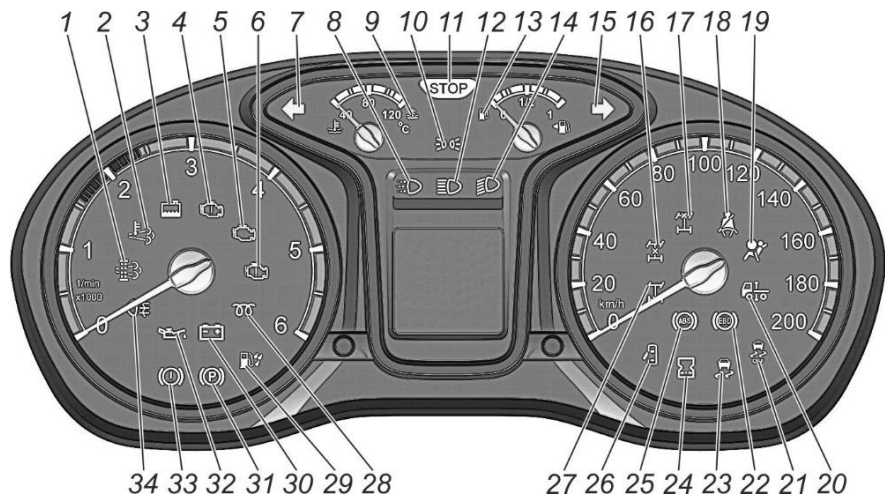


Chế độ thông tin điều khiển hành trình

Những dữ liệu “Nhật ký hành trình” như trên nhằm mục đích cung cấp và tham khảo thông tin.



Chỉ báo trên cụm đồng hồ



-  Đèn cảnh báo tắc Bộ lọc hạt (màu cam).
Cảnh báo tài xế về tình trạng của Bộ lọc hạt Diesel.
-  Đèn cảnh báo nhiệt độ cao của hệ thống xả (màu cam).
Khi đèn nhấp nháy liên tục, đồng nghĩa thông báo cho tài xế về nhiệt độ khí thải tăng cao do bộ lọc hạt Diesel tự động tái tạo.
-  Đèn cảnh báo mức dung dịch làm mát thấp (màu cam).



Nếu đèn sáng, đồng nghĩa cần phải giải quyết nguyên nhân rò rỉ dung dịch làm mát và đổ thêm dung dịch làm mát để hệ thống làm mát của xe về mức bình thường.

4. Đèn cảnh báo về sự cố nghiêm trọng của động cơ (màu đỏ).

Bật sáng trong thời gian ngắn khi thiết bị được bật. Trong trường hợp không có trục trặc, đèn sẽ sáng khi bộ thiết bị được bật và giữ liên tục trong 2-5 giây, sau đó tắt.

Nếu đèn sáng liên tục, sẽ báo hiệu cho tài xế về sự cố nghiêm trọng (quá nhiệt động cơ, giảm áp suất dầu, lỗi chân ga, trục trặc nghiêm trọng của bộ phận điện), do đó tài xế cần phải ngay lập tức dừng lái xe và tắt động cơ.

5. Đèn cảnh báo Báo hiệu hỏng hóc (màu cam).

Đèn sáng trong thời gian ngắn khi thiết bị được bật. Cảnh báo cho tài xế về các trục trặc mà hệ thống chẩn đoán trên xe phát hiện và liên quan đến khí thải và khí thải dạng hạt.

Khi đèn sáng liên tục cần phải thực hiện chẩn đoán hệ thống điều khiển động cơ tại cơ sở bảo dưỡng. Sau khi hết cố, đèn tiếp tục nhấp trong bốn chu kỳ khởi động động cơ, và sau đó tắt.

6. Đèn cảnh báo hệ thống điều khiển động cơ (màu cam).

Với hệ thống điều khiển vận hành đúng, đèn báo sẽ sáng sau khi bật thiết bị và sáng liên tục trong vòng 2-5 giây, sau đó tắt. Điều này cho thấy rằng động cơ đã sẵn sàng khởi động.

Khi đèn liên tục sáng, thông báo cho tài xế về sự cố không nghiêm trọng để người lái xe có thể tiếp tục lái xe. Trong trường hợp này, xe phải được chẩn đoán tại đơn vị bảo dưỡng.

7. Đèn xi nhan rẽ trái (màu xanh lá).



8.  Đèn báo đèn xe bật vào ban ngày (màu trắng).

9.  Đèn cảnh báo Nhiệt độ cao của dung dịch làm mát (màu đỏ).

Đèn sẽ sáng trong thời gian ngắn khi khởi động động cơ. Nếu đèn sáng liên tục, phải lập tức dừng động cơ (như trình bày trong mục “Tắt động cơ”) phát hiện và khắc phục nguyên nhân quá nhiệt.

10.  Đèn báo Đèn kích thước (màu xanh lá).

11.  Đèn cảnh báo DỪNG (màu đỏ)

Đèn sáng đồng thời với một trong các đèn báo động. Nếu một trong số các đèn báo hiệu được chỉ định sáng lên, xe không được phép tiếp tục di chuyển, sử dụng cho đến khi sự cố được khắc phục.

Đèn nháy kết hợp với tín hiệu báo động âm thanh báo hiệu yêu cầu dừng của hành khách (nhấn nút trong khoang hành khách).

12.  Đèn báo Đèn chiếu xa (màu xanh lam).

13.  Đèn cảnh báo dự trữ nhiên liệu tối thiểu (màu cam). Đèn báo sẽ bật khi mực nhiên liệu còn dưới 8 lít.

14.  Đèn báo Đèn chiếu gần (màu xanh lá).

15.  Đèn báo xi nhan rẽ phải (màu xanh lá).

16.  Đèn báo khóa vi sai trung tâm (màu cam) hoặc tương đương



17.  Đèn báo khóa vi sai trước tâm (màu cam) hoặc tương đương
18.  Đèn báo việc không thắt dây an toàn (màu đỏ) hoặc tương đương.
19.  Đèn báo lỗi túi khí hoặc dây an toàn (màu đỏ) hoặc tương đương.
20.  Đèn báo cho hoạt động của hệ thống treo khí (màu cam).

Đèn báo nhấp nháy báo hiệu cho biết vị trí của hệ thống treo ngoài vị trí cho phép. Đèn báo nhấp nháy không đều của thiết bị báo hiệu trong trường hợp này cũng cho thấy có sự cố trong hoạt động của hệ thống treo khí nén.

Việc đèn báo nhấp nháy liên tục cho thấy hệ thống treo khí có trục trặc. Và xe cần phải được di chuyển về cơ sở bảo hành để kiểm tra.

21.  Đèn cảnh báo vô hiệu hóa hệ thống kiểm soát ổn định điện tử (màu cam) hoặc tương đương.
Đèn báo sáng khi thiết bị được bật và sẽ tắt sau vài giây.
Đèn báo sáng liên tục nếu ngắt hệ thống Kiểm soát ổn định điện tử (ESP) bằng cách sử dụng công tắc trên bảng điều khiển.

22.  Đèn cảnh báo lỗi Hệ thống phân phối lực phanh điện tử (màu đỏ) hoặc tương đương.

Đèn báo sáng khi kích hoạt thiết bị và tự tắt sau vài giây.

Đèn báo sáng liên tục hoặc bật sáng khi đang lái xe báo hiệu “Hệ thống phân phối lực phanh điện tử” có vấn đề.

Nên đưa xe về cơ sở bảo hành để kiểm tra và sửa chữa.



Không sử dụng xe cho đến khi vấn đề được khắc phục.

23.  Đèn cảnh báo lỗi Hệ thống cân bằng điện tử (ESC) (màu cam) hoặc tương đương.

Đèn báo sẽ sáng khi khởi động thiết bị và tắt sau vài giây.

Đèn sáng liên tục hoặc bật sáng khi đang lái báo hiệu Hệ thống cân bằng điện tử có vấn đề.

Xe nên được chuyển đến và kiểm tra tại đơn vị bảo dưỡng.

24.  Đèn cảnh báo áp suất thấp trong hệ thống khí nén (màu cam) hoặc tương đương

25.  Đèn cảnh báo về sự cố của Hệ thống chống bó cứng phanh (màu cam) hoặc tương đương.

Đèn sáng khi khởi động thiết bị và tắt sau vài giây.

Đèn sáng liên tục hoặc bật sáng khi đang lái báo hiệu ABS bị lỗi. Trong trường hợp này, hệ thống phanh chính vẫn hoạt động.

Xe nên được chuyển đến và kiểm tra tại đơn vị bảo dưỡng.

26.  Đèn cảnh báo việc cửa đang mở, cũng như thiết bị báo hiệu để chặn tay nắm mở khẩn cấp (màu đỏ) hoặc tương đương.

Đèn báo sáng ở chế độ nhấp nháy và tín hiệu âm thanh định kỳ nhân đôi khi lái xe báo hiệu cửa vẫn đang mở.

Đèn báo sáng ở chế độ nhấp nháy và tín hiệu âm thanh ngắt quãng liên tục báo hiệu việc khóa các tay nắm bên ngoài của cửa.

27.  Đèn cảnh báo vi sai sau (màu cam) hoặc tương đương.



28.  Đèn cảnh báo bộ làm nóng không khí vào (màu cam).

Đèn sáng khi khởi động thiết bị. Chỉ được khởi động xe bằng Công tắc khởi động sau khi đèn này đã tắt.

29.  Đèn cảnh báo có nước trong nhiên liệu (màu cam).

Đèn sáng trong thời gian ngắn khi khởi động thiết bị. Đèn sáng liên tục báo hiệu có nước trong bộ lọc nhiên liệu. Lập tức dừng động cơ, hút nước khỏi bộ lọc nhiên liệu hoặc tham vấn cơ sở bảo dưỡng.

30.  Đèn cảnh báo (màu đỏ) ắc quy.

Đèn sáng khi khởi động thiết bị và sẽ tắt khi động cơ khởi động. Nếu đèn sáng liên tục khi động cơ đang chạy báo hiệu rằng đai truyền động bị trễ hoặc đứt, hoặc là một vấn đề đối với mạch ắc quy.

31.  Đèn phanh đậu xe (màu đỏ).

Đèn nhấp nháy khi khởi động thiết bị, nếu phanh đậu xe đang được kích hoạt (cùng tín hiệu báo động âm thanh nếu xe đang di chuyển).

32.  Đèn cảnh báo (màu đỏ) áp suất dầu thấp.

Đèn sáng khi khởi động thiết bị và sẽ tắt khi động cơ khởi động (cùng tín hiệu báo động âm thanh nếu xe đang chuyển động).

Đèn sáng khi xe đang chạy báo hiệu rằng áp suất dầu thấp trong hệ thống bôi trơn động cơ. Trong trường hợp này, lập tức dừng động cơ và kiểm tra mực dầu trong động cơ và đổ đầy nếu cần thiết. Nếu mực dầu ở giới hạn bình thường, hãy liên hệ với cơ sở bảo hành.

33.  Đèn cảnh báo xi lanh chính của phanh (màu đỏ)



Đèn sáng báo hiệu có vấn đề với hệ thống phanh.

Ngay lập tức đưa xe đến cơ sở bảo hành để kiểm tra và không được sử dụng xe cho đến khi vấn đề được khắc phục.

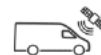
34.  Đèn cảnh báo sương mù sau (màu cam).



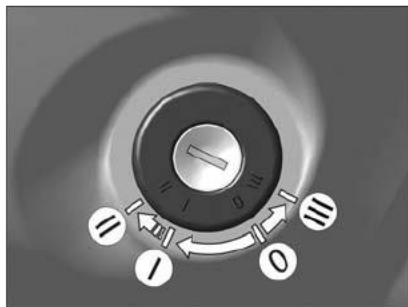
LƯU Ý!

Không được sử dụng xe khi có đèn cảnh báo đỏ hoặc nhấp nháy. Nếu không thể xử lý vấn đề ngay tại hiện trường, có thể di chuyển xe đến cơ sở bảo hành, trừ khi có đèn cảnh báo đang sáng cấm sử dụng xe tiếp.

Trong trường hợp chậm trễ khi liên hệ với trạm bảo dưỡng, xe có thể mất điều khoản bảo hành. Thời gian xe hoạt động khi đang có cảnh báo và đèn cảnh báo đang sáng được ghi lại trong bộ nhớ của bộ điều khiển.



Ổ KHÓA ĐIỆN



Vị trí nút:

0 – toàn bộ chức năng đều tắt, không thể rút chìa khóa ra được, thiết bị chống trộm tắt;

I – Các đồng hồ (khởi động) được bật và chìa khóa không rút ra được;

II – Các đồng hồ (khởi động) được bật và chìa khóa không rút ra được;

– Các đồng hồ khởi động tắt, thiết bị chống trộm được bật và chìa khóa đã rút. Để khóa vô lăng, xoay vô lăng theo hướng bất kỳ khi đã rút chìa khóa cho đến khi nghe tiếng cách.

Để tắt thiết bị chống trộm, tra chìa khóa vào Công tắc ổ khóa điện và quay chìa về 0, và đồng thời lắc nhẹ vô lăng sang phải và trái.



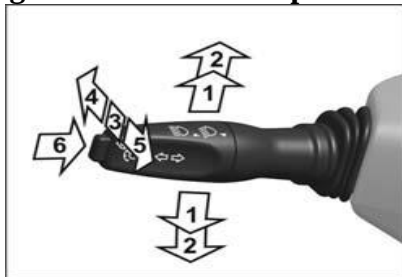
CẢNH BÁO!

Để tránh khóa trực tay lái, không được rút chìa khóa khi xe đang di chuyển hoặc đang được kéo.



CÀN ĐIỀU KHIỂN

Công tắc xi nhan và đèn pha



Đèn xi nhan hoạt động khi bật ổ khóa điện. Gạt cần lên để xi nhan rẽ phải và xuống để xi nhan rẽ trái.

Vị trí cần:

1. Vị trí kích hoạt tức thời của xi nhan.

Gạt cần lên hoặc xuống hết cỡ theo mức độ di chuyển tự do của nó (cho đến khi bạn cảm giác lực đàn hồi nhẹ trên cần).

Đèn xi nhan tiếp tục nhấp chùng nào vẫn còn giữ cần. Đồng thời đèn báo tương ứng trên cụm thiết bị sẽ nhấp

1. Vị trí giữ xi nhan.

Khi hoàn thành một lần rẽ, cần gạt sẽ tự động quay về vị trí ban đầu.

Đèn cảnh báo trên bảng đồng hồ nhấp nhanh hơn báo hiệu đèn báo xi nhan bị lỗi.

2. Đèn chiếu gần.

Vị trí cần gạt cố định ở trung tâm tương ứng với vị trí nút điều khiển đèn chính ở vị trí II và công tắc Ổ khóa điện ở vị trí I.

3. Đèn chiếu xa.



Gạt cần gạt từ vô lăng vào vị trí chính giữa.

4. Đèn pha nháy trong thời gian ngắn.

Kéo cần gạt về phía vô lăng. Khi thả ra, cần gạt sẽ quay lại vị trí ban đầu.

5. Nút điều khiển hành trình. Ấn nút theo chiều dọc một lần sẽ kích hoạt điều khiển hành trình. Ấn nút lần 2 sẽ làm giảm tốc độ xe một chút mỗi lần cho đến khi đạt được tốc độ là 50km/h.

Chức năng điều khiển hành trình được kích hoạt khi xe tăng tốc đến trên 48km/h. Để kích hoạt chức năng này, nhấn nhanh nút "Kiểm soát hành trình" và nhả bàn đạp ga. Đồng thời, hệ thống ghi nhớ tốc độ hiện tại của xe và duy trì tốc độ đó cho đến khi nhấn bất kỳ bàn đạp điều khiển xe buýt nào (chân ga, chân phanh, hoặc chân côn). Khi bạn nhấn bất kỳ bàn đạp điều khiển nào, chức năng "Kiểm soát hành trình" sẽ bị tắt.

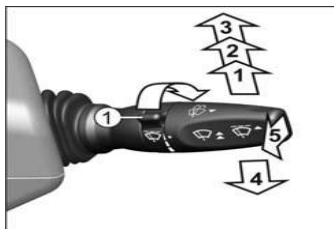
Cần gạt nước và vòi phun rửa kính chắn gió có điều khiển quang dừng.

Cần gạt nước và vòi phun rửa kính chắn gió chỉ hoạt động khi ổ khóa điện được bật.

Trong thời tiết lạnh, trước khi bật hãy đảm bảo rằng cần gạt nước không bị đóng băng vào kính chắn gió.

Vị trí cần:

1. Thao tác gạt nước gián đoạn.



Các lưỡi gạt nước thực hiện một chu kỳ khoảng từ 2 giây đến 12 giây, tùy thuộc vào điều khiển thời gian ngắt quãng (1), điều chỉnh bằng cách xoay cần gạt theo hướng tên trong hình.



2. Gạt nước tốc độ thấp.
3. Gạt nước tốc độ cao.
4. Làm sạch kính chắn gió với một chu kỳ cần gạt nước đầy đủ. Di chuyển cần gạt chỉ đến giới hạn di chuyển tự do (đến khi cảm thấy cần có lực cản nhẹ trên cần gạt).

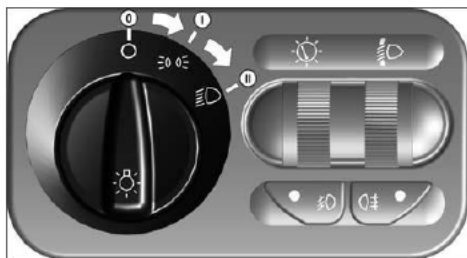
Gạt nước sẽ hoạt động chừng nào vẫn còn giữ tay cầm. Khuyến nghị sử dụng khi có trời mưa nhỏ hoặc khi xe bị dính nước khi có xe khác đi tới.

5. Bật vòi rửa kính chắn gió.

Được kích hoạt bằng cách di chuyển cần gạt về phía trước dọc theo trụ lái từ bất kỳ vị trí nào, vị trí không cố định.

MÔ ĐUN ĐIỀU KHIỂN ĐÈN

Công tắc điều khiển đèn chính



Công tắc có 3 vị trí cố định:

0 – đèn ngoài trời tắt;

I – đèn định vị 2 bên xe, đèn cụm đồng hồ, đèn biển số sau và điều khiển của một số thiết bị được bật

II – Đèn pha hoặc đèn chiếu sáng chính được bật bổ sung, tùy thuộc vào vị trí (tương ứng là 3 hoặc 4) của cần gạt đèn xi nhan và đèn pha. Đèn chạy ban ngày tự động bật khi khởi động ở khóa điện, nếu công tắc đèn trung tâm ở vị trí 0. Khi chuyển công tắc sang vị trí I hoặc II, đèn chạy ban ngày sẽ tắt.



CẢNH BÁO!

Không được di chuyển khi đèn ban ngày bật trong điều kiện thiếu tầm nhìn hoặc vào ban đêm, vì đèn sau đuôi không sáng.



Đèn chạy ban ngày tự động bật khi bật ổ khóa điện, nếu công tắc đèn trung tâm ở vị trí 0. Khi chuyển công tắc sang vị trí I hoặc II, đèn chạy ban ngày sẽ tắt.

Công tắc điều khiển chiếu sáng đồng hồ



Điều chỉnh công tắc lên – xuống để điều chỉnh độ sáng đèn chiếu sáng đồng hồ, điều khiển, bảng điều khiển bộ sườn.



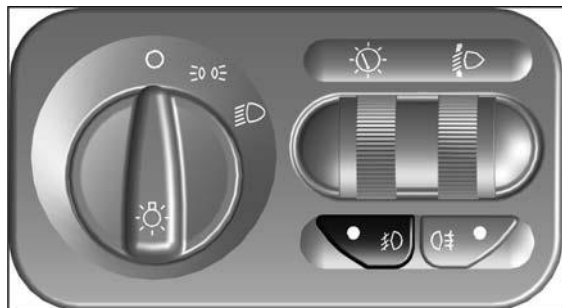
Công tắc điều chỉnh đèn pha



Cho phép điều chỉnh góc của chùm ánh sáng khi đèn pha bật sáng, tùy thuộc vào tải trọng của xe buýt:

- 0** – chỉ có tài xế
- 1** – Xe tải đầy;
- 2 và 3** – không sử dụng.

Công tắc đèn sương mù phía trước



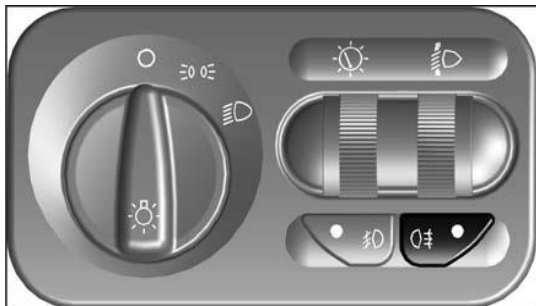
Đèn sương mù trước sẽ bật khi nút được bấm, nếu đèn kích thước đã bật. Trong trường hợp này, đèn kích hoạt đèn sương mù trước sẽ sáng trên nút.

Để tắt đèn:

- Ấn nút lần nữa;
- Vận chìa khóa về vị trí số 0.
- Vận công tắc điều khiển «0».



Công tắc đèn sương mù sau



Đèn sương mù sau sẽ bật khi bấm nút, nếu đèn chiếu gần hoặc đèn chiếu xa hoặc đèn sương mù trước bật.

Trong trường hợp này, đèn trên nút và đèn báo kích hoạt đèn sương mù sau trên cụm thiết bị sẽ sáng.

Tắt đèn sương mù bằng cách:

- Ấn nút thêm một lần nữa;
- Điều chỉnh nút điều khiển đèn chính về «0».

Đèn chiếu gần/ xa hoặc đèn sương mù trước được tắt.

CÔNG TẮC ĐIỀU KHIỂN BẢNG ĐỒNG HỒ



Một số nút có (+) và một vài nút không có (-) điều khiển các thiết bị báo hiệu ở trạng thái bật.



1.  Công tắc đóng / mở cánh cửa cửa ra vào (+).
2.  Công tắc mở / đóng cửa ra vào (+) (màu vàng).
3.  Công tắc sưởi ghế tài xế (+).
4.  Công tắc tái tạo bộ lọc hạt (không có nút giữ) (-).
5.  Công tắc làm ấm dung dịch làm mát (+).
6.  Công tắc khóa vi sai trục sau (+) hoặc
-  Nút tắt hệ thống cân bằng điện tử (-).



CÔNG TẮC ĐÈN CẢNH BÁO NGUY HIỂM



Công tắc (1) được đặt ở lỗ khoét trên ốp trục lái.

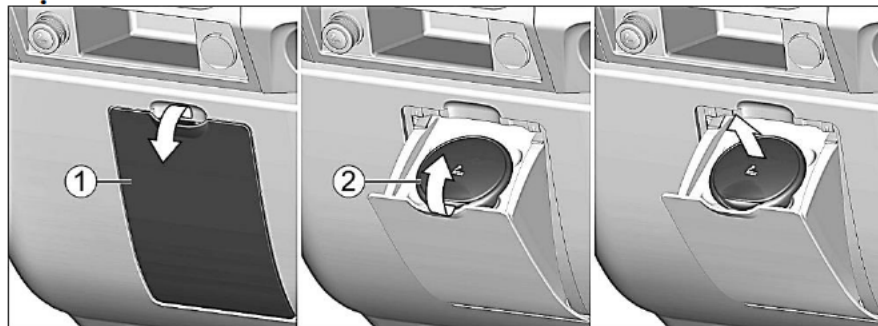
Khi bấm nút, tất cả đèn xi nhan sẽ bắt đầu nháy.

Đèn cảnh báo nguy hiểm phải được bật khi xe cần phải dừng lại trên đường và để cảnh báo những người đi đường khác về nguy hiểm từ xe của bạn gây ra.

Đèn cảnh báo nguy hiểm hoạt động bất kể khi ổ khóa điện được bật hay tắt.



GẠT TÀN THUỐC

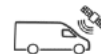


Gạt tàn thuốc nằm trong ngăn đựng nhỏ trên bảng điều khiển. Để sử dụng, hãy mở nắp khoang chứa (1) và sau đó là nắp gạt tàn (2) như trong hình. Để làm sạch khoang đựng gạt tàn, hãy kéo nó lên ở mép ngoài của gạt tàn.

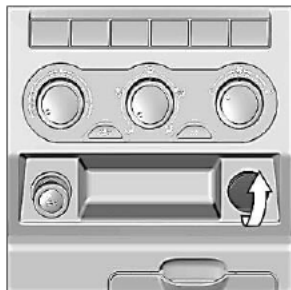


LƯU Ý!

Không được để các vật dễ gây cháy nổ vào bên trong gạt tàn.



Ổ CẮM



Ổ cắm có điện áp danh định là 12V được thiết kế để kết nối với các thiết bị điện bên ngoài (phích cắm đèn kiểm tra, sạc điện thoại, v.v.). Để sử dụng ổ cắm, hãy mở nắp đậy ổ cắm như trong hình minh họa.

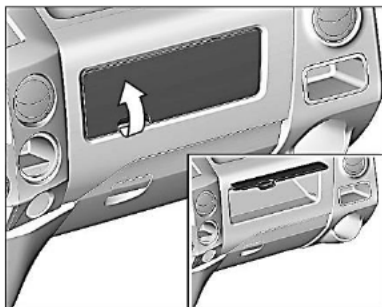


LƯU Ý!

Không sử dụng ổ cắm để kết nối các thiết bị bên ngoài có công suất vượt quá 120W.

HỘP GĂNG TAY

Hộp găng tay trên



Hộp găng tay được mở bằng tay cầm, như hình mũi tên. Trên một số cấu hình xe, hộp găng tay có thể không được lắp nắp.

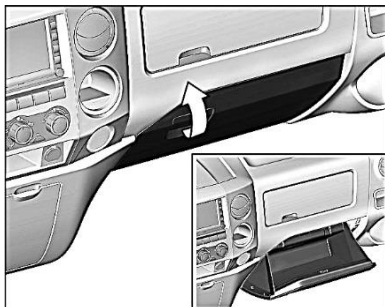


LƯU Ý!

Để giảm nguy cơ thương tích cho hành khách, nắp hộp đựng găng tay phải luôn được đóng.



Hộp găng tay dưới



Hộp găng tay dưới được mở bằng tay cầm, như hình mũi tên.

Ngăn đựng tài liệu



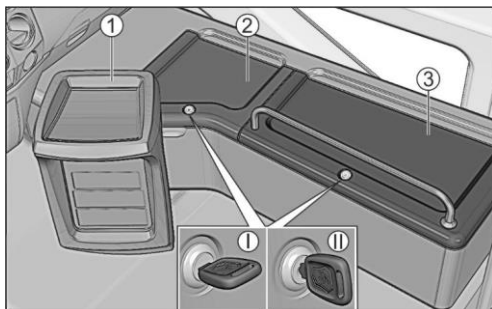
Nắp ngăn đựng tài liệu được mở bằng tay cầm như hình mũi tên. Không nhấn vào tay cầm khi đóng nắp.



Ngăn và hộc cho các vật dụng nhỏ

Để chứa các vật dụng nhỏ trong cabin, trên bảng điều khiển thiết bị và cánh cửa xe, có các ngăn, hộc cho các vật dụng nhỏ.

Bảng điều khiển và hộc hành lý trước



Trên một số cấu hình xe buýt riêng lẻ, có bảng điều khiển (1) được đặt ở bên phải tài xế để chứa vài thiết bị.

Bên cạnh bảng điều khiển dọc bên phải của xe, có thể lắp đặt một hộc hành lý phía trước, bao gồm hai ngăn chứa đồ được đóng bằng nắp (2) và (3). Mỗi nắp được trang bị bản lề ở phía sau và một thiết bị khóa ở đối diện. Để mở ổ khóa của nắp tương ứng, hãy cắm chìa khóa riêng (tham khảo phần "Chìa khóa") vào khe ổ khóa (vị trí I) và xoay sang phải cho đến khi nó dừng lại (vị trí II). Để khóa ổ khóa, xoay chìa khóa sang trái (vị trí I).



BỘ SỬỞI, THÔNG GIÓ VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ

Quạt thông gió



A – Quạt thông gió bên đóng

B – Quạt thông gió trung tâm mở

1 – Mở

2 – Đóng

3 – Điều chỉnh luồng khí



Bảng điều khiển hệ thống sưởi, thông gió và điều hòa không khí



- 1 – Công tắc điều chỉnh nhiệt độ không khí
- 2 – Công tắc điều chỉnh phân phối lưu lượng khí
- 3 – Công tắc điều chỉnh tốc độ quạt
- 4 – Công tắc điều hòa (nếu có)
- 5 – Công tắc điều chỉnh lấy không khí trong/ ngoài xe



Hướng khí đến khu vực chân tài xế và hành khách



Hướng khí đến khu vực cửa sổ, chân tài xế và chân hành khách



Hướng khí đến kính chắn gió và kính cửa sổ



Hướng khí đến cửa sổ, trong khoang và khu vực chân tài xế và chân hành khách



Hướng khí vào trong khoang thông qua các quạt thông gió



Làm tan sương mù kính



Để nhanh chóng làm tan sương mù của kính chắn gió và cửa sổ, quay công tắc (1) và (3) trên bảng điều khiển hết mức về phía bên phải và nút (2) đến vị trí  như trong hình.

Để nhanh chóng làm ấm khoang hành khách, xoay công tắc (1) và (3) trên bảng điều khiển hết mức về bên phải và công tắc (2) đến vị trí  như trong hình.

Sưởi



Để đạt được hiệu quả sưởi ấm tối đa và đảm bảo bên trong xe khỏi mùi khó chịu và khói, hãy bật chế độ thay đổi cách lấy không khí trong/ ngoài xe bằng cách nhấn nút (5). Chế độ luân chuyển sẽ tự động tắt sau 10 phút. Việc tắt gấp thực hiện bằng cách nhấn lại nút (5). Sau khi dừng và khởi động động cơ, van điều khiển luân chuyển lại không khí sẽ được chuyển sang chế độ nạp khí ngoài.

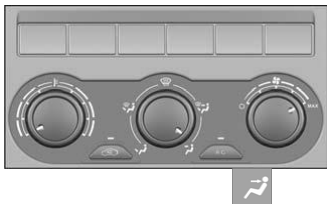
Không sử dụng chế độ luân chuyển lại không khí trong thời gian dài, vì trong trường hợp này, không khí mới không được tiếp nhận thêm vào bên trong khoang xe, có thể dẫn đến sức khỏe giảm sút, cũng như làm mờ cửa sổ.

Khi bên trong xe đủ ấm, công tắc điều khiển tốc độ quạt (3) nên quay về vị trí chính giữa, công tắc điều khiển phân phối không khí quay về vị trí tương ứng với phân phối không khí ưa thích và điều chỉnh nhiệt độ bằng cách xoay núm điều chỉnh nhiệt độ (1) trong vùng màu đỏ.



Thông gió

Để đạt lượng không khí mới tối đa, xoay núm (1) trên bảng điều khiển hết cỡ về bên trái, núm (3) hết cỡ về bên phải và núm (2) về vị trí như trong hình.



Mở quạt thông gió.

Điều chỉnh luồng khí bằng cách điều chỉnh vị trí của quạt.

Để tránh tình trạng mùi, khí thải từ bên ngoài vào trong khoang xe, khi đang lưu thông trong đường hầm, vv... nên kích hoạt chế độ lưu chuyển lại không khí bằng cách nhấn nút (5).

Điều hòa khoang hành khách



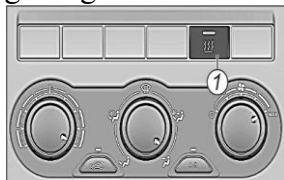
Điều chỉnh cấp độ của điều hòa khoang hành khách bằng cách vận núm điều khiển, với các cấp độ tương ứng:

- O – Tắt điều hòa khoang hành khách
- I, II, III – Cấp độ hoạt động mạnh dần



Bộ sưởi sàn xe

Xe buýt được lắp đặt một bộ làm nóng dung dịch làm mát, để đạt được điều kiện thoải mái trong cabin xe buýt và để ổn định chế độ nhiệt độ của động cơ diesel vào mùa đông. Nó được lắp đặt ở khoảng trống dưới sàn sau vòm bánh trước bên phải.



Nhấn nút (1) khởi động bộ làm nóng dung dịch làm mát khi động cơ đang chạy và máy sưởi được bật. Sau đó sẽ vận hành ở chế độ tự động, tăng nhiệt độ của dung dịch làm mát đi vào hệ thống sưởi ấm lên đến 80-85°C, do đó tăng hiệu suất hoạt động vào mùa đông.

Nên bật bộ làm nóng dung dịch làm mát khi nhiệt độ không khí bên ngoài dưới 5°C.

Bộ sưởi tăng cường

Để tạo điều kiện thoải mái, trong khoang hành khách đã lắp đặt thêm hệ thống sưởi tăng cường.

Tùy thuộc vào cấu hình, xe có thể được trang bị một bộ sưởi cho phần phía sau với một bộ đôi lưu cho phần giữa hoặc hai bộ sưởi riêng biệt cho phần sau và giữa của cabin.

Máy sưởi được lắp đặt dưới ghế của hàng ghế bên trái của khoang hành khách. Lưới phân phối của máy sưởi được hướng ra khoang hành khách. Bộ phận đối lưu nằm dưới các ghế gập bên hông, luồng không khí được dẫn xuống sàn.

Hệ thống sưởi hoạt động ở chế độ không khí trong xe. Luồng không khí bên trong lặp đi lặp lại qua lõi của bộ sưởi tăng cường đảm bảo cường độ sưởi ấm cao bên trong.

Bộ đối lưu được điều khiển bởi một nút nằm dưới bộ làm lệch hướng trung tâm bên trái.



Điều khiển hệ thống sưởi tăng cường bằng nút vặn trên bảng điều khiển, có thể điều chỉnh tốc độ quạt (từ 1 đến 3).

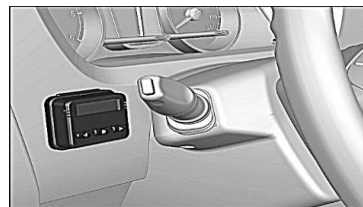
Điều khiển bộ đối lưu với nút nằm dưới bộ làm lệch hướng trung tâm bên trái.

Bộ sưởi độc lập

Để tạo điều kiện hoạt động thoải mái, trên xe trang bị thêm hệ thống sưởi độc lập trong khoang hành khách.

Bộ sưởi độc lập được lắp đặt dưới hàng ghế sau của hành khách. Bộ sưởi sử dụng không khí bên trong để sưởi ấm. Luồng không khí bên trong đưa qua bộ trao đổi nhiệt nhiều lần để đảm bảo cường độ sưởi ấm cao. Các ống dẫn khí của bộ sưởi độc lập dẫn luồng không khí được làm nóng vào khoang hành khách.

Điều khiển bộ sưởi độc lập bằng bảng điều khiển.



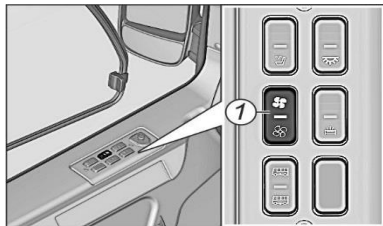
Bật bộ sưởi độc lập khoảng 10 phút mỗi tháng một lần, kể cả khi mùa nóng. Trước khi bắt đầu vận hành thường xuyên vào mùa lạnh, tiến hành chạy thử bộ sưởi. Sau một thời gian dài không hoạt động, phải kiểm tra nguồn cấp không khí vào buồng đốt và cửa xả khí thải và nếu cần thì phải làm sạch.



Các đường dẫn nhiên liệu và bơm định lượng phải được đổ đầy nhiên liệu mới sau khi tiếp nhiên liệu diesel mùa đông bằng cách cho lò sưởi hoạt động trong 15 phút!

Các yêu cầu khác được quy định trong sách hướng dẫn vận hành đối với bộ sưởi độc lập, được cung cấp cùng với xe.

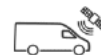
Bộ lọc và thông gió (FVU)



Một bộ FVU hoạt động ở chế độ cấp và xả có thể được lắp đặt ở phía sau của mái thông gió tăng cường.

Việc bật / tắt FVU với công tắc (1), nằm ở bên trái của trình điều khiển trên thành bên.

Thiết kế và các tính năng vận hành, các trục trặc có thể xảy ra, các thông số kỹ thuật và điều khoản bảo hành của FVU được quy định trong Sổ tay hướng dẫn (Hướng dẫn sử dụng) kèm theo.



ĐÈN CHIẾU SÁNG BÊN TRONG

Đèn trần trên đầu của vị trí tài xế được đặt ở phía trước của tấm lót mũi.

Đèn nội thất được bố trí trên tấm lót mũi xe ở trung tâm phần giữa và sau của cabin.



Việc bật / tắt đèn bằng công tắc 1, đèn chiếu sáng bên trong - bằng công tắc 2, nằm ở bên trái người lái trên hông xe.

LƯU Ý!

Không bật đèn chiếu sáng trong vị trí ghế tài xế hoặc khoang hành khách trong thời gian dài khi động cơ không hoạt động để tránh trường hợp xả ắc quy.

HỆ THỐNG KIỂM SOÁT HỆ THỐNG TREO KHÍ NÉN ĐIỆN TỬ



Trên xe cài đặt hệ thống kiểm soát hệ thống treo khí nén điện tử.
Nhấn công tắc (1) để kích hoạt hệ thống treo khí nén, nằm ở phía bên trái của tài xế trên hông xe.

Cơ chế hoạt động

Nâng thân xe với chế độ thủ công

Nếu mức hiện tại của thân xe thấp hơn mức vận chuyển, thì khi công tắc được chuyển đến vị trí "Nâng", xe sẽ tăng lên miễn là công tắc được giữ. Trong trường hợp này, mức thân tối đa có thể



đạt được là mức vận chuyển.

Nếu chiều cao hiện tại cao hơn hoặc bằng mức vận chuyển, thì khi công tắc được chuyển đến vị trí "Tăng", xe sẽ tăng lên miễn là công tắc được giữ. Trong trường hợp này, mức thân xe tối đa có thể đạt được là mức trên tối đa được lập trình trong quá trình hiệu chuẩn.

Hạ body xe với chế độ thủ công

Nếu mức thân xe hiện tại cao hơn mức vận chuyển, thì khi công tắc được chuyển đến vị trí "Thấp hơn", xe buýt sẽ hạ xuống miễn là công tắc được giữ. Trong trường hợp này, mức thân xe tối thiểu có thể đạt được là mức vận chuyển.

Nếu mức thân xe hiện tại thấp hơn hoặc bằng mức vận chuyển, thì khi công tắc được chuyển đến vị trí "Thấp hơn", xe buýt sẽ hạ xuống miễn là công tắc được giữ. Trong trường hợp này, mức thân xe tối thiểu có thể đạt được là mức thấp hơn tối thiểu được lập trình trong quá trình hiệu chuẩn.

Nâng thân xe với chế độ tự động

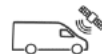
Nếu mức thân xe hiện tại thấp hơn mức vận chuyển, thì một lần nhấn nhanh (dưới 2 giây) công tắc sang vị trí "Nâng" sẽ tự động nâng cơ thể lên mức vận chuyển.

Quá trình nâng thân xe tự động có thể được dừng lại bằng cách nhấn nhanh (dưới 2 giây) công tắc sang vị trí "Nâng lên" hoặc "Hạ xuống".

Hạ thấp mức thân xe ở chế độ tự động

Nếu mức thân xe hiện tại cao hơn mức vận chuyển, hãy nhấn nhanh (dưới 2 giây) công tắc sang vị trí "Hạ" sẽ tự động hạ body xe xuống mức vận chuyển.

Nếu mức thân xe hiện tại thấp hơn hoặc bằng mức vận chuyển, thì khi nhấn nhanh công tắc (dưới 2 giây) đến vị trí "Thấp hơn", thân máy sẽ tự động hạ xuống mức thấp hơn tối thiểu được lập trình trong quá trình hiệu chuẩn.



Quá trình hạ thấp thân xe tự động có thể được dừng lại bằng cách nhấn nhanh (dưới 2 giây) công tắc sang vị trí "Nâng lên" hoặc "Hạ xuống".

Mức thân xe hiện tại sẽ tự động trở lại vị trí vận chuyển khi xe bắt đầu di chuyển.



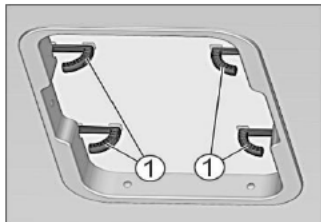
LƯU Ý!

Sử dụng hệ thống hạ thấp thân xe khi hành khách bị hạn chế khả năng vận động lên xe.

CỬA SẬP THÔNG GIÓ VÀ THOÁT HIỂM KHẨN CẤP

Cửa sập thông gió khẩn cấp được lắp đặt trên trần xe buýt, được trang bị để cung cấp và thông gió cho khoang hành khách trong quá trình vận hành và là lối thoát hiểm trong trường hợp khẩn cấp.

Để mở cửa sập để thông gió bên trong, hãy đẩy tay nắm phía trước và / hoặc phía sau (1) của nắp cửa. Các cơ chế cửa sập sẽ vào vị trí mở.

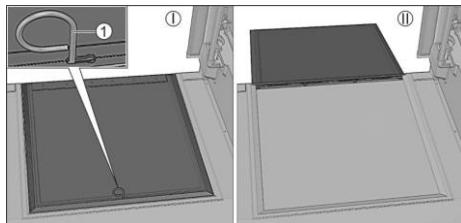


LƯU Ý!

Đóng cửa sập khi đang đỗ xe.



VÁN DỐC



Tùy theo cấu trúc riêng biệt của xe buýt ván dốc được trang bị để dành cho hành khách với khả năng di chuyển hạn chế đi vào dễ dàng.

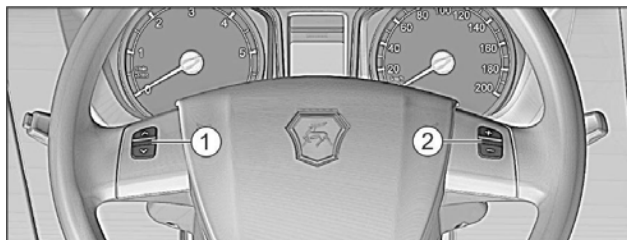
Khi cửa mở, sử dụng tay nắm (1) để có thể mở hoặc gấp ván dốc. Lấp tay cầm vào một rãnh hai mặt trên bề mặt của ván dốc như thể hiện trong hình và, nâng cạnh của ván dốc bằng tay cầm, mở (vị trí II) hoặc gấp (vị trí I) ván dốc. Cần phải đảm bảo rằng không có chướng ngại vật nào trên ván dốc.

THIẾT BỊ ÂM THANH



Tùy theo cấu hình xe sẽ được trang bị thiết bị âm thanh như sau:

- Bộ đài 2DIN được lắp sẵn vào bảng điều khiển. Sổ tay hướng dẫn sử dụng kèm theo.
- Cổng USB của bộ đài 2DIN nằm trong ổ cắm trung tâm của bảng điều khiển.
- Nút điều khiển cho bộ đài 2DIN nằm trên vô lăng:



1. Nút chọn trạm phát radio trong dải tần số hoạt động hoặc chọn băng.
 2. Nút điều chỉnh âm lượng.
- Loa: `n: trên mui xe.

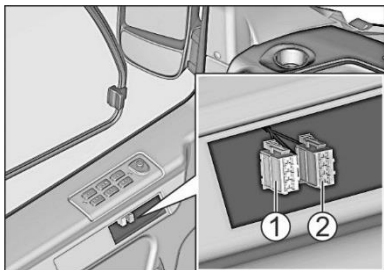


TỐC KÝ

Để kiểm soát các phương thức di chuyển, vận hành và nghỉ ngơi của các tài xế trên xe buýt, xe được trang bị tốc ký.

Tốc ký được lắp ở ngăn bên trái của tài xế.

Nếu tốc ký được lắp đặt tại nhà máy, sổ tay hướng dẫn sử dụng, giấy tờ xe và phích cắm tháo lắp kèm theo xe.



Nếu tốc ký không được lắp đặt tại nhà máy, có hai đầu nối điện để kết nối máy đo tốc độ với mạch điện của xe buýt: 1 (màu trắng) và 2 (màu vàng), nằm bên trong ngăn bên trái của tài xế.

Các đơn vị bảo hành chuyên biệt chịu trách nhiệm lắp đặt và bảo trì và đưa tốc ký vào hoạt động. Thông tin về các cơ sở bảo hành này, cũng như các thông tin khác liên quan đến việc sử dụng tốc ký, bạn có thể tìm thấy trên Internet trên trang web của FBU "Rosavtotrans".

Kết nối thiết bị bổ sung (bao gồm thiết bị định vị vệ tinh GLONASS hoặc GLONASS / GPS) với mạng trên xe được thực hiện như sau:

1. Lấy nguồn từ mạch đầu ra “15” của công tắc thiết bị từ cầu chì số 4 của hàng cầu chì bên trái trong hộp cầu chì của role và bằng thiết bị bằng cách lắp thêm một role không tải.
2. Lấy nguồn điện từ ắc quy + 12V từ hộp cầu chì nguồn trong khoang động cơ với việc lắp thêm một cầu chì ở gần chỗ đầu nối với hộp.

Khi lắp đặt hệ thống này trong thời gian bảo hành của xe buýt, đơn vị bảo hành đảm nhận trách nhiệm bảo hành đối với các thành phần của xe buýt đã hoàn thiện, cũng như chất lượng kết nối, lắp đặt các thành phần hệ thống và dây dẫn, khả năng tương thích điện từ với mạng trên bo mạch của xe.

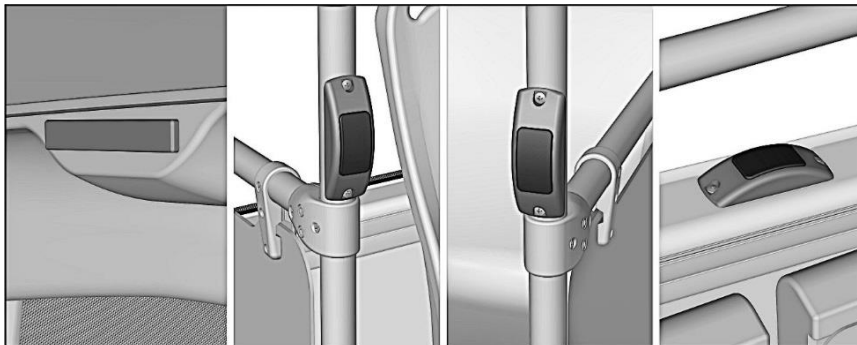


LIÊN LẠC VỚI TÀI XẾ

Xe buýt được trang bị hệ thống yêu cầu dừng, bao gồm đèn hiển thị “STOP” và các nút đặc biệt để đảm bảo rằng hành khách trong khoang yêu cầu xe dừng lại. Tùy thuộc vào cấu hình của xe buýt, các nút có thể được đặt trên các thành lan can của khoang hành khách và trên thành bên trái.

Khi nhấn nút sẽ phát ra tiếng bíp ba lần và đèn báo “STOP” trong cụm đồng hồ sẽ nhấp nháy. Đồng thời, bảng đèn "STOP" phía trước xe buýt sáng lên. Đèn báo trong cụm đồng hồ và bảng đèn tiếp tục sáng cho đến khi dừng mở cửa xe.

HỆ THỐNG THÔNG TIN HÀNH KHÁCH



Xe được lắp đặt hệ thống thông tin hành khách bao gồm một bộ điều chỉnh tự động nằm trong ngăn bên trái của tài xế, một micrô (có trong bộ thông tin thông minh), bảng thông tin LED, cảm biến nhiệt độ không khí trong cabin và bên ngoài, loa.

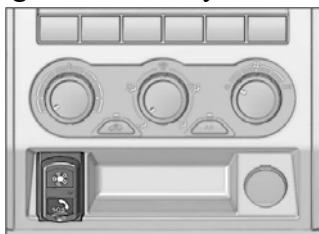
Hệ thống thông tin hành khách được trang bị để cung cấp cho hành khách nhiều loại thông tin như số tuyến xe, danh sách các điểm dừng, nhiệt độ không khí, thông tin quảng cáo, v.v.

Thông tin chi tiết cách sử dụng được nêu trong hướng dẫn sử dụng cho bộ tự động định dạng.



HỆ THỐNG "ERA-GLONASS"

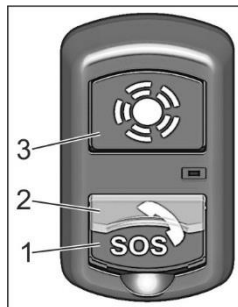
Thiết bị gọi khẩn cấp trong xe (OVEOS) được thiết kế, cho phép bạn gọi cho người điều hành hệ thống ERA-GLONASS, để giảm mức độ nghiêm trọng của hậu quả tai nạn giao thông và các sự cố khác trên đường bằng cách giảm thời gian đưa thông tin về những sự cố này đối với các dịch vụ khẩn cấp trong xe. OVEOS được kích hoạt sau khi nhấn nút gọi khẩn cấp, cũng như tự động khi xe di chuyển.



Hệ thống “OVEOS” bao gồm nút gọi khẩn cấp (1) "SOS" với micrô và nút (3) chức năng bổ sung nằm trên bảng điều khiển, bộ phận điều khiển và ăng-ten GLONASS / GPS nằm dưới bảng điều khiển, gần cột lái bên phải, cũng như một loa nằm trên chỗ ngồi xe.

Một số cấu hình xe buýt riêng biệt được trang bị thêm nút gọi khẩn cấp “SOS” nằm ở thân trước bên phải bên cạnh bảng điều khiển, hành khách có thể sử dụng.





Nút SOS (1) được thiết kế để sử dụng trong trường hợp xảy ra tai nạn hoặc những trường hợp khẩn cấp khác.

Để sử dụng nút gọi khẩn cấp, hãy mở nắp (2) và nhấn nút có biểu tượng SOS trong ít nhất 2 giây.

Sau khi nhấn nút gọi khẩn cấp, thiết bị gọi khẩn cấp trong xe (OVEOS) đảm bảo truyền đến hệ thống ứng cứu khẩn cấp trong trường hợp tai nạn bộ dữ liệu yêu cầu tối thiểu về phương tiện trong trường hợp giao thông đường bộ hoặc tai nạn khác, cũng như việc thiết lập và cung cấp liên lạc hai chiều với các dịch vụ khẩn cấp.

Thiết kế thiết bị trong mạng đi kèm với việc nhấp nháy nút "SOS" màu đỏ.

Khi truyền tập hợp dữ liệu cấp thiết và trong quá trình liên lạc bằng giọng nói đã thiết lập với nhà điều hành, đèn nền màu đỏ của nút "SOS" liên tục sáng.

Khi thực hiện giao tiếp bằng giọng nói, hệ thống OVEOS sẽ tắt tính năng tái tạo âm thanh của bộ thu vô tuyến tiêu chuẩn (hệ thống đa phương tiện) nếu quá trình tái tạo âm thanh được thực hiện trước khi thực hiện cuộc gọi khẩn cấp.

Nút "SOS" có thể được sử dụng cả khi thiết bị được bật và khi thiết bị bị tắt, nếu không quá 72 giờ kể từ khi thiết bị được tắt.

Nếu trong khi gọi (trong khi nút SOS nhấp nháy màu đỏ), nếu bạn nhấn lại nút SOS và giữ ít nhất 2 giây, cuộc gọi khẩn cấp sẽ bị hủy (đèn đỏ trên nút SOS sẽ tắt).



Chế độ tự kiểm tra

Chế độ tự kiểm tra được thực hiện tự động mỗi khi bật thiết bị và được trang bị để kiểm tra hoạt động của hệ thống OVEOS.

Trong chế độ tự kiểm tra, khả năng hoạt động của đèn báo trạng thái, ăng-ten GLONASS / GPS, khả năng hoạt động của loa và các mạch kết nối nút SOS, thiết bị điều khiển và pin dự phòng (nằm bên trong thiết bị điều khiển) được kiểm tra. Nếu một hoặc nhiều vấn đề được phát hiện, đèn báo trạng thái vẫn phát sáng trong suốt thời gian xảy ra lỗi.

Chế độ kiểm tra

Được trang bị và vận hành để bảo dưỡng định kỳ xe. Chế độ kiểm tra được khuyến nghị trong không gian mở, để tránh xuất hiện của lỗi về việc không thể xác định tọa độ của xe buýt.

Trong chế độ này, các thông số hệ thống sau được kiểm tra:

- Phát hiện các lỗi tìm thấy trong quá trình tự kiểm tra
- Hiệu suất của chỉ báo "SOS"
- Chức năng của nút "SOS" và nút chức năng bổ sung
- Tình trạng của chỉ báo trạng thái hệ thống
- Hiệu suất của micrô và loa
- Hiệu quả trao đổi tin nhắn AS (hệ thống cuộc gọi khẩn cấp dành cho xe cộ) với nhà điều hành hệ thống ERA-GLONASS

Để thực hiện chế độ kiểm tra ở chế độ thủ công:

- đảm bảo rằng động cơ đã tắt và các thiết bị đã tắt;
- bật các thiết bị và đợi ít nhất một phút;
- nhấn và giữ nút SOS và nút chức năng bổ sung cùng lúc trong hơn hai giây.



Đèn LED trạng thái hệ thống sẽ bật sáng và có màu đỏ đồng nhất. Nếu không , thì nút “SOS” và / hoặc nút chức năng bổ sung đã bị trục trặc. Trong trường hợp này, quy trình thử nghiệm không hoạt động, bởi vì không thể đáp ứng các điều kiện để vào chế độ kiểm tra. Hệ thống được coi là không hoạt động.

Nếu quy trình kiểm tra thành công, sẽ phát lời nhắc "Đã khởi chạy quy trình kiểm tra" và chỉ báo trạng thái hệ thống sẽ sáng đỏ.

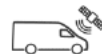
Nếu đèn LED trạng thái hệ thống chuyển sang màu đỏ và lời nhắc âm thanh không phát, nghĩa là rằng loa hệ thống đã bị lỗi và không thể kiểm tra thêm. Cần dừng quy trình thử nghiệm bằng cách tắt các thiết bị. Hệ thống được coi là không hoạt động.

Nếu đèn báo trạng thái hệ thống không sáng đỏ và lời nhắc âm thanh được phát, đèn báo trạng thái hệ thống bị lỗi. Trong trường hợp này, quy trình kiểm tra có thể được thực hiện để phát hiện các trục trặc có thể xảy ra khác. Hệ thống được coi là không hoạt động.

Nếu chỉ báo "SOS" không "nhấp nháy" trong 2 giây sau khi tiến hành thành công kiểm tra và phát lời nhắc bằng giọng nói "đang tiến hành tự chẩn đoán", điều đó có nghĩa là chỉ báo "SOS" đang bị trục trặc. Trong trường hợp này, quy trình kiểm tra có thể được thực hiện để phát hiện các trục trặc có thể xảy ra khác. Hệ thống được coi là không hoạt động.

Nếu, sau khi tiến hành thành công kiểm tra và phát lời nhắc rằng “đang tiến hành tự động chẩn đoán”, cụm từ “đã phát hiện lỗi” sau đó được phát, điều này có nghĩa là loa bị trục trặc. Trong trường hợp này, quy trình kiểm tra có thể được thực hiện để phát hiện các trục trặc có thể xảy ra khác. Hệ thống được coi là không hoạt động.

Khi chế độ kiểm tra thành công và sau khi hoàn thành quá trình tự chẩn đoán thành công, bạn phải làm theo lời nhắc bằng giọng nói cho đến khi kết thúc quy trình kiểm tra. Nếu phát hiện lỗi trong quá trình kiểm tra, chúng sẽ được lưu lại trong bộ nhớ của thiết bị và được lưu trữ cho đến



khi được xóa bỏ. Bạn có thể kiểm tra thực tế rằng các lỗi hoạt động hệ thống đã được loại bỏ bằng cách không có chỉ báo trạng thái hệ thống sau khi tự kiểm tra với các thiết bị được bật hoặc bằng cách lập lại quy trình kiểm tra (để kiểm tra xem lỗi của đèn báo, nút bấm, micrô hoặc loa hệ thống đã bị loại bỏ).



LƯU Ý!

Nếu phát hiện sự cố hoạt động của OVEOS ở chế độ tự kiểm tra hoặc khi kiểm tra ở chế độ thủ công (đèn báo trạng thái sáng đỏ liên tục sau khi hệ thống được khởi động khi bật thiết bị hoặc sau khi kiểm tra ở chế độ thủ công), cần nên liên hệ ngay với đơn vị bảo hành để xác định và loại bỏ các trục trặc!

Chỉ báo trạng thái đỏ liên tục nếu không có tín hiệu từ vệ tinh GPS / GLONASS, đây không phải là sự cố nếu xe buýt được trang bị OVEEOS được đặt ở những nơi cần tầm nhìn trực tiếp của vệ tinh (trong đường hầm, dưới cầu, trong các bãi đậu xe đóng cửa, v.v.). Sau khi xe buýt rời khỏi những nơi chắn ngang tầm nhìn của vệ tinh, đèn báo trạng thái sẽ tắt.

Ắc quy dự phòng

Bộ điều khiển OVEOS có chứa ắc quy dự phòng, cần thiết để đảm bảo hoạt động của OVEOS trong trường hợp ắc quy xe bị hỏng trong trường hợp xảy ra tai nạn. Ắc quy dự phòng có tuổi thọ 3 năm, sau đó cần được thay mới. Khi thiết bị được bật, quá trình sạc lại được thực hiện, cũng như theo dõi mức sạc của pin dự phòng. Nếu pin dự phòng bị lỗi, đèn báo trạng thái sẽ chuyển sang màu đỏ báo hiệu rằng cần được thay thế.

Ắc quy dự phòng chỉ nên được thay phê duyệt của cơ sở bảo hành hoặc đại lý.

Nút chức năng bổ sung



Nút có biểu tượng này có thể được sử dụng khi có các dịch vụ bổ sung liên quan đến điều hướng, truyền thông tin giám sát đến trung tâm điều phối, chẩn đoán phương tiện từ xa, v.v. Các chức năng bổ sung có thể được kết nối từ các cơ sở hoặc đại lý chuyên biệt. Thông tin bổ sung có thể được lấy từ hướng dẫn sử dụng OVEOS được cung cấp cùng với xe.



HỆ THỐNG «GAZ-CONNECT»

Xe buýt được trang bị * hệ thống “GAZ Connect”, cho phép giám sát các thông số hoạt động và kỹ thuật của xe.

Thông tin chi tiết hơn về hệ thống “GAZ Connect” có thể được tham khảo trên trang web www.promo.gaz-connect.ru.



Nhãn dán "GAZ Connect" (xem hình) cho thấy xe được trang bị hệ thống giám sát.

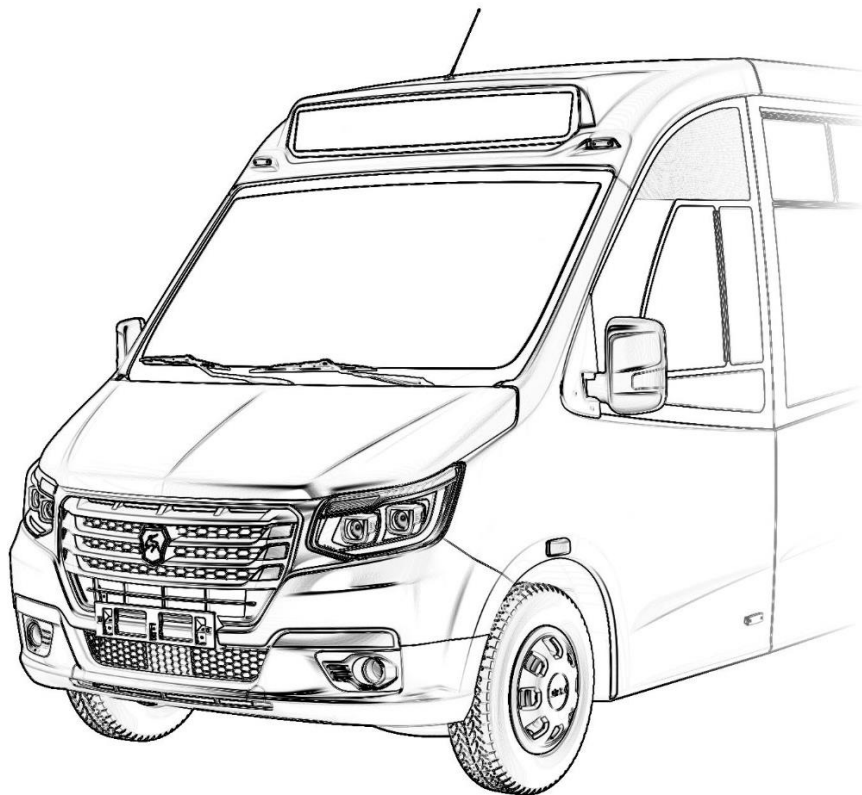
Có thể kích hoạt và quản lý các dịch vụ ** của hệ thống GAZ Connect bằng cách liên hệ với đại lý được ủy quyền, cũng như gọi đến đường dây nóng 8-800-700-0-747 và e-mail Client-connect@gaz.ru.

* Tùy thuộc vào cấu hình xe, bạn cần phải kiểm tra kỹ với các đại lý, cơ sở chính thức.

** Một số dịch vụ có thể tính phí.



VẬN HÀNH XE





NẠP NHIÊN LIỆU

Bình xăng nằm ở bên trái của xe buýt.

Đổ tiếp nhiên liệu cho xe, mở nắp bình xăng bằng cách xoay ngược chiều kim đồng hồ. Để đóng nắp bình, lắp nắp và vặn vào hết cỡ, vặn theo chiều kim đồng hồ.



LƯU Ý!

Để tránh tình trạng bơm cao áp bị hỏng sớm, không để động cơ hoạt động trong thời gian dài với lượng nhiên liệu trong bình còn ít. Đổ đầy nhiên liệu khi máy nguội / máy hâm nóng và máy sưởi độc lập đã tắt.



CẢNH BÁO!

Không để lửa hoặc điều thuốc đang cháy gần cổ bình nạp nhiên liệu vì có thể gây ra hỏa hoạn.



LƯU Ý!

Thùng nhiên liệu của xe buýt được trang bị van thông hơi thông qua hệ thống van. Không được phép thay thế nắp bình xăng có van an toàn và van chân không bằng nắp có thiết kế khác.



LƯU Ý!

Khí vận hành xe với động cơ diesel bằng nhiên liệu diesel chất lượng thấp, có thể có đọng lại cặn các sản phẩm sau khi đốt cháy nhiên liệu trên bộ phận gia nhiệt của thiết bị hỗ trợ khởi động, dẫn đến hỏng động cơ. Trước mùa đông, nên kiểm tra bộ phận làm nóng và nếu cần, vệ sinh sạch khỏi các sản phẩm đốt cháy nhiên liệu.



LƯU Ý!

Hệ thống xả có bộ xúc tác oxy hóa diesel được lắp đặt, vì vậy việc sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh cao (hơn 10 ppm) có thể dẫn đến lắng đọng lưu huỳnh trên trong của bộ chuyển đổi và bộ lọc hạt và làm bộ xúc tác.



LƯU Ý!

Xe buýt có động cơ diesel chỉ được nạp nhiên liệu diesel cho ô tô. Việc sử dụng các sản phẩm hoặc hỗn hợp dầu mỡ khác có thể gây ra hư hỏng động cơ nghiêm trọng và có thể làm mất hiệu lực bảo hành của nhà sản xuất. Nếu đổ nhầm loại nhiên liệu khác vào bình, không được khởi động động cơ và xả hết nhiên liệu từ bình xăng. Nếu động cơ đã chạy bằng nhiên liệu không dành cho xe buýt, thì cần phải xả nhiên liệu khỏi toàn bộ hệ thống cung cấp nhiên liệu của xe.



Đối với động cơ diesel, cần sử dụng nhiên liệu diesel theo tiêu chuẩn GOST 32511-2013 (EN 590: 2009) loại K5.

Tùy thuộc vào nhiệt độ môi trường, nên sử dụng nhiên liệu thuộc loại hoặc cấp phù hợp được chỉ ra trong bảng:

Loại nhiên liệu	0	1	2	3	4
Nhiệt độ vận hành tối thiểu, °C	-20	-26	-32	-38	-44

Cấp nhiên liệu	A	B	C	D	E	F
Nhiệt độ vận hành tối thiểu, °C	+5	0	-5	-10	-15	-20

CHO XE CHẠY RÔ-ĐA

Xe không yêu cầu quy trình chạy rô-đa đặc biệt nào, tuy nhiên, độ bền của các bộ phận và linh kiện lắp ráp xe buýt phần lớn phụ thuộc vào cách lái xe và điều kiện vận hành trong 2000 km đầu tiên chạy.

Không được phép lái xe, kể cả chế độ phanh động cơ trên đường xuống có tốc độ trên 2800 vòng / phút.

Không cho phép động cơ hoạt động ở tốc độ động cơ cao khi chưa được làm nóng - cả trong bãi đậu xe, cũng như xe chuyển động.

Trong thời gian phù hợp với điều kiện đường xá, hãy chuyển sang số thấp hơn, tránh tình trạng quá tải động cơ liên quan đến tốc độ trực khuỷu động cơ quá thấp.

LÁI XE

Động cơ được làm nóng trước khi di chuyển. Nếu không thể làm động cơ nóng lên khi xe di chuyển, thì ở nhiệt độ môi trường thấp và sau một thời gian dừng, nên di chuyển một lúc ở số thấp hơn với tốc



độ động cơ thấp. Chuyển sang các số cao hơn khi động cơ nóng lên.

Khi di chuyển qua vùng ngập nước, hãy đảm bảo rằng độ sâu mực nước không vượt quá chiều cao của mép dưới của cản trước so với mặt đường, trong khi di chuyển ở mức thấp nhất tốc độ có thể, không vượt quá 20 km / h, để tránh nước vào bộ lọc không khí nạp.

Sau khi qua vùng ngập nước, sau khi rửa xe cũng như trong quá trình lái xe đường dài ngập nước, khi nước vào phanh của bánh xe, lái xe cần phải hạn chế phanh gấp, để làm khô đĩa và má phanh.

Khi lái xe qua vùng nước, hãy giảm tốc độ để tránh gây trượt hoặc mất kiểm soát; nếu lốp xe mòn, nguy hiểm sẽ tăng lên.

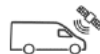
Nếu có thể, hãy lái xe mà không tăng tốc và giảm tốc nhanh, vì điều này dẫn đến mài mòn lốp và tăng mức tiêu hao nhiên liệu.

Chạy xe ở số thứ 3, 4 và 5 với tốc độ động cơ thấp (dưới 1500 vòng / phút) khiến động cơ và hộp số chịu nhiều lực hơn và có thể kèm theo hiện tượng cộng hưởng trong hệ thống truyền động. Không nên lái xe ở các chế độ này. Để tránh hiện tượng như vậy, bạn nên chuyển sang số thấp hơn.

Để tránh làm hỏng vỏ nhựa của xi lanh chính ly hợp, không vận hành chân côn ngược hướng cắt ly hợp bình thường.

Để đảm bảo độ bền hộp số trong quá trình vận hành xe, nên tuân thủ các quy tắc sau để đảm bảo chuyển số dễ dàng và không gây tiếng ồn:

1. Bộ truyền động ly hợp phải đảm bảo việc ngắt ly hợp hoàn toàn. Khi nhấn bàn đạp, ly hợp không được "trượt".
2. Chuyển số phải được thực hiện bằng cách chuyển động nhẹ nhàng cần số chỉ sau khi đã ngắt hoàn toàn ly hợp. Việc chuyển số quá nhanh sẽ gây mòn hoặc hỏng bộ đồng bộ tốc. Không được phép chuyển số khi ly hợp chưa được ngắt hoàn toàn, cũng như hoạt động đồng thời của chân côn và cần gạt.



3. Không được phép gài ly hợp khi số chưa ăn khớp.
4. Chỉ chuyển số lùi sau khi xe đã dừng hẳn.

Trục truyền động của xe được trang bị bộ vi sai bánh răng côn, cho phép các bánh xe quay ở các tốc độ khác nhau, điều này đảm bảo tính ổn định và khả năng điều khiển khi xe chuyển động. Khi bánh xe trượt lâu (hơn 5 phút) có thể dẫn đến quá nhiệt ở các bộ phận vi sai và gây hỏng hóc. Trong trường hợp tương tự, sử dụng các phương tiện ứng biến để cải thiện độ bám dính của bánh xe với đường hoặc di chuyển xe khỏi khu vực nguy hiểm.

⚠ CẢNH BÁO!

Khi đèn báo hiệu lượng nhiên liệu dự trữ tối thiểu trong bình sáng lên, cần phải đổ xăng cho xe càng sớm càng tốt. Lái xe với quá ít nhiên liệu trong bình có thể khiến xe dừng lại đột ngột và gây ra tai nạn, cũng như hỏng động cơ sớm.

TIẾT KIỆM NHIÊN LIỆU

Cách lái xe là yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến mức tiêu hao nhiên liệu.

- Giữ khoảng cách vừa đủ với xe phía trước để cho phép bạn di chuyển đều hơn khi tham gia giao thông. Tránh tăng tốc và giảm tốc nhanh.

- Khi tốc độ chuyển động tăng, lực cản chuyển động của xe sẽ tăng lên, và do đó, mức tiêu thụ nhiên liệu cao hơn. Ngoài ra, khi tốc độ của xe buýt tăng lên, cường độ mài mòn của lốp xe tăng lên.

- Để tiết kiệm nhiên liệu tối đa, nên chọn số trong dải tốc độ động cơ từ 1600 đến 2400 phút-1, tương ứng với vùng màu xanh lá cây của tốc độ kế.

Lái xe với số cao hơn với tốc độ động cơ thấp dẫn đến tăng mức tiêu thụ nhiên liệu, tăng tiếng ồn trong hộp số và gây hao mòn các bộ phận động cơ nhiều hơn.

Việc lái xe với số thấp khi tốc độ trực khuỷu tăng lên, tăng tốc gấp và lái xe ở tốc độ cao cũng dẫn đến tăng mức tiêu hao nhiên liệu.



Tình trạng chung của xe và tình trạng hoạt động bình thường của hệ thống quyết định phần lớn đến mức tiêu thụ nhiên liệu.

- Luôn giữ xe trong tình trạng kỹ thuật tốt. Giá trị của các thông số điều chỉnh có kiểm soát đáp ứng với đặc tính nhà sản xuất.

- Kiểm tra áp suất lốp thường xuyên. Áp suất thấp làm tăng lực cản lăn, điều này dẫn đến tăng mức tiêu hao nhiên liệu, tăng độ mòn của lốp và tác động tiêu cực đến tính năng đi đường của xe.

Áp suất lốp quá cao có ảnh hưởng xấu và khiến xe chạy không êm.

Nếu đèn báo hiệu “Chú ý” của hệ thống điều khiển động cơ sáng lên khi đang chuyển động cho biết hoạt động của động cơ ở chế độ chờ, kèm theo mức tiêu thụ nhiên liệu nhiều hơn.

Đặc điểm kỹ thuật và điều kiện hoạt động của xe ảnh hưởng đáng kể đến mức tiêu thụ nhiên liệu..

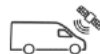
- Dầu trong động cơ và bộ truyền động làm nóng không đủ dẫn đến tăng lực cản và mài mòn bề mặt ma sát. Để làm nóng xăng/dầu nhanh hơn, chúng tôi khuyên bạn nên bắt đầu lái xe ở tốc độ động cơ vừa phải, không tăng tốc đột ngột từ một đến hai phút sau khi khởi động. Ở nhiệt độ môi trường thấp và sau một thời gian dài đỗ xe, nên lái xe ở số thấp hơn trong một thời gian với tốc độ động cơ thấp.

Chỉ sử dụng chất bôi trơn được nhà sản xuất khuyến nghị. Phạm vi nhiệt độ của dầu được sử dụng trong hệ thống bôi trơn động cơ phải tương ứng với phạm vi nhiệt độ môi trường ổn định.

- Tránh lái xe chuyển đi ngẩn mà bạn phải dừng động cơ rồi khởi động lại. Điều này ngăn cản động cơ đạt đến nhiệt độ hoạt động bình thường.

- Không nổ máy một cách không cần thiết khi đang đỗ xe.

- Tránh chở những vật dụng và hàng hóa không cần thiết lên xe.



KHỞI ĐỘNG VÀ NGỪNG ĐỘNG CƠ

⚠ CẢNH BÁO!

Không khởi động động cơ trong không gian kín. Khí thải của động cơ chứa các sản phẩm độc của quá trình đốt cháy nhiên liệu, nếu hít phải sẽ gây ngộ độc nặng, thậm chí có thể dẫn đến tử vong. Cũng không nên bật hệ thống thông gió bên trong bãi đậu xe khi động cơ đang chạy.

⚠ CẢNH BÁO!

Động cơ diesel được trang bị bộ gia nhiệt điện để dễ dàng khởi động.

Việc sử dụng ete hoặc các chất lỏng dễ cháy khác để hỗ trợ động cơ khởi động có thể gây nổ và nguy hiểm.

⚠ CẢNH BÁO!

Việc sử dụng thêm các lớp bọc cách điện cho động cơ có thể dẫn đến đánh lửa lớp cách nhiệt và hỏa hoạn, vì các bộ phận riêng lẻ của động cơ đang ở nhiệt độ cao.



LƯU Ý!

Cấm đốt nóng bể chứa dầu (làm bằng nhựa) của động cơ bằng lửa.



LƯU Ý!

Không được khởi động động cơ ngoài ở nhiệt độ môi trường dưới âm 20 ° C đối với dầu có cấp độ nhớt 10W-40, dưới âm 25 ° C đối với dầu có cấp độ nhớt 5W-40, dưới âm 30 ° C đối với dầu có cấp độ nhớt 0W-40 hoặc 0W-30. Chỉ nên khởi động động cơ diesel ở nhiệt độ không khí thấp hơn sau khi đã làm nóng sơ bộ.



LƯU Ý!

Để tránh hỏng hóc sớm hệ thống xử lý sau khí thải, không được khởi động động cơ khi đang tăng tốc bằng cách đẩy xe, kéo xe hoặc di chuyển dọc theo đường dốc.

**LƯU Ý!**

Không để xe với động cơ đang hoạt động mà không có sự giám sát. Nếu tài xế không có mặt trong khi động cơ đang chạy và đèn báo sự cố nghiêm trọng sáng lên, động cơ sẽ không được dừng kịp thời, có thể dẫn đến hỏng động cơ.

**LƯU Ý!**

Không di chuyển xe buýt bằng cách bộ khởi động, điều này sẽ dẫn đến hỏng cả khi chỉ hoạt động trong thời gian ngắn.

Phạm vi nhiệt độ hoạt động của dầu động cơ phải tương ứng với nhiệt độ không khí xung quanh nơi xe được vận hành. Trong trường hợp nhiệt độ không khí xung quanh thấp hơn khoảng nhiệt độ hoạt động của dầu động cơ, cần phải khởi động động cơ sau khi đã được làm nóng.

Trước khi khởi động động cơ, hãy kiểm tra mức dung dịch làm mát, dầu trong cacte và trong bình chứa trợ lực lái.

Khởi động động cơ

Khởi động động cơ theo thứ tự sau:

1. Đặt cần số ở vị trí giữa.
2. Nhấn bàn đạp côn hết cỡ.
3. Vận công tắc khởi động sang vị trí (I). Đồng thời, các thiết bị phát tín hiệu riêng lẻ sẽ sáng lên trong thời gian ngắn (tối đa 5 giây) (xem phần “Đèn cảnh báo trong cụm thiết bị”). Đèn báo hiệu bộ làm nóng không khí, tùy thuộc vào nhiệt độ không khí, cho tài xế biết về khả năng sử dụng bộ khởi động (ngay khi đèn tắt, tài xế có thể bật bộ khởi động). Nếu đèn báo hiệu sáng liên tục của chỉ báo “Chú ý” của hệ thống quản lý động cơ, có nghĩa là có lỗi không nghiêm trọng của hệ thống quản lý động cơ, trong đó người lái xe có thể khởi động động cơ và tiếp tục lái xe đến trạm dịch vụ. Nếu đèn báo “Sự cố động cơ” sáng trong một thời gian dài, không nên khởi động động cơ cho đến khi khắc



phục sự cố.

4. Bật bộ khởi động không quá 10 giây. Không được nhấn chân ga! Đảm bảo đèn cảnh báo ắc quy tắt.

5. Khi động cơ khởi động, nhả chìa khóa và chân côn.

Nếu cần, được phép thực hiện 2-3 lần khởi động động cơ với khoảng thời gian giữa chúng ít nhất là 1 phút, mỗi lần từ vị trí “0” của công tắc thiết bị và bộ khởi động.

Sau khi khởi động động cơ nguội, việc duy trì tốc độ trực khuỷu và khởi động động cơ được thực hiện tự động

Khởi động động cơ diesel bằng bộ gia nhiệt sơ bộ.

Để thuận tiện cho việc khởi động động cơ và ổn định chế độ nhiệt độ của động cơ vào mùa đông, trên một số cấu hình xe được lắp đặt một bộ gia nhiệt sơ bộ.

Mô-đun điều khiển bộ gia nhiệt sơ bộ được cài đặt trên bảng thiết bị.

Để làm nóng động cơ trước khi khởi động, hãy bật bộ sưởi động cơ hoặc lập trình khởi động của nó theo hướng dẫn vận hành cho mô-đun điều khiển được gắn vào xe.

Hoạt động của bộ gia nhiệt trước.

Nếu hệ thống sưởi bên trong được bật trước khi tắt động cơ, thì khi bộ làm nóng sơ bộ động cơ được bật, bơm tuần hoàn của bộ làm nóng sơ bộ sẽ bơm dung dịch làm mát được làm nóng qua hệ thống sưởi, do đó ban đầu làm nóng bộ tản nhiệt bên trong, sau đó là động cơ. Quạt sưởi không hoạt động.

Nếu hệ thống sưởi bên trong được tắt trước khi tắt động cơ (nút điều chỉnh nhiệt độ không khí ở vị trí ngoài cùng bên trái), thì khi bật hệ thống sưởi sơ bộ động cơ, bơm tuần hoàn của bộ làm nóng sơ bộ chỉ bơm dung dịch làm mát được làm nóng qua thanh dẫn động cơ. Trong trường hợp này, động cơ nóng lên nhanh hơn.

Bộ làm nóng sơ bộ khởi động làm ấm dung dịch làm mát đến nhiệt độ giúp động cơ khởi động dễ



dàng hơn vào mùa đông, sau đó nó sẽ tắt.

Để sử dụng bộ làm nóng sơ bộ ở chế độ sưởi, hãy nhấn nút bộ sưởi khi động cơ đang chạy và bộ sưởi đang bật (để biết mô tả về hoạt động của bộ sưởi, tham khảo “Hệ thống sưởi, thông gió và Điều hòa không khí”).

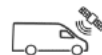
Để đảm bảo hoạt động bộ làm nóng sơ bộ đúng cách, nên bật nó, kể cả trong mùa ấm, khoảng 10 phút mỗi tháng một lần. Tiến hành khởi động thử trước khi bắt đầu vận hành thường xuyên vào mùa lạnh. Sau một thời gian dài không hoạt động, phải kiểm tra nguồn cấp không khí vào buồng đốt và cửa xả khí thải và nếu cần thì phải làm sạch.

Các đường dẫn nhiên liệu và bơm định lượng phải được đổ đầy nhiên liệu mới sau khi đổ đầy nhiên liệu diesel mùa đông bằng cách vận hành hệ thống sưởi trong 15 phút!

Dừng động cơ

Sau khi chạy động cơ với tải nặng, không được dừng động cơ ngay lập tức. Cần phải để chạy trong 2-3 phút ở chế độ không tải.

Động cơ được dừng lại bằng cách xoay khóa thiết bị và phím công tắc khởi động về vị trí “0”.



BỘ LỌC MUỘI THAN

Trong quá trình vận hành xe, bộ lọc hạt muội than của hệ thống xả sẽ bị tắc và được làm sạch, điều này được báo hiệu bởi cảnh báo nhiệt độ cao của hệ thống xả và sự tắc nghẽn của bộ lọc hạt.



Đèn cảnh báo nhiệt độ khí thải cao

Đèn cảnh báo nhiệt độ cao của hệ thống xả cho tài xế biết về nhiệt độ khí xả tăng cao do bộ lọc hạt tự động tái tạo làm sạch. Quá trình tái tạo làm sạch tự động có thể kéo dài đến 40 phút, điều này hoàn toàn bình thường, không nên tắt động cơ cho đến khi đèn báo tắt.

Khi đèn cảnh báo nhiệt độ cao của hệ thống xả sáng, bạn có thể nhận thấy mùi khói thải. Điều này là bình thường. Nếu có mùi nồng nặc và hơi trắng phát ra, hãy kiểm tra hệ thống thoát khí tại cơ sở bảo hành.



CẢNH BÁO!

Khi đèn cảnh báo sáng liên tục, các bộ phận của hệ thống xả bị nóng, do vậy không nên để các vật dễ cháy, nổ dưới gầm xe, ống xả không được hướng vào bất kỳ bề mặt, vật liệu nào có thể làm nóng, bắt lửa, cháy hoặc nổ.



Đèn cảnh báo tắc nghẽn bộ lọc hạt muội than

Đèn cảnh báo bộ lọc hạt động cơ diesel thông báo cho người lái xe về tình trạng của bộ lọc hạt.

Nếu **đèn cảnh báo vẫn sáng**, chỉ ra rằng muội than đã bắt đầu tích tụ trong bộ lọc hạt cần được tái tạo làm sạch. Để tiến hành tái tạo, nên tăng tốc độ lái xe (nếu điều kiện đường xá cho phép) trên 60 km / h hoặc giữ tốc độ động cơ trên 2000 vòng/ phút cho đến khi đèn báo tắt (quá trình tái tạo có thể kéo dài đến 40 phút).



Đèn báo nhấp nháy cho biết mức độ muội than cao hơn trong bộ lọc hạt. Ngoài ra, công suất động cơ có thể tự động giảm. Nên tiến hành quá trình tái tạo khi xe đỗ.



Đèn “Cảnh báo” trong hệ thống kiểm soát động cơ + tắc nghẽn bộ lọc hạt

Sự sáng liên tục của đèn cảnh báo "Chú ý", cùng với chỉ báo nhấp nháy tắc nghẽn bộ lọc hạt, thông báo cho tài xế rằng bộ lọc hạt cần được tái tạo làm sạch ngay lập tức. Công suất động cơ sẽ tự động giảm. Cần thực hiện ngay việc tái tạo làm sạch khi đỗ xe.



Đèn cảnh báo “Lỗi động cơ”

Nếu đèn báo hỏng hóc động cơ liên tục sáng, cần phải dừng xe, tắt máy và không khởi động cho đến khi tiến hành bảo dưỡng tại cơ sở bảo dưỡng.

Thực hiện tái tạo bộ lọc hạt động cơ diesel khi đỗ xe

Việc tái tạo bộ lọc hạt được thực hiện bằng cách nhấn nút "START" trên bảng thiết bị.

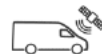


Công tắc tái tạo làm sạch bộ lọc hạt

Công tắc (nút không có chìa khóa) để buộc khởi động bộ lọc hạt khi xe đỗ bộ lọc cần tái tạo.

Quy trình tái tạo:

- dừng xe, cài phanh tay và gài cần số về vị trí giữa;
- đảm bảo không có vật dễ cháy xung quanh hệ thống xả và theo hướng của cửa xả;
- khởi động động cơ và nhấn nút “START” tái tạo bộ lọc hạt để bắt đầu.
- quan sát xe buýt và khu vực xung quanh trong quá trình tái tạo. Nếu các tình trạng không an toàn, dừng động cơ ngay lập tức hoặc nhấn chân côn, chân phanh hoặc bàn đạp ga để dừng quá trình tái tạo.



CẢNH BÁO!

Sau khi quá trình tái tạo hoàn thành, nhiệt độ của khí thải và các bộ phận của hệ thống xả vẫn cao trong một thời gian.

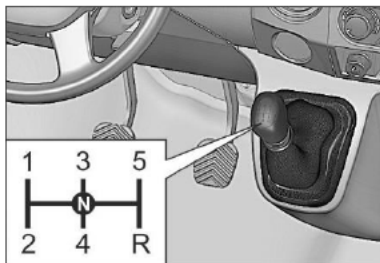
LƯU Ý!

Quá trình tái tạo có thể mất đến 40 phút. Nếu cần phải di chuyển xe buýt, ngắt quá trình tái sinh: dừng động cơ hoặc nhấn ly hợp, chân phanh hoặc bàn đạp ga và tiếp tục lái xe; thường xuyên kiểm tra xem có bất kỳ đèn cảnh báo nào được sang hay không. Nếu cần thiết, lặp lại việc tái tạo ở một nơi thuận tiện và an toàn.

LƯU Ý!

Tốc độ động cơ sẽ tăng lên và bộ phận điều khiển sẽ thực hiện tái tạo bộ lọc hạt. Sau khi hoàn thành, động cơ sẽ tự động trở lại tốc độ không tải bình thường và đèn cảnh báo "Chú ý" của hệ thống quản lý động cơ và tái tạo bộ lọc hạt sẽ tắt.

SANG SỐ XE



Để sang số, hãy nhấn bàn đạp côn hết cỡ. Để tránh mài mòn sớm các bộ đồng bộ, cần di chuyển nhẹ nhàng, dừng lại một lúc ở vị trí giữa theo sơ đồ minh họa trong hình và trên tay cầm cần số.

Hộp số được thiết kế cơ cấu ngăn ngừa việc ngẫu nhiên về số R.

Số lùi chỉ được kích hoạt từ vị trí giữa N. Đồng thời, nếu đồng hồ và bộ khởi động được bật, đèn báo lùi phía sau sẽ sáng.

LƯU Ý!

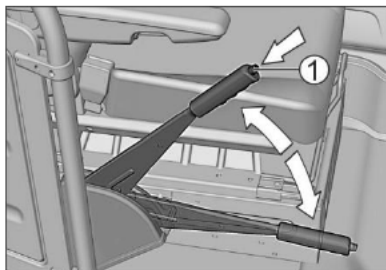
Chỉ nên bật số lùi sau khi xe đã dừng hẳn.



LƯU Ý!

Không giữ chân trên bàn đạp ly hợp khi xe đang chuyển động. Điều này có thể làm hỏng bộ ly hợp. Để tránh làm hỏng bộ ly hợp, không gài số đầu tiên ở tốc độ xe buýt trên 15 km/h.

PHANH TAY



Để phanh xe bằng phanh tay, hãy siết chặt cần bằng cách kéo lên. Khi đỗ xe trên dốc, hãy siết cần hơn nếu cần, cũng nên gài thêm vào số đầu tiên của hộp số.

Khi phanh tay xe, nếu đồng hồ và bộ khởi động được bật, đèn cảnh báo trên cụm đồng hồ (P) sẽ nhấp nháy.

Khi nhả phanh, kéo nhẹ cần lên, nhấn nút (1) của chốt ở cuối tay cầm và hạ hoàn toàn cần xuống, đồng thời thiết bị báo hiệu tắt.

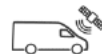


LƯU Ý!

Cấm di chuyển xe khi đang gài phanh tay, trừ khi phanh khẩn cấp bằng phanh tay trong trường hợp hệ thống phanh đang làm việc bị hỏng.

Trong trường hợp phanh khẩn cấp bằng phanh tay đỗ khi xe đầy tải đang di chuyển trên bề mặt khô cứng, có thể xảy ra biến dạng các bộ phận của cơ cấu phanh tay, dẫn đến giảm hiệu quả phanh của phanh tay trong những lần phanh gấp, phanh trong chuyển động, tăng mức tiêu hao nhiên liệu, quá nhiệt và hỏng hóc các bộ phận của bánh xe.

Nếu xảy ra việc phanh khẩn cấp như trên, nên liên hệ với cơ sở bảo hành có trang thiết bị cần thiết để chẩn đoán tình trạng của phanh tay và nếu cần, hãy thay thế các bộ phận bị biến dạng.



VI SAI KHÓA



Trong trường hợp cần vượt qua đoạn đường khó, chấn khóa vi sai cho phép tài xế giữ chắc hai bánh sau và truyền tất cả mô-men xoắn cho chúng. Khóa vi sai được kích hoạt bằng công tắc (1) trên bảng điều khiển.

Sau khi nhấn công tắc trong cụm thiết bị, đèn cảnh báo bật sáng



khóa vi sai sau.

Khi đạt đến tốc độ 30 km/h, tính năng sẽ tự động ngừng hoạt động và thiết bị báo hiệu trong cụm đồng hồ sẽ tắt. Để bật lại khóa sau khi khóa tự động tắt, hãy giảm tốc độ của xe và nhấn lại công tắc khóa. Nhấn lại vào công tắc một lần nữa để mở khóa vi sai. Khóa vi sai có thể được ngắt khi xe đang di chuyển.



LƯU Ý!

Gài khóa vi sai trước khi vượt qua chướng ngại vật.

Gài khóa vi sai khi xe đang đứng yên hoặc đang di chuyển với tốc độ lên đến 5 km/h với độ trượt bánh tối thiểu.

Không bật khóa vi sai khi một trong các bánh xe bị trượt, vì điều này sẽ làm hư hỏng. Để tránh trường hợp xe đang bị trượt tại chỗ hoặc đang di chuyển mà một trong hai bánh bị trượt (để dừng hoàn toàn bánh xe, nên nhấn bàn đạp phanh), sau đó nhấn công tắc khóa vi sai và tiếp tục lái xe.

Không khóa vi sai trên bề mặt khô cứng. Việc lái xe trong thời gian dài với bộ vi sai bị khóa trên đường trải nhựa sẽ tác động đối với bộ truyền động và hộp học sớm.



LƯU Ý!

Gài khóa vi sai ở tốc độ cao sẽ gây tai nạn. Khóa vi sai ở tốc độ cao gây khó khăn trong việc đoán trước được vận hành của xe và mất khả năng kiểm soát phương tiện.

Không tắt khóa vi sai khi vào cua và trong các trường hợp khác khi bộ truyền động của thanh cái đang chịu tải nặng. Khi xe đầy tải hoặc trong một khúc cua, bộ vi sai có thể vẫn bị khóa một lúc sau khi ngắt, điều này gây ảnh hưởng đến hoạt động của xe. Sau khi rẽ, nên di chuyển theo đường thẳng ít nhất 3-5 mét và sau đó tắt khóa.

Không lái xe với bộ vi sai bị khóa ở tốc độ cao trên đường trơn trượt, vì điều này làm mất kiểm soát xe.

Sau khi vượt qua một đoạn đường xấu, nên tắt khóa vi sai.



HỆ THỐNG PHANH

Xe được trang bị hệ thống chống bó cứng phanh (ABS), trong trường hợp phanh khẩn cấp trên đường có nhiều bề mặt khác nhau (dù như đường nhựa - băng), giúp bánh xe không bị bó cứng trong điều kiện độ ăn phanh thấp nhất (trên băng), giảm thiểu đường phanh của xe trên mặt đường này trong khi vẫn duy trì tính ổn định và khả năng điều khiển xe. Khi ABS được kích hoạt, sẽ cảm nhận được các rung động trên bàn đạp phanh. Hệ thống ABS có chức năng như một bộ điều chỉnh lực phanh điện tử (EBD), giúp trục sau không bị trượt trong quá trình phanh gấp của xe buýt đầy tải một phần.

Xe buýt có hệ thống phanh mạch kép. Trong trường hợp hỏng mạch phanh, mạch thứ hai hỗ trợ cho xe phanh lại. Tuy vậy, hành trình của bàn đạp phanh tăng lên và hiệu quả phanh giảm, ngay từ đầu có thể coi là hỏng phanh. Tuy nhiên, không nhả bàn đạp phanh mà tiếp tục nhấn với lực tối đa để mạch điện của hệ thống phanh vẫn giữ được hiệu suất sẽ mang lại hiệu quả phanh. Nhấn nhiều lần sẽ chỉ làm tăng quãng đường phanh.

Khi lái xe qua vùng nước sâu, đường ngập cũng như khi rửa xe, nước có thể lọt vào bánh xe phanh. Điều này có thể làm giảm hiệu quả phanh. Trong những trường hợp này, trong khi xe đang di chuyển, đạp phanh trơn để làm khô các cơ cấu phanh.

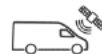
Trên những đoạn đường dài, nên chuyển sang số thấp hơn và sử dụng tác dụng phanh động cơ kết hợp với hệ thống phanh.

Xe buýt được trang bị bộ trợ lực phanh chân không, giúp giảm lực cho bàn đạp. Sau khi dừng động cơ và nhấn bàn đạp phanh một hoặc hai lần, bộ trợ lực phanh ngừng hoạt động. Đồng thời, lực tác dụng lên chân phanh để phanh xe hiệu quả được tăng lên đáng kể.



LƯU Ý!

Để đạt được hiệu suất tối ưu trong quá trình phanh khẩn cấp của xe sử dụng ABS, cần phải nhấn bàn đạp phanh với lực tối đa trong khi nhấn chân côn.



Xe với hệ thống ổn định điện tử (ESP).

Hệ thống này bao gồm các chức năng chống lật và kiểm soát quỹ đạo đường đi mong muốn trong các thao tác lái khác nhau mà không cần phanh.

Ngoài ra, các xe được trang bị ESP có ABS, kiểm soát độ bám đường, giúp di chuyển trên những con đường có độ bám thấp (tuyết dày, băng), cũng như hệ thống hỗ trợ di chuyển ngang dốc. Trong trường hợp thứ hai, xe không quay trở lại trong hai giây sau khi nhả bàn đạp phanh.



Nếu cần lái xe với bánh xe có thể bị trượt bánh (ví dụ: lái xe lên dốc khi rẽ, khi có tuyết ướt trên mặt đường), có thể tắt ESP bằng cách nhấn công tắc (1) trên bảng điều khiển. Sau khi vượt qua một đoạn khó, ESP được bật tự động khi tốc độ khoảng 75 km/h.

BÁNH XE VÀ LỚP XE

Khái quát

Xe được trang bị bánh xe có mâm thép dập kích thước 5^{1/2} Jx16 H2.

Bánh xe dự phòng nằm trên giá đỡ dưới khung của xe buýt.



CẢNH BÁO!

Để tránh giảm tính ổn định và các thông số xử lý của xe, cần sử dụng một bộ bánh xe cùng loại và một bộ lốp cùng kích thước và kiểu dáng.



Mã lốp

Mẫu mã và mã của lốp được ghi rõ trên thành bên. Lốp xe được lắp tại nhà sản xuất: 195/75R16C 107/105R.

Ký hiệu lốp xe bao gồm:

195 - chiều rộng biên dạng lốp tính bằng milimét;

75 - tỷ lệ mặt cắt – tỷ lệ giữa chiều cao với chiều rộng của lốp, được biểu thị bằng phần trăm;

R - lốp hướng tâm;

16 - đường kính vành tính bằng inch;

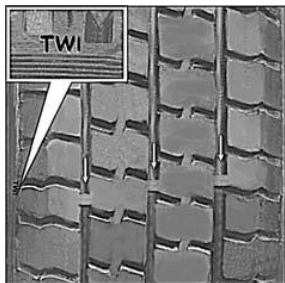
C - lốp cho xe thương mại hạng nhẹ;

107 - chỉ số khả năng chịu lực, cho biết tải trọng tối đa cho phép của lốp (đối với bánh đơn), trong trường hợp này là 975 Kg;

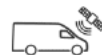
105 - chỉ số khả năng chịu lực, cho biết tải trọng tối đa cho phép của lốp (đối với bánh đôi), trong trường hợp này là 925 Kg;

R - chỉ số tốc độ cho biết tốc độ tối đa của lốp - 170 km/h

Chỉ số mòn lốp



Vị trí gần chân gai có "Chỉ số mòn" của lốp xe cao 1,6 mm, nằm trên mặt lốp cùng khoảng cách dọc theo chu vi. Vị trí của các chỉ báo độ mòn được hiển thị bằng các dấu hiệu trên thành lốp (ví dụ, ký hiệu "TWI" hoặc các ký hiệu tượng hình). Các chỉ số xuất hiện dưới dạng các đoạn cao su liên tục và tương ứng với giới hạn mòn của lốp, với độ sâu hoa văn là 1,6 mm. Nếu cao độ gai lốp chạm đến các mốc chỉ báo này, lốp phải được thay thế. Nên thay lốp mòn bằng cả bộ lốp mới.



LƯU Ý!

Chiều cao gai lốp càng thấp thì khả năng ổn định và xử lý của xe, độ bám của lốp với mặt đường càng kém, đặc biệt là trên đường ướt và có tuyết. Thay lốp kịp thời để tránh tai nạn. Phải thay lốp khi đạt đến độ sâu gai lốp tối thiểu cho phép (gai lốp mòn đến các chỉ số mòn).

Áp suất lốp

Sự sai lệch áp suất không khí trong lốp so với giá trị danh định dẫn đến lốp mòn nhanh và không đều, ảnh hưởng tiêu cực đến việc vận hành xe, tiếng ồn và rung động trong cabin. Áp suất thấp làm tăng mức tiêu thụ nhiên liệu.

Thường xuyên (mỗi tuần một lần và bổ sung trước những chuyến đi dài) kiểm tra áp suất không khí trong lốp xe. Giá trị áp suất lốp tham khảo phần "Thông số kỹ thuật" của sách hướng dẫn. Kiểm tra áp suất lốp khi ở trạng thái lốp lạnh.

Lốp xe nóng lên khi xe đang chuyển động. Điều này dẫn đến sự gia tăng áp suất không khí trong lốp. Không điều chỉnh áp suất ngay sau khi dừng xe lại.

Duy trì áp suất không khí trong lốp dự phòng.

Đề lái xe với tốc độ nhanh hơn trong hơn 1 giờ trên đường cao tốc ngoại ô, nên tăng áp suất không khí trong lốp lên 20-30 kPa (0,2-0,3 kgf / cm²).

Nếu đang lái xe và cảm thấy xe như bị "ngã" sang phải hoặc trái, điều này cho thấy một trong các lốp xe bị giảm áp suất hoặc bánh trước không còn thẳng hàng với nhau. Trong trường hợp áp suất lốp liên tục giảm, hãy kiểm tra bằng dung dịch xà phòng xem có rò rỉ khí qua ống van. Nếu rò rỉ không khí sẽ xuất hiện, hãy siết chặt đầu van dẫn hướng bằng nắp khóa đẩy trên van. Nếu không hiệu quả, hãy thay đầu van. Nếu áp suất trong lốp giảm xuống và đầu van vẫn chưa bị hư hỏng, cần phải sửa chữa lốp xe.

Nếu có thể, hãy đưa xe đến cơ sở bảo hành kỹ thuật có đủ điều kiện và trang thiết bị cần thiết.



Cân bằng bánh xe

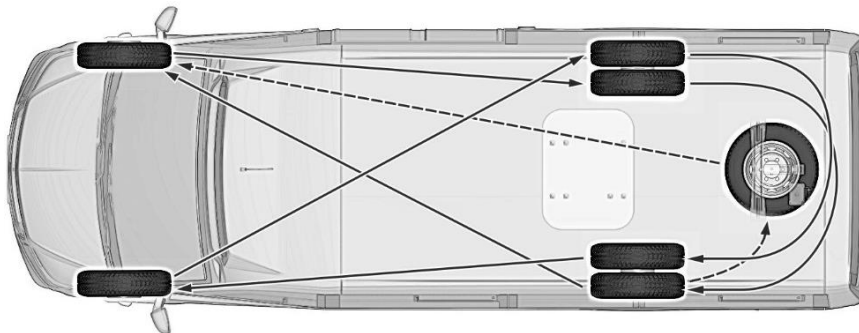
Tốc độ di chuyển cao đòi hỏi khả năng cân bằng động tốt bánh xe với cụm lốp. Sự mất cân bằng được biểu hiện thông qua các rung động, ảnh hưởng xấu đến sự ổn định của xe và dẫn đến sự mài mòn gia tốc của lốp, các bộ phận của hệ thống treo trước và sau, hệ thống lái và thân xe. Rung động do mất cân bằng ở bánh trước có thể được truyền tới vô lăng, bộ điều khiển, sàn xe.

Nếu phát hiện có dấu hiệu mất cân bằng bánh xe, hoặc lốp đã được tháo ra để sửa chữa, cần kiểm tra và cân bằng lại nếu cần thiết. Nên đưa xe đến trạm bảo dưỡng để được thực hiện bảo trì với trang thiết bị cần thiết cho việc này. Trước khi cân bằng, lốp và bánh xe phải được rửa và làm sạch bụi bẩn và các vật thể lạ.

Lượng không cân bằng dư cho phép ở mỗi bên bánh xe với lốp không được vượt quá 20 g trên vành bánh xe. Trong trường hợp không thể cân bằng bánh xe động, tiến hành cân bằng tĩnh. Trong trường hợp này, các trọng lượng cân bằng nên được lắp vào mép của vành, nằm gần bề mặt lắp của đĩa bánh xe hơn.



Thay đổi bánh xe



Nên thay bánh xe sau mỗi 10.000 km (nếu cần) theo hình vẽ. Việc thay bánh là cần thiết để có được độ mòn đồng đều của tất cả các lốp xe, bao gồm cả lốp dự phòng, cũng như đảm bảo lựa chọn đúng các loại lốp dọc theo trục. Nên lắp các lốp có cùng độ mòn gai lốp trên trục, và các lốp chắc chắn hơn nên được lắp trên trục trước xe.

Thay bánh xe trước khi có dấu hiệu mòn lốp rõ ràng, chẳng hạn như mòn gai bên ở lốp trước và mòn giữa gai ở lốp sau.

Sau khi thay đổi các bánh, hãy điều chỉnh áp suất lốp.

Lốp xe mùa đông

Việc sử dụng lốp xe mùa đông trên những con đường có băng và tuyết sẽ cải thiện khả năng điều khiển của xe, độ ổn định, động lực và các thông số phanh. Các lốp phải có cùng kích thước và chỉ số khả năng chịu lực phải được lắp trên tất cả các bánh xe. Khi làm như vậy, phải xem xét đến những khía cạnh sau:



- Lốp mới phải được chạy trong quãng đường 500-1000 km thì mới khớp.
- Không bao giờ vượt quá giới hạn tốc độ tối đa đối với lốp mùa đông (được xác định bằng chỉ số tốc độ trên nhãn lốp). Có thể xảy ra hư hỏng nếu vượt quá tốc độ tối đa cho phép.
- Trên đường khô hoặc đường ướt, việc sử dụng lốp có ghi đông sẽ làm tăng khoảng cách dừng và dẫn đến việc phải giảm tốc độ, đặc biệt là trước các góc cua.
- Hiệu quả của lốp mùa đông sẽ giảm đáng kể nếu độ sâu gai lốp còn lại của chúng nhỏ hơn 4 mm.
- Việc sử dụng lốp mùa đông góp phần làm tăng một số tiếng ồn bên trong và bên ngoài xe.
- Lốp mùa đông, đặc biệt là lốp có gai, không đảm bảo đủ độ bám nếu sử dụng sau mùa đông. Do đó, hãy kịp thời thay lốp mùa đông bằng lốp đi mùa hè hoặc lốp 4 mùa ở nhiệt độ môi trường trung bình hàng ngày trên 7 ° C.

Bảo dưỡng lốp

Định kỳ kiểm tra lốp xe để đánh giá tình trạng của chúng, mức độ mòn gai lốp có đều nhau không và xác định kịp thời sự hư hỏng có thể thấy được. Thay lốp nếu bị phồng rộp, nứt hoặc vết cắt đáng kể. Nếu khó đánh giá khả năng hoạt động thêm của lốp hoặc việc sửa chữa lốp, hãy liên hệ với cơ sở bảo hành kỹ thuật.

Khi bánh xe va chạm chướng ngại vật có thể gây ra hư hỏng lốp tiềm ẩn. Một chiếc lốp như vậy có thể đe dọa đến sự an toàn của xe khi ở tốc độ cao. Do đó, nếu cần, khi lái xe qua chướng ngại vật, chẳng hạn như lề đường, cẩn thận, ở tốc độ thấp và nếu có thể, hãy chạy vuông góc với chướng ngại vật.

Bánh xe bị cong vênh và bề mặt vành / lốp kém có thể gây mất cân bằng bánh xe và giảm áp suất không khí trong lốp không sẫm. Tránh làm hỏng các hạt lốp trong quá trình lắp ráp. Thực hiện các thao tác này tại cơ sở bảo hành sẽ tránh được những hư hỏng như vậy.

Bảo quản lốp đã tháo hoặc bánh có lốp ở nơi tối, khô và mát. Nếu lốp đã được sử dụng, hãy đánh dầu bằng phấn, đánh dấu hướng quay của lốp để duy trì cùng hướng quay khi lắp lại vào xe.



Làm thế nào để giảm độ mòn của lốp



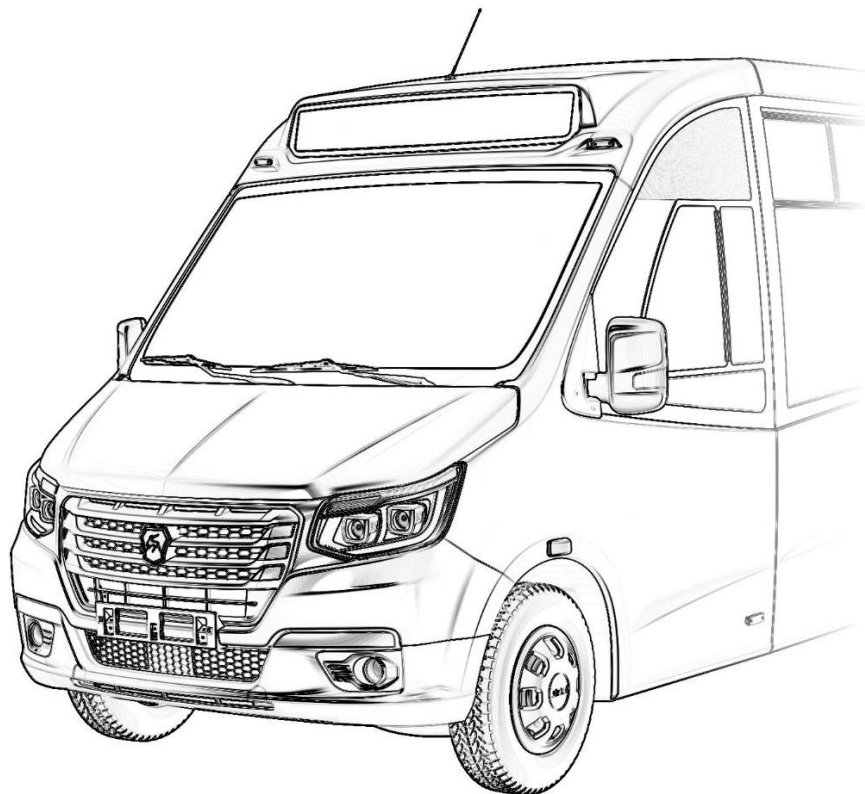
CẢNH BÁO!

Kiểm tra bánh xe và lốp thường xuyên. Nếu tình trạng không đạt yêu cầu có thể gây ra tai nạn giao thông.

- Duy trì áp suất không khí cần thiết trong lốp xe.
- Khởi động xe từ từ và giảm tốc độ trước khi vào cua.
- Tránh phanh gấp.
- Nên nhớ: độ mòn của lốp xe nhanh hơn khi tốc độ của xe cao.
- Lốp xe radial phải cùng một hướng lăn trong suốt vòng đời sử dụng của chúng.
- Giá trị của các thông số điều chỉnh của hệ thống treo trước của xe phải đáp ứng với yêu cầu kỹ thuật của nhà sản xuất.
- Tránh để vách bên của thành lốp chạm vào lề đường và lái xe nhanh trên mặt đường có nhiều hư hỏng.
- Bánh xe không cân bằng sẽ làm tăng tốc độ mòn của lốp và giảm chất lượng xe.
- Đừng để xe quá tải.
- Bảo vệ lốp xe khỏi dầu mỡ, chất bôi trơn, nhiên liệu, hóa chất và các chất gây hại cao su.



BẢO DƯỠNG





BẢO DƯỠNG ĐỊNH KỲ

Bảo dưỡng định kỳ là điều cần thiết cho chi phí kinh tế, độ tin cậy và an toàn của xe. Cần phải nhớ rằng trách nhiệm duy trì xe trong tình trạng an toàn, có thể sử dụng được hoàn toàn thuộc về chủ sở hữu.

Nhiệm vụ bảo dưỡng được thực hiện trong quá trình bảo trì được cung cấp trong sổ bảo hành kèm theo xe. Đưa xe đến trạm bảo hành để bảo dưỡng một cách tốt nhất.

Các biện pháp phòng ngừa an toàn khi bảo hành:

- Cần phải tắt các thiết bị và bộ khởi động và rút chìa khóa, trừ khi có yêu cầu khác trong quá trình bảo dưỡng .
- Để tay, dụng cụ và quần áo không được ở trong khu vực của đai truyền động hoặc bánh đai truyền của khi làm việc động cơ.
- Quạt tản nhiệt làm mát có thể bật bất cứ lúc nào. Để tay và quần áo cách xa cánh quạt.
- Cần thực hiện biện pháp phòng ngừa khi bảo dưỡng động cơ với nhiệt độ cao.
- Không được phép chạm vào dây điện và các bộ phận của thiết bị điện khi thiết bị đang bật và khởi động.
- Không để động cơ hoạt động trong tình trạng phòng không thông gió.
- Nếu có thể, các hoạt động thực hiện trong khoang máy nên được thực hiện khi tắt động cơ và ngắt kết nối cực âm của ắc quy. Nếu cần tiến hành công việc trong khoang máy có động cơ đang chạy, đỗ xe trên bề mặt ngang chắc chắn và bằng phẳng, và cài phanh tay.
- Không làm việc dưới xe chỉ được hỗ trợ trên một cái kích nâng. Để đảm bảo an toàn, hãy chèn bánh xe.
- Không để tia lửa điện và lửa trần gần các bộ phận của hệ thống nhiên liệu và ắc quy. Không hút



thuốc.

- Nhiều chất lỏng được sử dụng trên xe có tính độc hại. Tránh dính vào da hoặc vào mắt. Mang găng tay bảo hộ nếu cần thiết. Thực hiện theo hướng dẫn trên nhãn và thùng chứa. Bảo vệ mắt khi làm việc dưới gầm xe.

- Tiếp xúc lâu dài với dầu động cơ có thể gây kích ứng da. Rửa tay kỹ sau khi tiếp xúc.

Các loại bảo trì

Có những loại bảo trì sau:

1. Bảo trì hàng ngày (DM).
2. Bảo dưỡng định kỳ (RM).
3. Bảo dưỡng theo mùa (SM).

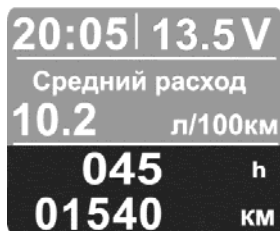
Bảo trì theo mùa được thực hiện mỗi năm một lần, đồng thời với các lần bảo trì tiếp theo.

Tần suất bảo dưỡng được ấn định tùy thuộc vào điều kiện hoạt động của xe.

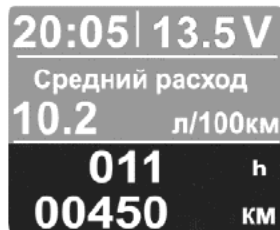
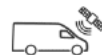
CHỈ SỐ BẢO DƯỠNG

Thông tin về nhu cầu bảo dưỡng thường được hiển thị trên màn hình đa chức năng của cụm đồng hồ.

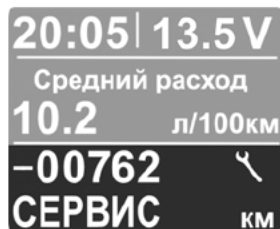
Chỉ báo số giờ hoạt động còn lại của động cơ cho đến lần bảo dưỡng tiếp theo (đối với xe có động cơ ISF2.8), cũng như quãng đường còn lại cho đến lần bảo dưỡng tiếp theo được hiển thị trong các trường hợp sau:



1. Khi xoay nút "Chế độ" sang bên trái và giữ cho đến khi các giá trị xuất hiện.



2. Mỗi lần bật thiết bị và bộ khởi động, nếu thời gian để bảo dưỡng nhỏ hơn hoặc bằng 10 giờ (đối với xe có động cơ ISF2.8), hoặc nếu giá trị của quãng đường còn lại để bảo dưỡng nhỏ hơn hoặc bằng 500 km.



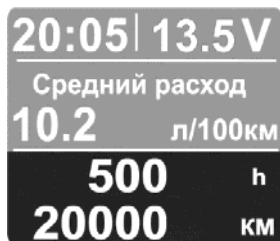
3. Mỗi lần bật thiết bị và bộ khởi động, phát tín hiệu âm thanh và xuất hiện dòng chữ "BẢO DƯỠNG", nếu thời gian còn lại để bảo dưỡng nhỏ hơn hoặc bằng 0 giờ (đối với xe có động cơ ISF2.8), và cả nếu quãng đường còn lại số dặm nhỏ hơn hoặc bằng 0km, dấu “trừ” được đặt trước giá trị quãng đường đi.



LƯU Ý!

Nếu đèn bảo dưỡng bật, hãy liên hệ với cơ sở bảo hành để bảo trì. Trong trường hợp liên hệ cho cơ sở bảo trì không kịp thời, xe có thể bị mất hiệu lực bảo hành.

Chỉ báo tần suất bảo trì (giá trị được nhập tại doanh nghiệp của mạng lưới bán hàng và dịch vụ GAZ)



Nhấn nhanh nút đặt lại để đọc số dặm hàng ngày giá trị hiển thị (5 giây) như mô tả trong bước 1.

Đặt quãng đường đi cho đến lần bảo dưỡng tiếp theo trên cụm đồng hồ.

Sau khi bảo dưỡng, quãng đường đi cho đến lần bảo dưỡng tiếp theo được thiết lập trên cụm đồng hồ. Nhấn nút cài đặt lại quãng đường hàng ngày trong ít nhất 3 giây trong khi giá trị theo mục 1 được hiển thị (5 giây).

Chức năng kiểm soát bảo dưỡng trong bộ điều khiển động cơ (đối với xe có động cơ ISF2.8).

Bộ điều khiển động cơ có chức năng kiểm tra bảo dưỡng được kích hoạt sau mỗi 500 giờ hoạt động của động cơ. Khi đạt đến 490 giờ, lỗi “Khoảng thời gian thay nhớt động cơ” được ghi lại trong bộ nhớ của bộ điều khiển động cơ. Mỗi khi bật các thiết bị trên tổ hợp ở chế độ ngắt quãng, thiết bị báo hiệu “Chú ý” của hệ thống quản lý động cơ sẽ nhấp nháy. Nếu không có lỗi hoạt động nào khác, đèn báo sẽ tắt sau 15 đến 18 giây. Nhờ đó, bộ phận điều khiển sẽ nhắc nhở tài xế về sự cần thiết việc bảo dưỡng. Sau khi bảo trì, cần phải thiết lập lại chức năng kiểm tra bảo trì về trạng thái ban đầu, tức là khôi phục khoảng thời gian 500 giờ và tắt chỉ báo trong cụm đồng hồ. Điều này có thể được thực hiện bằng quy trình sau:

1. Bật các công cụ.
2. Nhấn chân ga đến vị trí nạp tối đa.
3. Nhấn và nhả nhanh chân phanh ba lần
4. Nhả chân ga về vị trí ban đầu.
5. Trong vòng 10 giây: thực hiện thao tác bước 2-4.

Việc thay đổi giá trị của tần suất bảo trì phù hợp với các điều kiện hoạt động chỉ có thể thực hiện được tại doanh nghiệp thuộc mạng lưới bán hàng và dịch vụ GAZ.



KIỂM TRA BẮT BUỘC

Các đợt kiểm tra được mô tả dưới đây tuy đơn giản nhưng quan trọng. Chúng cần được thực hiện thường xuyên trước chuyến đi.

Kiểm tra hằng ngày:

- Kiểm tra tình trạng và hoạt động của hệ thống đèn, còi, đèn cảnh báo trên bảng điều khiển, lưỡi gạt nước và rửa kính.
- Kiểm tra tình trạng và hoạt động của dây đai an toàn.
- Kiểm tra chức năng của hệ thống phanh. Kiểm tra được thực hiện ở động cơ chạy không tải và bàn đạp phanh được nhấn với lực tối đa. Không nên nhấn bàn đạp phanh hết cỡ xuống sàn và đèn báo mức dầu phanh thấp khẩn cấp trong bình chứa xi lanh chính không nên được sáng.
- Kiểm tra dưới gầm xe buýt để tìm rò rỉ của nước, dung dịch làm mát, dầu, nhiên liệu và các rò rỉ khác dưới xe.

Kiểm tra hàng tuần (hoặc trước một chuyến đi dài):

Kiểm tra mức độ:

- dầu động cơ.
- dung dịch làm mát.
- dung dịch trong bình chứa nước rửa kính chắn gió.
- dầu trong bình trợ lực tay lái thủy lực.
- dầu phanh trong bình chứa xi lanh chính.
- nước trong bộ lọc nhiên liệu. Xả nước nếu cần thiết.
- tình trạng và áp suất không khí trong lốp (kể cả lốp dự phòng). Nếu cần, hãy tăng áp suất không khí trong lốp xe đến mức cần thiết.
- Kiểm tra sự ngưng tụ trong bộ lọc bầu hơi. Nếu có hơi nước ngưng tụ, hãy xả nước và thay thế bộ



lọc bộ chia hơi bầu hơi.

Kiểm tra hàng tháng:

- Kiểm tra hoạt động của điều hòa bằng cách cho động cơ chạy trong 10 phút với hệ thống điều hòa đã được bật.
- Kiểm tra hoạt động của bộ phận sưởi sơ bộ bằng cách bật nó trong 10 phút.
- Kiểm tra hoạt động của bộ sưởi độc lập bằng cách bật nó trong 10 phút.
- Kiểm tra và nếu cần, làm sạch các lỗ thoát nước ở các góc bên trong của hệ thống điều hòa.

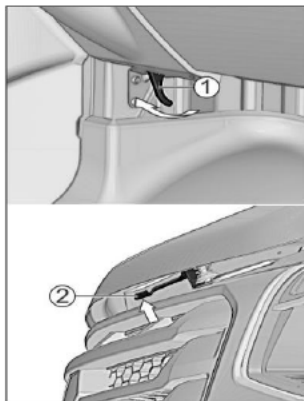
MỞ VÀ ĐÓNG MUI XE



LƯU Ý!

Không được lái xe khi mui xe chưa được đóng hoàn toàn.

Mở



Kèo tay cầm (1) của khóa mui xe, nằm ở bên trái dưới bảng điều khiển thiết bị.

Nâng nhẹ phần trước của mui xe, di chuyển chốt an toàn (2) lên và nâng mui xe.

Xoay thanh giữ và cố định vào lỗ trên mui xe.

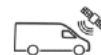
Đóng

Nâng phần trước của mui xe, thả, đặt xuống và cố định thanh giá đỡ.

Hạ mui xe xuống khoảng 100-150 mm so với khoang động cơ.

Thả mui xe để đóng nó lại.

Kiểm tra nâng mui xe lên để chắc chắn rằng đã được khóa an toàn.



LƯU Ý!

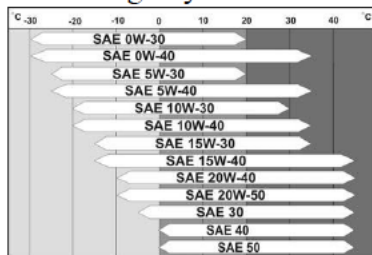
Đề tránh làm hỏng lớp sơn phủ của mui xe, không nâng mui xe lên quá mức cần thiết để lắp đặt và không sử dụng cần gạt nước khi mui xe đang mở.

LƯU Ý!

Trước khi đóng mui xe, đảm bảo không có còn vật lạ nào trong khoang động cơ.

ĐỘNG CƠ

Dầu động cơ được sử dụng trong động cơ diesel xe phải đáp ứng cấp chất lượng API: ít nhất là CJ-4 và SAE theo phạm vi nhiệt độ môi trường ổn định của khu vực (xem bảng) trong đó xe được vận hành thường xuyên.



Khi nhiệt độ bên ngoài vượt quá vùng sử dụng của một loại dầu nhất định, tránh động cơ vận hành trong một thời gian dài ở tốc độ động trực khuỷu cao và không dùng tải trọng lớn.

Nếu nhiệt độ không khí bên ngoài giảm xuống dưới phạm vi nhiệt độ hoạt động của dầu động cơ, có thể khó khởi động động cơ. Kiểm tra **mức dầu** với động cơ nguội, không chạy, xe đỗ phải được trên bề phẳng, nằm ngang.

LƯU Ý!

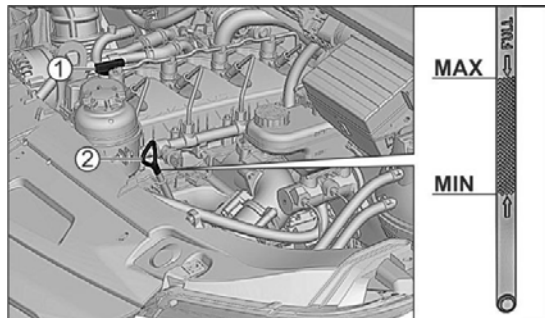
Nếu thay dầu động cơ khác hoặc nhãn hiệu khác, hãy xả sạch hệ thống bằng dầu rửa. Không trộn (đổ thêm) các loại dầu động cơ khác nhau và từ các nhà sản xuất khác nhau.

LƯU Ý!

Việc sử dụng dầu động cơ có loại chất lượng API CD, CC hoặc CF có thể gây hỏng động cơ sớm.



Động cơ ISF2.8



Mức dầu động cơ phải ở giữa vạch "MIN và "MAX"

trên que thăm dầu 2. Thêm dầu nếu cần thiết.

Lượng dầu bổ sung vào cacte động cơ từ vạch thấp nhất đến vạch mức cao nhất trên của que thăm dầu, là 1,0 lít.

Đổ dầu mới qua cổ nạp dầu, đây bằng nắp (1).

HỆ THỐNG LÀM MÁT

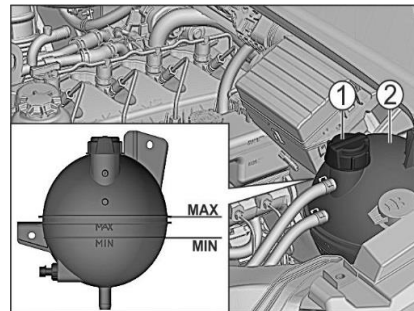
Kiểm tra mức dung dịch làm mát trong bình chứa (2) khi động cơ lạnh.

Mức dung dịch trong bình chứa không được thấp hơn vạch MIN và không cao hơn mặt bích hàn trên cùng (dấu MAX).

Thêm dung dịch làm mát qua miệng mở của bình chứa, được đóng bằng nút (1). Nếu thêm dung dịch thường xuyên, hãy kiểm tra độ kín của hệ thống làm mát.

Nếu mức dung dịch giảm do rò rỉ trong hệ thống, hãy sửa chữa sự cố và thêm mức dung dịch về mức bình thường.

Nếu hệ thống được làm kín, mức giảm có thể do chất lỏng sôi khi động cơ quá nhiệt. Nguyên nhân của quá nhiệt có thể là sau đây:





- Luồng không khí bên ngoài vào bộ tản nhiệt bị hạn chế do vỏ cách nhiệt, các tấm tản nhiệt bị tắc nghẽn nghiêm trọng (do: lá, bụi, côn trùng), cũng như việc lắp đặt thêm đèn pha phía trước bộ tản nhiệt.
- Quạt không hoạt động.



CẢNH BÁO!

Có áp suất trong hệ thống làm mát động cơ nóng. Nếu tháo ráp nhanh chóng, dung dịch nóng và hơi nước có thể phun ra ngoài. Chú ý: có thể gây bỏng!



LƯU Ý!

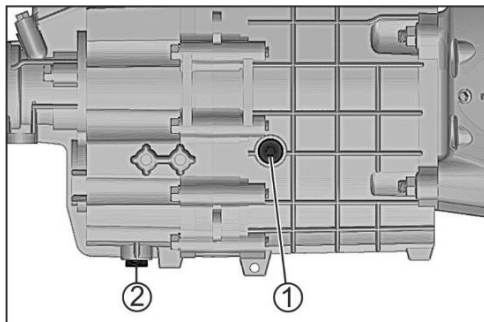
Tránh thêm nước vào hệ thống làm mát động cơ vì dẫn đến tăng khả năng đóng cặn của dung dịch và làm giảm hiệu suất.



CHÚ Ý!

Không trộn (đổ thêm) các chất làm mát khác nhau từ những thương hiệu và các công ty khác nhau.

HỘP SỐ



Việc kiểm tra mức dầu phải được thực hiện trên xe không tải đang đỗ trên bề mặt phẳng nằm ngang, và có các bộ phận lạnh.

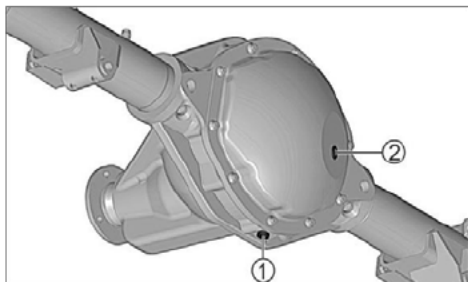
Mức dầu trong hộp số phải ở mép dưới của lỗ nạp, đóng bằng bulong (1). Kiểm tra mức dầu thông qua lỗ nằm ở phía bên phải của cacte phía trước.

Nút (2) để xả dầu khỏi vỏ hộp số trang bị với một nam châm hút sản phẩm làm mòn bộ phận hộp số.



TRỤC SAU

Việc kiểm tra mức dầu phải được thực hiện trên xe không tải, đỗ trên bề phẳng nằm ngang, đang ở trạng thái không hoạt động.



LƯU Ý!

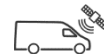
Trục sau được nhà máy đổ đầy dầu hộp số được thiết kế để hoạt động ở nhiệt độ môi trường từ -25°C đến $+40^{\circ}\text{C}$.

Không nên thay dầu đầy tại nhà máy ở trục xe lên đến quãng đường 60 nghìn km, trừ khi xe buýt hoạt động ở nhiệt độ môi trường thấp.

Trong thời gian bảo hành chỉ thay nhớt trục tại các cơ sở bảo dưỡng chuyên dụng thực hiện bảo hành cho xe GAZ.

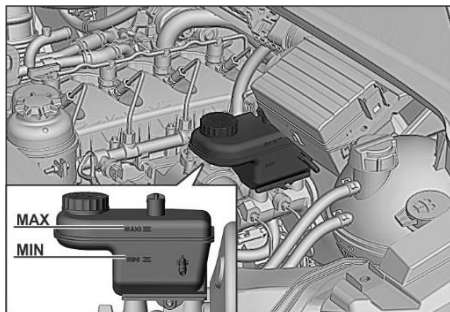
Mức dầu ở trục sau phải ở mức của mép dưới của lỗ nạp, được đóng bằng nút (2).

Xả dầu được thực hiện qua một lỗ được đóng bằng nút (1).



PHANH THỦY LỰC

Mức dầu phanh trong bình chứa trong suốt của xi lanh phanh chính được kiểm tra bằng mắt thường theo các vạch dầu trên thân bình.



Với má phanh mới, mức dầu phải ở vạch MAX. Nếu dẫn động phanh thủy lực đúng cách, thì sự giảm dần mức chất lỏng trong bình chứa có liên quan đến sự mài mòn trên lớp lót của má phanh. Nếu mức chất lỏng giảm đến vạch MIN, cho thấy sự mài mòn gián tiếp hạn chế của các lớp lót. Trong trường hợp này, má phanh phải được thay thế, và không cần phải thêm dầu vào bình chứa, vì khi lắp các miếng đệm mới, mực chất lỏng trong bình chứa sẽ tăng lên bình thường.

Đèn báo mức dầu phanh sáng lên khi mức dầu trong bình chứa giảm xuống dưới vạch MIN, với lớp lót phanh mới hoặc mòn một phần, cho thấy độ rò rỉ của hệ thống và hao hụt dầu. Trong trường hợp này chỉ nên đổ đầy dầu sau khi khôi phục lại độ kín của hệ thống.

Sau khi đổ đầy dầu phanh, cần vặn chặt nắp bình chứa với mômen xoắn không quá $2,3 \pm 0,3 \text{ N} \cdot \text{m}$ ($0,23 \pm 0,03 \text{ kgf} \cdot \text{m}$).

Dầu phanh hấp thụ hơi ẩm từ không khí và độ ẩm hàm lượng cao có thể làm giảm chức năng của hệ thống phanh.

Để thay thế hoàn toàn dầu phanh và ngăn không khí xâm nhập vào bộ truyền động thủy lực phanh, nên thực hiện thao tác này tại cơ sở bảo dưỡng có các thiết bị cần thiết cho việc này.



⚠ LƯU Ý!

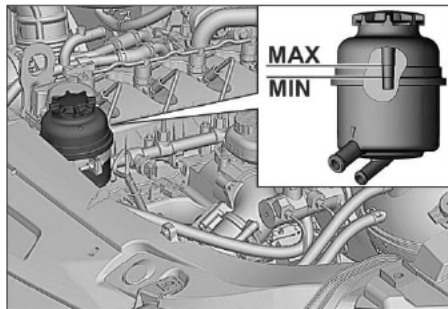
Bảo quản chất lỏng trong bao bì kín của nhà sản xuất, tránh xa tầm tay trẻ em.

Sự tiếp xúc của dầu phanh trên bề mặt sơn của xe buýt gây ra hư hỏng cho lớp sơn phủ. Do đó, nếu dầu phanh dính trên bề mặt sơn, hãy lau ngay những chỗ này bằng khăn ẩm hoặc miếng bọt biển ẩm.

⚠ CẢNH BÁO!

Dầu phanh là chất độc hại! Tránh tiếp xúc với mắt và vùng da. Nếu xảy ra, ngay lập tức rửa vùng bị ảnh hưởng với nhiều nước.

HỆ THỐNG TRỢ LỰC LÁI THỦY LỰC



Mức dầu trong bình phải nằm giữa các vạch trên nắp que thăm dầu, để biết mức dầu tối đa và tối thiểu cho phép, với nắp vận kín. Kiểm tra mức dầu trong bình chứa tại động cơ lạnh.

⚠ LƯU Ý!

Không trộn (đổ thêm) các loại dầu trợ lực lái thủy lực khác nhau từ nhiều nhà sản xuất khác nhau. Không để bụi bẩn, nước và bụi lọt vào khoang bên trong bình.

⚠ LƯU Ý!

Khi động cơ đang chạy, không được quay vô lăng hết mức sang một bên quá 15 giây, vì điều này có thể làm hỏng bơm trợ lực lái do dầu quá nóng.

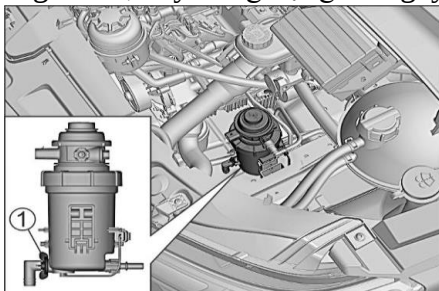
Không khởi động động cơ nếu mức dầu trong bình chứa trợ lực lái thủy lực không đủ.



BỘ LỌC NHIÊN LIỆU DIESEL

Xả nước từ bộ lọc nhiên liệu

Nếu đèn báo có nước trong bộ lọc nhiên liệu không hết sau khi khởi động động cơ hoặc sáng lên khi đang lái xe, hãy dừng động cơ ngay lập tức và xả hết nước khỏi bộ lọc nhiên liệu.

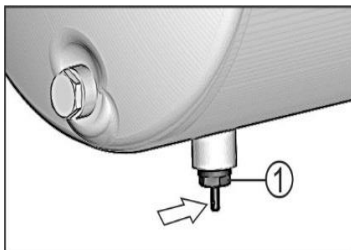


Khi đó, đặt một thùng chứa thích hợp dưới van xả của bộ lọc nhiên liệu;

- vặn lỏng đai ốc cánh (1) khoảng hai vòng ngược chiều kim đồng hồ cho đến khi nước chảy ra.
- xả nước (khoảng 250 ml) cho đến khi thấy nhiên liệu diesel sạch;
- siết chặt đai ốc cánh theo chiều kim đồng hồ;
- khởi động động cơ, chỉ báo nước trong nhiên liệu sẽ tắt sau khoảng 2 giây.

THÙNG CHỨA NƯỚC NGỪNG

Nước ngưng tụ



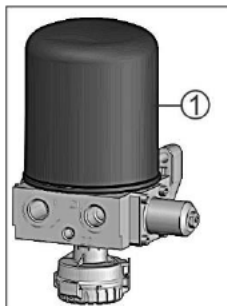
Để thoát nước ngưng từ xi lanh:

- đặt một thùng chứa thích hợp dưới van xả nước ngưng (1);
- sử dụng tuốc nơ vít, xoay thân van theo hướng mũi tên và xả nước ngưng; sau khi xả nước ngưng, không khí thoát ra và không còn nước giọt.

Khi nước ngưng tụ đóng băng, cần phải làm ấm bộ thu bằng nước nóng hoặc hơi ấm; cấm sử dụng lửa để sưởi ấm.



Thay bộ chia hơi



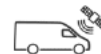
Để thay bộ chia hơi:

- chặn bánh xe;
- giảm áp suất không khí từ hệ thống không khí;
- làm sạch bùn đất trong máy sấy khí;
- tháo hộp cũ (1) bằng dụng cụ tháo dây đai;
- thay thế vòng đệm mới và bộ lọc (mô-men xoắn siết 11-15 Hm);
- kiểm tra rò rỉ bằng nước xà phòng (áp suất thử bằng áp suất vận hành)
- Nếu có dầu trong nước ngưng và bên trong hộp, cần kiểm tra tình trạng của cụm piston máy nén. Nên thực hiện thao tác này tại cơ sở bảo trì có trang thiết bị cần thiết.



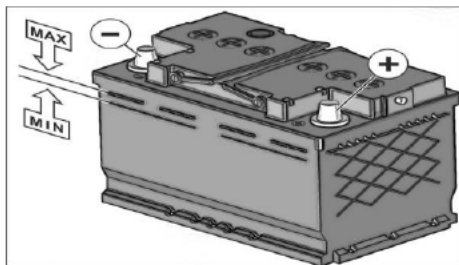
LƯU Ý!

Vận hành xe buýt mà không kiểm tra và khắc phục sự cố máy nén có thể dẫn đến hỏng các bộ phận dẫn động hệ thống treo khí nén.



BÌNH ẮC QUY

Kiểm tra mức điện phân



Trong điều kiện hoạt động bình thường, bình ắc quy hầu như không cần bảo dưỡng. Tuy nhiên, khi nhiệt độ ngoài trời cao, nên kiểm tra mức độ điện phân thường xuyên. Mức điện phân phải luôn nằm giữa vạch “MAX” và “MIN” trên vỏ ắc quy.

Nếu mức điện phân thấp, thêm nước cất để nâng lên mức bình thường.

Chất điện phân đổ trên bề mặt bình ắc quy nên được lau khô bằng giẻ sạch ngâm trong dung dịch amoniac hoặc soda nung 10%, sau đó lau khô bề mặt.

⚠ CẢNH BÁO!

Chất điện phân có thể gây nguy hiểm, do đó cần phải tránh để chất điện phân tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Nếu xảy ra, ngay lập tức rửa sạch khu vực bị ảnh hưởng bằng nước và nếu cần thiết cần hỗ trợ từ chăm sóc y tế.

Trong quá trình sạc, ắc quy sẽ giải phóng khí dễ nổ. Vì vậy, không nên đưa diêm đang cháy, thuốc lá hoặc các vật dụng đang cháy lại gần. Không được làm ắc quy bị đoản mạch, nếu không ắc quy sẽ rất nóng và có thể phát nổ. Các tia lửa sinh ra từ việc này cũng có thể gây ra nổ.



Hoạt động của ắc quy vào mùa đông

Vào mùa đông, tải trên ắc quy tăng lên. Hơn nữa, nếu nhiệt độ thấp, khả năng khởi động động cơ giảm đáng kể so với nhiệt độ thông thường. Do đó, nên yêu cầu cơ sở bảo dưỡng kiểm tra ắc quy trước khi thời tiết lạnh và nếu cần, hãy sạc lại. Vì vậy, không chỉ đảm bảo xe hoạt động an toàn - ắc quy được sạc đầy có tuổi thọ lâu hơn.



LƯU Ý!

Trong trường hợp lưu trữ lâu dài của xe (trên 1 tháng), cần phải sạc ắc quy theo hướng dẫn vận hành.

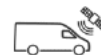


LƯU Ý!

Để tránh làm hỏng thiết bị điện tử, không tháo các mấu dây ra khỏi cực ắc quy khi động cơ đang chạy. Không được phép kết nối hoặc ngắt kết nối ắc quy, cũng như các đầu nối của bất kỳ thiết bị điện tử nào khi thiết bị và bộ khởi động đang bật.

Khi bảo dưỡng ắc quy, luôn ngắt kết nối đầu cực âm trước và kết nối lại sau cùng.

Ắc quy có chứa axit sunfuric và chì. Đưa ắc quy đã qua sử dụng đến các điểm thu gom rác thải công nghiệp.

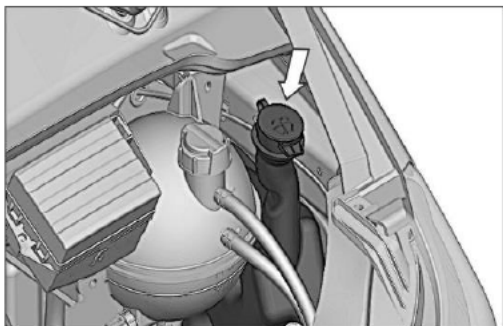


THIẾT BỊ RỬA KÍNH CHẮN GIÓ

LƯU Ý!

Nghiêm cấm vận hành thiết bị rửa kính chắn gió liên tục (hơn 5 giây) và nhiều lần (hơn 5 lần liên tiếp) nếu không thấy bất kỳ chất lỏng rửa kính chắn gió nào bị rò rỉ để tránh hỏng máy bơm rửa kính điện tử.

Bình chứa nước rửa kính chắn gió



Trên xe có cần gạt nước chạy bằng điện và thiết bị rửa kính chắn gió chạy điện. Cần gạt nước và thiết bị rửa kính chắn gió được lắp thiết bị điều khiển kết hợp. Thiết bị gạt nước và bình chứa nước rửa kính chắn gió có máy bơm được lắp đặt trong khoang động cơ.

Không bật gạt nước khi kính đang khô và bẩn, vì điều này sẽ gây trầy xước và cũng như làm hỏng lưỡi cao su của cần. Sử dụng nước rửa kính chắn gió để làm sạch bụi bẩn. Khi thiết bị rửa kính chắn gió được bật, một công tắc đặc biệt đảm bảo kích hoạt cần gạt nước và trì hoãn kích hoạt sau khi tắt thiết bị rửa kính.

Vào mùa lạnh, hãy đổ đầy bể chứa bằng dung dịch rửa kính đặc biệt có điểm đóng băng thấp.



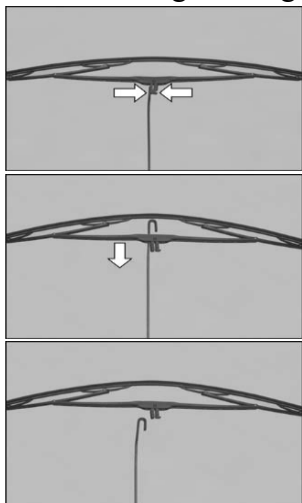
Vòi rửa kính chắn gió



Nếu áp suất của tia nước (chất lỏng rửa kính chắn gió) không đủ, trước hết kiểm tra chất lỏng rửa kính trong bình chứa. Việc bị tắc vòi nước rửa kính là nguyên nhân gây ra tia nước yếu. Hãy làm sạch các vòi phun tia, nếu cần thiết.

CÀN GẠT NƯỚC

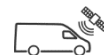
Xe được trang bị càn gạt nước với độ dài 550 mm



Để thay thế bàn chải:

- kéo thanh nối càn gạt nước ra khỏi kính chắn gió và giữ lưỡi gạt bình thường so với thanh nối càn.
- vặn hai đầu kẹp nhựa như minh họa bởi hình mũi tên.
- đẩy nhẹ lưỡi gạt dọc theo thanh nối càn theo hướng mũi tên để lấy càn ra.
- lắp lưỡi gạt mới theo thứ tự ngược lại khi tháo ra, đảm bảo rằng nó được gắn chính xác vào thanh nối càn.

Vệ sinh lưỡi gạt với nước ấm và một vài giọt nước rửa. Nếu sau khi làm sạch chúng để lại vết trên kính, hãy lắp chổi mới.



BẢO DƯỠNG XE

Rửa xe

Rửa xe thường xuyên là biện pháp cần thiết để bảo vệ xe khỏi những ảnh hưởng có hại từ môi trường. Muối, đường và bụi công nghiệp, côn trùng bám dính, phân chim, v.v. trên xe càng lâu, lớp sơn nhanh xuống cấp và hình thành ăn mòn nhanh hơn.

Tốt hơn là nên rửa xe trước khi chất bẩn khô lại, dùng tia nước mạnh ở áp suất thấp và sử dụng một miếng bọt biển mềm.

Không được lau, loại bỏ bụi bẩn bằng vải khô. Vào mùa hè, rửa xe ngoài trời, trong bóng râm. Rửa xe dưới ánh nắng mặt trời hoặc sau khi lái xe trong khi mũi xe vẫn còn nóng có thể làm phai màu sơn.

Khi rửa xe, không để tia nước trực tiếp hướng vào thiết bị điện và các gác nối có thể tháo rời trong khoang động cơ, cũng như công tắc khóa cửa ra vào.

Vào mùa đông, sau khi rửa xe trong phòng ấm, hãy lau thân xe thật khô trước khi lái xe, vì khi bề mặt ẩm ướt của thân xe bị đóng băng, các vết nứt có thể hình thành trên mặt sơn.

Khi rửa, không phải lúc nào cũng có thể tẩy sạch các vết nhựa đường bám trên mặt đường, vết dầu nhớt, côn trùng bám, v.v. Nhưng vì theo thời gian, những chất bẩn này (đặc biệt là phân chim) làm hỏng sơn, chúng phải được loại bỏ càng sớm càng tốt với sự trợ giúp của sản phẩm chăm sóc ô tô đặc biệt.

Sàn xe có lớp phủ bằng vải sơn ô tô nên được rửa bằng khăn ẩm hoặc bọt biển với chất tẩy rửa. Không được phép rửa sàn bằng cách dội nước, vì như vậy sẽ dẫn đến cong vênh ván sàn.



Bảo dưỡng sơn

Để bảo quản sơn, đôi khi, đặc biệt là trước khi mùa đông bắt đầu, nên đánh bóng bằng các hợp chất sáp. Màng bảo vệ do thành phần sáp ngăn cản bụi công nghiệp chứa các hạt kim loại nhỏ xâm nhập vào lớp sơn, tạo thành vết ban đỏ trên sơn.

Khi sơn đã phai màu, việc đánh bóng là cần thiết và việc sử dụng các chế phẩm sáp bảo vệ không còn đủ để tạo độ bóng như mong muốn. Nếu chất đánh bóng được sử dụng không chứa các yếu tố bảo vệ, thì lớp sơn phải được quét sáp.

Những hư hỏng nhỏ đối với lớp sơn, các vết nứt, vết xước nên được sửa chữa ngay lập tức trước khi rỉ sét hình thành.

Nếu có rỉ sét thì phải loại bỏ cẩn thận, sau đó sơn một lớp chống ăn mòn và đánh bóng lên. Khuyến nghị nên yêu cầu cơ sở bảo dưỡng thực hiện công việc này.

Bảo vệ đáy, ngưỡng cửa, vòm bánh xe

Gầm xe được bảo vệ khỏi hóa chất và hư hỏng cơ học.

Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động của xe, lớp bảo vệ có thể bị hư hỏng, do đó, tình trạng phải được kiểm tra định kỳ, tốt nhất là trước khi bắt đầu mùa đông và mùa xuân, và nếu cần thiết phải phục hồi.

Các cơ sở bảo trì chuyên dụng có các chế phẩm, thiết bị bảo vệ cần thiết và kinh nghiệm để thực hiện.

Vệ sinh gương chiếu hậu bên ngoài

Để vệ sinh gương, chỉ sử dụng một miếng vải mềm thấm nước rửa kính. Không đánh bóng hoặc không cọ xát để làm tan băng.

Vệ sinh đèn chiếu sáng ngoài trời

Kính đèn pha, đèn xi nhan, đèn chiếu hậu, và đèn viền được làm bằng nhựa. Do đó, không thể làm sạch chúng khỏi bụi bẩn bằng nhiều loại nhiên liệu, các chất hoạt tính khác và chất lỏng, cũng như lau



khô bằng chổi và giẻ.

Loại bỏ chất bẩn chỉ bằng cách dùng nhiều nước để rửa.

Bảo dưỡng nút cao su

Nút cao su trên cửa ra vào và cửa sổ phải luôn đàn hồi và ở tình trạng tốt. Thỉnh thoảng, nên bôi trơn bằng sản phẩm chăm sóc cao su để giữ được độ đàn hồi trong mùa đông.

Bảo dưỡng vải bọc ghế

Để làm sạch, sử dụng các sản phẩm làm sạch đặc biệt, một miếng bọt biển khô, một bàn chải mềm, một máy hút bụi.

Bảo dưỡng vật liệu bọc bên trong

Vật liệu bọc bên trong nên được làm sạch bằng khăn ẩm hoặc bọt biển có sử dụng chất tẩy rửa.

Bảo dưỡng vô lăng

Giữ vô lăng tránh xa các chất lỏng có tính ăn mòn như dầu khoáng, dầu mỹ phẩm, dung môi. Điều này có thể làm hỏng vô lăng. Nếu các hợp chất như vậy tiếp xúc với vô lăng, hãy lau sạch nó ngay lập tức.

Không sử dụng chất tạo bóng. Các hợp chất như vậy dẫn đến đổi màu, nhăn, nứt và bong tróc.

Để làm sạch, lau bề mặt vô lăng bằng khăn mềm sạch thấm nước sạch hoặc dung dịch xà phòng trung tính.

Bảo dưỡng dây an toàn

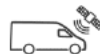
Khi dây an toàn bị bẩn, các yếu tố sau phải được xem xét:

- cảm tháo dây an toàn để vệ sinh;
- bụi bẩn bám dính phải được loại bỏ bằng bàn chải mềm, và bằng xà phòng nhẹ;
- không ủi dây bằng bàn là;
- đối với dây đai có cuộn quán tính, dây đai đã được làm sạch phải khô hoàn toàn trước khi quấn,



nếu không, cuộn dây đai quán tính có thể bị đứt;

- không tẩy rửa dây an toàn bằng hóa chất, cần bảo vệ băng và các bộ phận khác của dây an toàn khỏi hóa chất ăn da, dung môi và các vật sắc nhọn - chúng có thể làm hỏng vải và kém bền;
- Các khóa thắt lưng an toàn và các khóa của chúng phải được bảo vệ khỏi các vật thể lạ và chất lỏng lọt vào bên trong, nếu không tính năng hoạt động của thắt lưng sẽ bị giảm.



DUNG TÍCH BÌNH CHỨA NHIÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU VÀ DẦU BÔI TRƠN VÀ VẬT LIỆU VẬN HÀNH



LƯU Ý!

Không sử dụng nhiên liệu, dầu, chất bôi trơn hoặc chất lỏng khác với những thứ được chỉ định trong sách hướng dẫn này.

Bình nhiên liệu

Dung tích bình chứa nhiên liệu – 80 lít	Nhiên liệu diesel loại EURO theo GOST 32511-2013 (EN 590:2009) – tham khảo mục «Nạp nhiên liệu cho xe»
--	--

Hệ thống bôi trơn động cơ

Dung tích hệ thống bôi trơn động cơ - 6,5 lít	Dầu động cơ loại SAE: 0W-30 (-30 đến +20°C) 0W-40 (-30 đến +35°C) 5W-40 (-25 đến +35°C) 10W-40 (-20 đến +40°C) 15W-40 (-15 đến +45°C) Mức chất lượng theo API: tối thiểu là CJ-4
---	--



Hộp số

Dung tích hệ thống bôi trơn hộp số - 1,86 lít	Khi nhiệt độ từ -25°C đến +40° C dầu «Lukoil TM-5» SAE 85W-90, API GL-5. Loại dầu tương đương: «Super T-3 (TM-5)» hoặc «Devon Super T» SAE 85W-90, API GL-5 Với nhiệt độ từ -40°C đến +25° C dầu «Lukoil TM5» SAE 75W-90
--	---

Vỏ cầu sau

Dung tích vỏ cầu sau - 3.0 lít	Ở nhiệt độ -25°C đến +40°C dầu “Lukoil TM-5 SAE 85W-90, API GL-5 (TU 38.601-07-23-2022) Các loại dầu tương đương: “Super T-3 (TM-5)” hoặc “Devon Super T” SAE 85W-90, API GL-5 (TU 38.301-19-62-2001). Ở nhiệt độ -40°C đến +25°C dầu Lukoil TM5 SAE 75W-90 (TU 38.601-07-23-2002)
-----------------------------------	--

Hệ thống phanh và hệ thống ly hợp thủy lực

Dung tích hệ thống - 845 cm ³	Dầu phanh «ROSDOT»
--	--------------------



Hệ thống làm mát động cơ

Dung tích hệ thống làm mát - 14,0 lít	Dung dịch làm mát «Cool Stream Premium» hoặc theo tiêu chuẩn ASTM D 4985
---------------------------------------	--

Bình nước rửa kính chắn gió

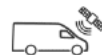
Dung tích bình chứa nước rửa kính chắn gió - 4,8 lít	Nước sạch nếu nhiệt độ môi trường trên 0°C Chất lỏng rửa ô tô đặc biệt nếu nhiệt độ môi trường dưới 0°C
--	--

Hệ thống trợ lái thủy lực

Dung tích hệ thống thủy lực - 1,2 lít LƯU Ý! Khi xe sắp được bảo quản trong thời gian dài (hơn 1 tháng), cần phải tiến hành bảo dưỡng (sạc lại) ắc quy theo hướng dẫn vận hành đối với ắc quy.	Với nhiệt độ -30°C đến +40°C: – Dầu hộp số tự động “Lukoil ATF TU 0253-030- 00148599- 2005 (nhà sản xuất: JSC «Lukoil»), hoặc, – Dầu hộp số tự động “Rosneft Kinetic ATF IID theo CTO 44918199-101-2017 (nhà sản xuất: LTD «RN- Dầu nhờn»), hoặc,
---	--



	– dầu hộp số tự động DEXRON III (nhà sản xuất: Mobil, Texaco, Castrol, ESSO), hoặc, – dầu hộp số tự động Shell Spirax S4 ATF HDX, GM Dexron III G (nhà sản xuất: Shell), hoặc, – dầu hộp số tự động ATF + 4 (nhà sản xuất: Mobil, Texaco, Castrol, ESSO), hoặc, – dầu thủy lực Shell Spirax S2 ATF AX (nhà sản xuất: Shell), hoặc, – dầu thủy lực Fuchs Titan ATF 4000 (nhà sản xuất: Fuchs), hoặc, – dầu thủy lực Fuchs Titan ATF 3000 (nhà sản xuất: Fuchs), hoặc, – dầu thủy lực Total FLUIDE ATX (nhà sản xuất: Total), hoặc, – dầu thủy lực Mobil ATF 220 (nhà sản xuất: Mobil). – Ổ nhiệt độ -40°C đến +40°C – dầu thủy lực "Pentosin CHF 11S" (nhà sản xuất: Pentosin).
--	--



Các bộ phận và hệ thống hoạt động trong cabin

Khóa mui xe	Dầu bôi trơn "Litol-24", "Lita" hoặc "Ciatim 201"
Công tắc khóa cửa, cốp (chìa khóa xi lanh, chỉ bôi trơn lò xo xi lanh khi cần thiết)	Dầu VMGZ-60, chất bôi trơn kỵ nước có màu trắng sol khí hoặc không màu dùng cho khóa cửa xe (ví dụ, LIQUI MOLY Turschloss-Pflege 7623).

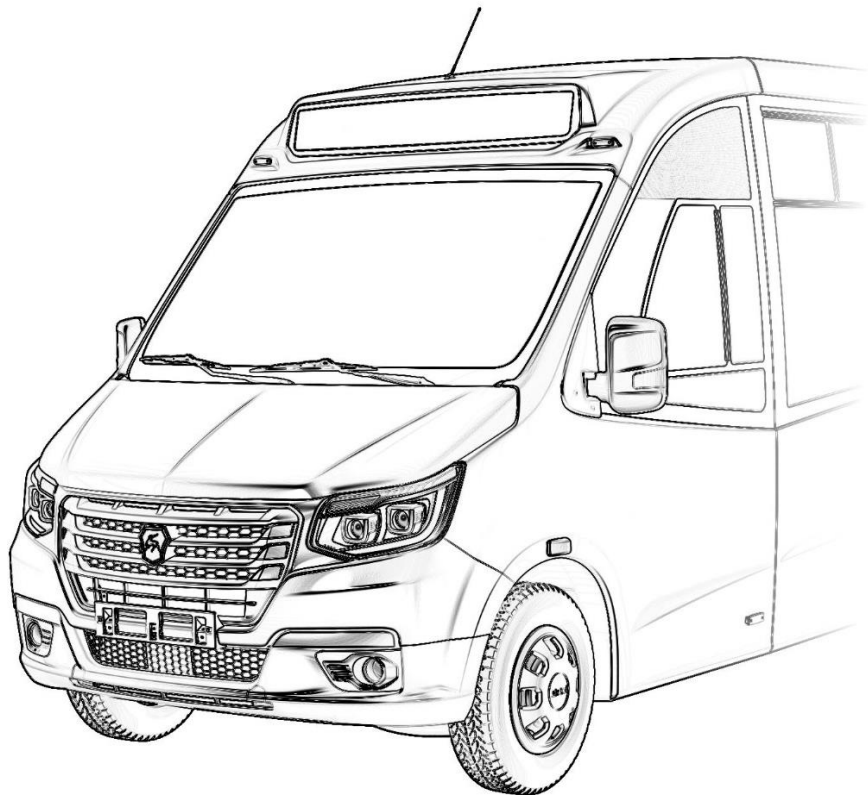


LƯU Ý!

Đưa nhiên liệu và chất bôi trơn đã qua sử dụng, chất lỏng kỹ thuật và thùng chứa liên quan cho các điểm thu gom sản phẩm dầu.

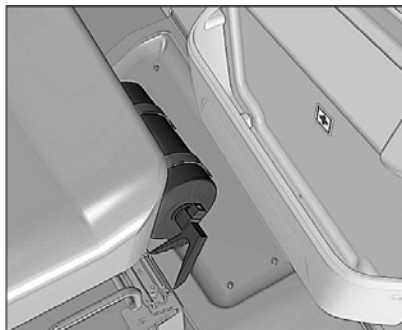
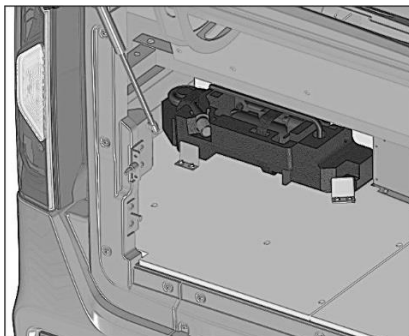


KHUYẾN NGHỊ THỰC HÀNH THEO TIÊU CHUẨN





CÔNG CỤ VÀ PHỤ KIỆN



Bộ dụng cụ và giắc cắm được đóng gói trong một miếng lót đặc biệt và đặt ở phía bên trái trong khoang hành lý.

Xe được trang bị bộ công cụ và phụ kiện, bao gồm: cờ lê cho đai ốc bánh xe S"27", cờ lê tháo lắp bánh xe S"14", cờ lê ống tuýp, kích thủy lực, bu lông và dụng cụ chuyên dụng, cờ lê S"10" cho giá đỡ bánh xe dự phòng.

Xe buýt được trang bị một bình chữa cháy OP-2, được cố định trên tấm lót sàn bên trái tài xế.

Trên nhãn có ghi hướng dẫn sử dụng bình chữa cháy.

Vị trí khuyến nghị cho bộ sơ cứu (do chủ xe mua) là trong túi của vải bọc bên trái, bên trái ghế lái.

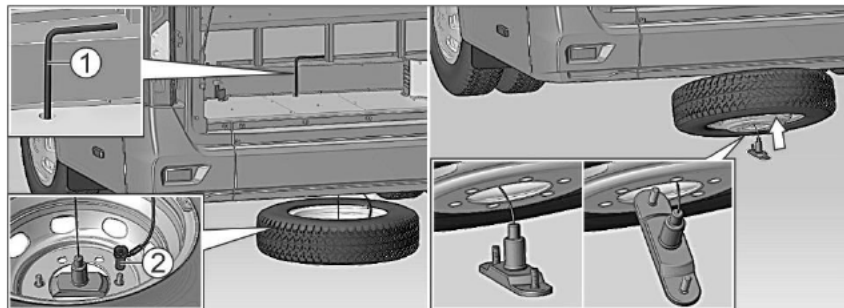


BÁNH XE DỰ PHÒNG



LƯU Ý!

Không vận hành xe khi lốp dự phòng chưa được siết ốc chắc chắn hoặc siết lỏng.



Bánh xe dự phòng nằm ở phần nhô ra phía sau và được ép vào khung với sự trợ giúp của cáp tời.

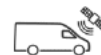
Để tháo bánh xe dự phòng, tra cờ lê hình chữ L đặc biệt (1) vào trục quay của cơ chế cáp tời như trong hình và xoay ngược chiều

kim đồng hồ bằng tay mà không cần sử dụng thêm dụng cụ và thiết bị.

Sau khi hạ bánh xe xuống, tiếp tục vặn cờ lê chốt và đồng thời kéo bánh xe ra khỏi gài thanh cái và đảm bảo độ căng không đổi của cáp tời với tải trọng ít nhất là 2,5kg.

Để tháo bánh xe dự phòng, hãy tháo đai ốc (2) của cáp an toàn khỏi chốt của giá đỡ bánh xe dự phòng và nhắc cạnh bánh xe lên, tháo giá đỡ qua lỗ trung tâm của đĩa bánh xe như trong hình.

Lắp bánh xe dự phòng theo thứ tự ngược lại, đồng thời đảm bảo độ căng không đổi của cáp tời với tải trọng ít nhất 2,5 kg, giữ cho bánh xe ở vị trí nằm ngang và không vượt quá mômen siết 37 N·m (tác dụng lực khoảng 29 kg lên thành cờ lê ống tuýp).



THAY BÁNH XE

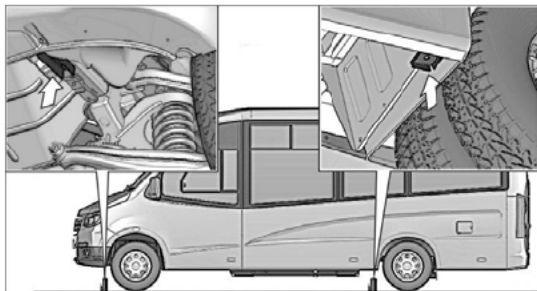


CẢNH BÁO!

Nghiêm cấm thực hiện bất cứ hoạt động nào ở bên dưới xe khi xe đang được nâng bằng kích.

Thay bánh xe theo thứ tự sau:

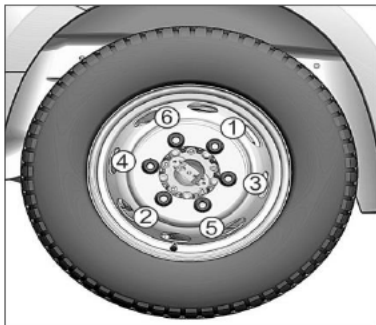
- đặt xe buýt trên nền ngang chắc chắn và bằng phẳng;
- kích hoạt phanh xe;
- đặt các cục chèn cho bánh xe ở phía đối diện với bánh xe cần tháo;
- tháo miếng đệm trung tâm của nắp bánh xe đang được tháo, tháo đai ốc siết nắp bánh xe và tháo nắp (nếu có);
- tháo đai ốc của bánh xe;



- đặt kích nâng dưới khung gần bánh trước (khi thay bánh trước) hoặc dưới đĩa thấp nhất của bộ giảm xóc gần thang ở gần bánh xe cần tháo (để thay cho bánh sau). Khi nâng bánh xe khỏi mặt đất, nên đặt thanh hoặc ván dưới để kích;
- vận hành cần quay để nâng xe lên để bánh xe rời khỏi bề mặt đường.



- tháo các đai ốc bánh xe, thay thế bánh xe và siết chặt đai ốc;
- hạ xe xuống;



– siết chặt các đai ốc bánh xe đến mômen xoắn 30-38 kg rồi gỡ bỏ các miếng chèn. Siết chặt các đai ốc luân phiên các đai ốc đối diện, không phải trong một vòng tròn, nhưng, ví dụ, theo thứ tự được hiển thị trong đang vẽ;

– đảm bảo áp suất bánh xe ở mức bình thường.

Các quy tắc sử dụng kích nâng được nêu trong hướng dẫn vận hành.

LƯU Ý!

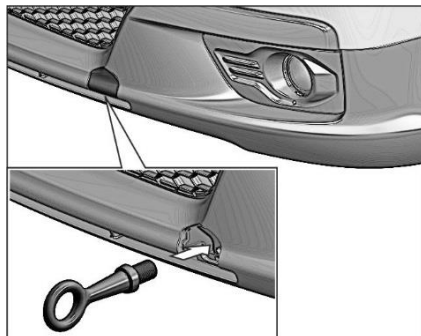
Sau 100 km đầu tiên, hoặc trong trường hợp thay thế lốp (tháo và lắp) và sau 50 km, cũng như trước một chuyến đi dài, cần kiểm tra đai ốc bánh xe và nếu cần, hãy siết chặt các đai ốc momen xoắn 30-38 kgfm.

CẢNH BÁO!

Việc siết chặt đai ốc bánh xe không đúng cách có thể gây ra tai nạn.



KÉO CỨU HỘ XE



Để kéo xe:

- Ở phía trước của khung lắp một khuôn hàn-dập được gắn vào các thanh kéo. Khi kéo hoặc kéo một xe bị sa lầy, siết đinh khuy vào ống hàn ở khuôn bên trái để gắn dây cáp hoặc dây xích (đinh khuy gắn vào xe). buộc chặt dây cáp kéo vào xe và trên xe được kéo;
- bật đèn cảnh báo nguy hiểm trên xe được kéo;
- mở khóa vô lăng để có thể lái xe.

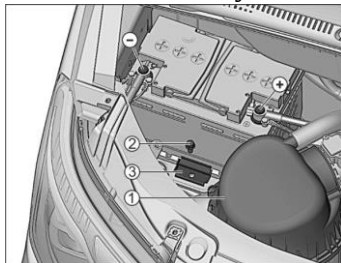
Khi kéo, tài xế xe kéo phải khởi động và điều khiển xe nhip nhàng, tránh giật và chạy quá tốc độ, tài xế xe được kéo phải đảm bảo dây

cáp luôn được buộc chặt.

Cần lưu ý rằng khi động cơ tắt, phanh và hỗ trợ vô lăng không hoạt động, và do đó, cần tác dụng nhiều lực lên bàn đạp phanh và vô lăng.

THÁO / LẮP ĐẶT ẮC QUY

Lần lượt tháo các dây ra khỏi các cực của ắc quy: đầu tiên là cực âm, sau đó là cực dương.



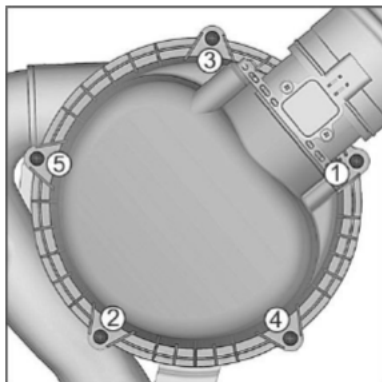
Quy trình tháo ắc quy:

- tháo nắp (1) của bộ lọc khí và để bên cạnh;
- tháo đai ốc (2) và tháo tấm lắp (3) ắc quy;
- tháo ắc quy ra khỏi vị trí.
- Để thay thế, sử dụng ắc quy cùng loại và công suất. Lắp ắc quy theo thứ tự tháo lắp ngược lại.



LƯU Ý!

Các cực phải kết nối đúng cách với các đầu của ắc quy. Không được đảo ngược cực. Không vặn quá chặt các vít cố định nắp bộ lọc khí.

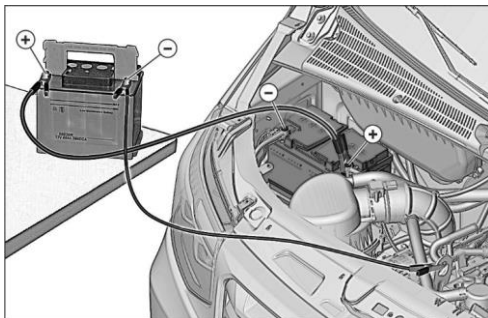


Khi lắp ắc quy, đầu tiên kết nối cực dương với đầu nối cực dương, sau đó nối cực âm với đầu nối cực âm. Bôi dầu nhớt PVC hoặc dầu nhớt rắn vào các đầu nối.

Lắp nắp bộ lọc không khí vào vỏ và vặn chặt các vít cố định theo trình tự như trong hình. Mômen xoắn 2,8- 3,5 N m.



MỎI KHỞI ĐỘNG ĐỘNG CƠ



Nếu ắc quy của xe đã hết, có thể khởi động động cơ bằng ắc quy của xe khác. Đồng thời, cả hai ắc quy phải có cùng giá trị điện áp danh định (12 V) và công suất xấp xỉ nhau (A·h.). Các cáp kết nối phải đủ tiết diện.

Tuân thủ nghiêm ngặt các hướng dẫn bên dưới - ắc quy rất nguy hiểm nếu thao tác sai, vì chúng có thể giải phóng khí nổ chứa axit sulfuric ở nồng độ đủ cao và có thể gây phóng điện trong trường hợp đoản mạch. Đoản mạch cũng có thể làm hỏng thiết bị điện ở cả 2 xe.

Khi thao tác với ắc quy:

- bảo vệ các vùng tiếp xúc của cơ thể và mắt khỏi chất điện phân, sử dụng kính đeo bảo vệ;
- không tì lên ắc quy trong khi khởi động động cơ;
- không tháo các cực khỏi các đầu nối của ắc quy đã hết;
- tắt tất cả thiết bị điện không cần thiết;
- đảm bảo rằng các kẹp của cáp kết nối không chạm vào nhau.

Gắn các kẹp cáp kết nối theo thứ tự sau:

- Một đoạn của cáp kết nối đầu tiên nối với cực dương (□) của ắc quy đã tích điện.
- Kẹp còn lại của cáp này là đầu cực dương (+) của ắc quy đã cạn.
- Một đoạn của cáp kết nối thứ hai nối với cực âm (-) của ắc quy đã tích điện.
- Kẹp còn lại của cáp này vào được nối với móc treo nâng động cơ, như được minh họa trong hình.



LƯU Ý!

Không kết nối kẹp trực tiếp với cực âm của pin đã hết! Tia lửa điện có thể đánh lửa khí nổ do ắc quy tạo ra.

Sắp xếp các cáp kết nối sao cho chúng tránh mắc vào các bộ phận quay của động cơ.

Khởi động động cơ xe như được mô tả trong phần "Khởi động động cơ". Trong trường hợp này, động cơ xe có ắc quy đã sạc phải dừng lại.

Cẩn thận ngắt kết nối các kẹp của cáp kết nối theo đúng thứ tự ngược lại.

CẦU CHÌ VÀ RƠ LE

Hộp cầu chì điện trong khoang động cơ

Hộp nằm dưới mui xe, ở phía bên phải của bảng điều khiển phía trước.

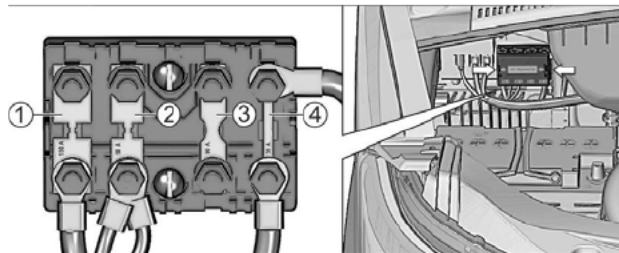
Đề tiếp cận các cầu chì, nhấn hai chốt nhựa ở hai bên của nắp và tháo nắp.

Tháo cầu chì bị đứt, kiểm tra mạch điện được bảo vệ và lắp đặt cầu chì mới có cùng định mức (có cầu chì thay thế nắp đậy hộp cầu chì).

Sau khi thay thế cầu chì dạng lưỡi, siết chặt đai ốc để đạt được mô-men xoắn 5,5-7,8 Nm.

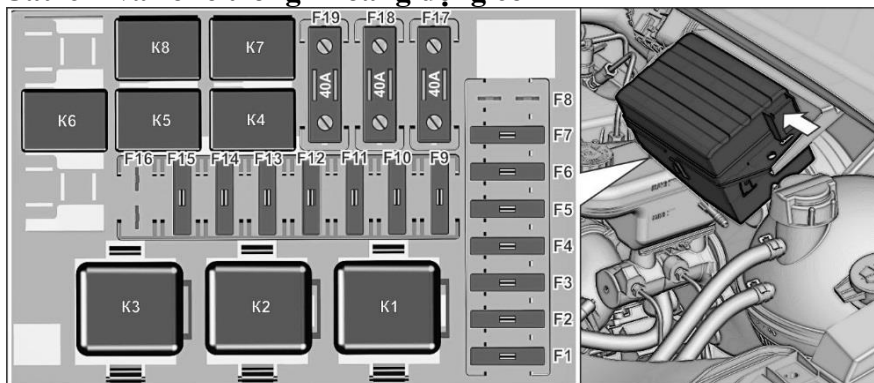
Mạch được bảo vệ:

- | | | |
|---|------|--------------------------------|
| 1 | 150A | Bộ làm nóng khí vào |
| 2 | 90A | Mạch dương thông thường của xe |
| 3 | 90A | Dự phòng |
| 4 | 30A | Hệ thống điều khiển động cơ |





Cầu chì và rơ le trong khoang động cơ



Hộp được đặt dưới mui xe bên trái trên phần mở rộng của vách ngăn.

Để tiếp cận cầu chì và rơ le:

- nhấn chốt nhựa ở bên trái của nắp và tháo nắp;
- dung nhíp loại bỏ cầu chì bị lỗi;
- khắc phục sự cố trong mạch được bảo vệ;
- lắp một cầu chì mới;
- đóng nắp cho đến khi chốt khóa.

Cầu chì

F1	15A	Rơ le đèn sương mù
F2	7,5A	Tín hiệu phanh
F3	10A	Máy sấy phanh



F4	25A	Rơ le sưởi ấm nhiên liệu
F5	25A	Máy làm mát
F6	20A	Lò sưởi độc lập
F7	25A	Hệ thống chống bó cứng phanh
F8	—	Dự trữ
F9	10A	Đèn cốt (đèn trước bên trái)
F10	10A	Đèn cốt (đèn trước bên phải)
F11	10A	Đèn cốt (đèn trước bên trái)
F12	10A	Đèn cốt (đèn trước bên trái)
F13	5A	Đèn đánh dấu (bên trái)
F14	5A	Đèn đánh dấu (bên phải)
F15	7,5A	Đèn đi lùi
F16	-	Dự trữ
F17	40A	Bộ sưởi
F18	40A	Hệ thống chống bó cứng phanh

Rơ le

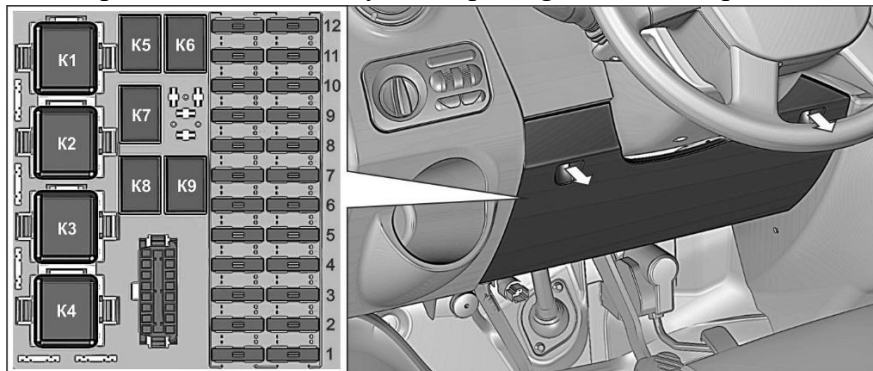
K1	Rơ le khởi động
K2	Rơ le sưởi ấm nhiên liệu
K3	Rơ le để đặt các thanh gạt nước
K4	Rơ le cho đèn pha chiếu sáng thấp
K5	Rơ le tia cao
K6	Rơ le đèn sương mù
K7	Rơ le máy sấy



Cầu chì và rơ le trong bảng thiết bị

Hộp nằm ở dưới cùng của bảng điều khiển, dưới trụ tay lái.

Để tiếp cận các cầu chì, hãy mở nắp bằng cách kéo về phía bạn.



Cầu chì bên trái

13	7,5A	Đèn chạy ban ngày
14	5A	Đèn sương mù phía sau
15	7,5A	Đèn xi nhan
16	7,5A	Cụm đồng hồ, cảm biến tốc độ, máy sưởi, tốc kế, ERA GLONASS ("15/1")
17	5A	Hệ thống điều khiển động cơ
18	5A	Hệ thống chống bó cứng phanh
19	10A	Ổ cắm điện
20	10A	Đèn khẩn cấp báo hiệu



21	15A	Mô đun điều khiển ánh sáng, đèn nền
22	10A	Đèn chiếu sáng nội thất
23	15A	Máy ghi âm vô tuyến
24	7,5A	Cụm công cụ, khối chẩn đoán, bảng điều khiển bộ làm nóng trước, máy đo tốc độ, ERA GLONASS (+ 12V)

Cầu chì bên phải

13	20A	Cần gạt nước, máy rửa kính chắn gió
14	10A	Mô đun điều khiển chiếu sáng
15	5A	Gương chỉnh điện
16	5A	Bộ phận kiểm soát hệ thống treo
17	10A	Sưởi ấm gương
18	10A	Sưởi ấm ghế tài xế
19	15A	Bộ sưởi tăng cường
20	10A	Máy đổi lưu FVU
21	15A	Ví sai khóa ví sai, ổ cắm điện, chỉ báo tuyến đường
22	15A	Còi
23	30A	Ổ cửa điện, đèn chiếu sáng cửa
24	15A	Bộ phận kiểm soát hệ thống treo

Rơ le

K1	Rơ le hệ thống gạt nước và rửa kính
K2	Rơ le hệ thống sưởi
K3	Rơ le dỡ tải khóa
K4	Rơ le bảng đèn
K5	Rơ le hệ thống sưởi sau

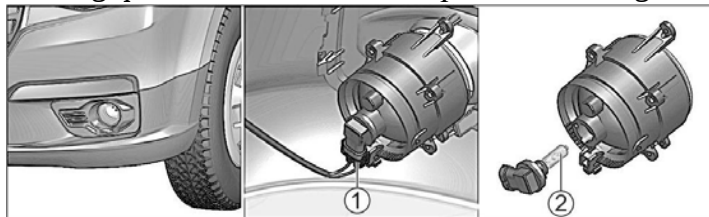


K6	Rơ le bảng đèn
K7	Rơ le khóa vi sai
K8	Rơ le còi
K9	Rơ le đỡ tải khóa 2

THAY BÓNG ĐÈN

Thay bóng đèn sương mù

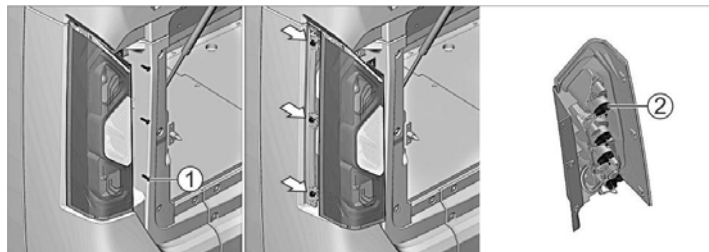
Thông qua từ dưới cần có thể tiếp cận đèn sương mù.



Để thay thế đèn:

- + tháo đầu nổi (1);
- + xoay đuôi đèn và kéo bóng đèn và bộ đuôi đèn (2) ra. Phải thay bộ đuôi đèn và bóng đèn.

Thay bóng đèn hậu



Để thay thế đèn:

- + tháo ba vít (1) đang cố định đèn vào thân;
- + tháo đèn khỏi ba đinh tán bằng cách kéo đèn ra phía sau;
- + xoay đuôi đèn (2) và kéo bóng đèn cùng bộ đuôi đèn ra.

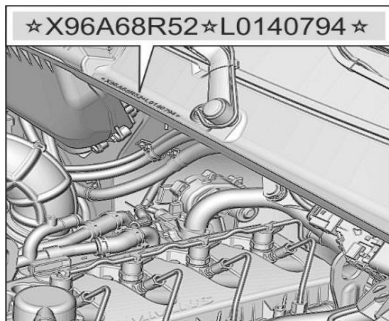


CÁC ĐÈN ĐƯỢC SỬ DỤNG TRÊN XE

Chức năng và vị trí	Loại	Công suất, W
Đèn pha	Đèn LED	55
Đèn sương mù	H11	
Bộ lắp xi nhan bên	Đèn LED	
Đèn chiếu hậu:		
- Đèn / tín hiệu phanh đỗ xe	P21/5W	21/5
- xi nhan	PY21W	21
- ánh sáng ngược	P21W	21
- đèn sương mù	P21W	21
Đèn soi biển số	Đèn LED	
Đèn đánh dấu phía trước, bên và phía sau	Đèn LED	
Đèn trần nội thất	Đèn LED	
Đèn ổ công tắc điện	A12- 1,2	1,2
Đèn báo công tắc tai nạn	A12- 1,2	1,2



CHỈ SỐ NHẬN DẠNG



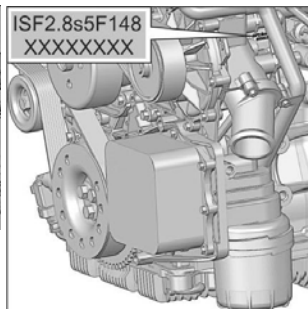
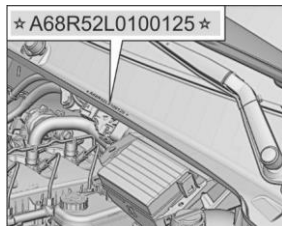
Dữ liệu hộ chiếu của xe bao gồm số nhận dạng (VIN) của phương tiện (TC), số nhận dạng thân xe, số nhận dạng động cơ, nhà máy sản xuất.

Số nhận dạng phương tiện (VIN) được dán trên bảng điều khiển phía trước cabin, dưới mui xe phía bên phải theo hướng chuyển động của xe.

Ví dụ về số VIN của xe: ♦X96A68R52♦L0140794♦ hoặc ♦X96A68R52♦L0140794♦, trong đó:

X96 - mã nhận dạng Quốc gia và nhà sản xuất, LLC Avtozavod GAZ;
A68R52 – mẫu hoặc phiên bản xe;
L - mã năm mẫu xe (L - 2020, M - 2021, N - 2022);
0140794 – số seri của xe.

Năm mẫu xe là khoảng thời gian bằng với năm dương lịch có cùng thiết kế được sản xuất.

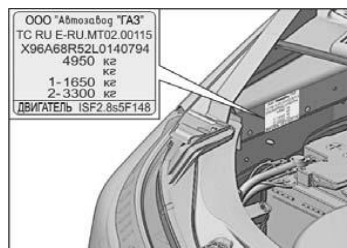
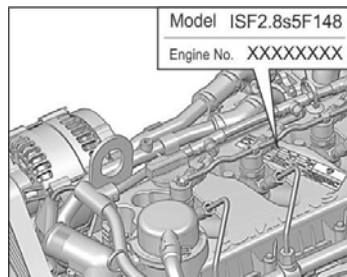


Số nhận dạng của thân xe được dán trên bảng điều khiển bên ngoài phía trước của cabin, dưới mui xe bên trái theo hướng của xe.

Ví dụ về nhận dạng thân xe:

♦A68R52L0100125♦ hoặc
♦A68R52L0100125♦ trong đó:

A68R52 – mô hình hoặc có thay đổi thân xe;
L - mã năm mẫu xe;
0100125 - số sê-ri của thân xe.



Số nhận dạng động cơ ISF2.8 được đóng trên khối xi-lanh ở phía bên trái.

Ví dụ số nhận dạng động cơ :

ISF2.8s5F148 XXXXXXXX, trong đó:

ISF2.8s5F148 – mẫu động cơ;

XXXXXXX - số seri động cơ.

Số nhận dạng động cơ cũng được sao chép lại trên bảng tên động cơ nằm trên nắp van.

Thẻ tên được đặt ở bảng điều khiển bên phải của phần đầu xe, dưới mũi xe.

Ví dụ về thẻ ghi thông tin:

- a - số phê duyệt kiểu xe (phê duyệt kiểu khung xe);
- b - số nhận dạng phương tiện (VIN);
- c - trọng lượng tối đa cho phép về mặt kỹ thuật của xe;
- d - là khối lượng tối đa cho phép về mặt kỹ thuật;
- e - trọng lượng tối đa cho phép về mặt kỹ thuật trực trước;
- f - trọng lượng tối đa cho phép về mặt kỹ thuật trực sau;
- g – mẫu động cơ.



Số nhận dạng trên bảng tên phải khớp với số nhận dạng xe trên bảng điều khiển phía trước bên ngoài của cabin phía trước và kiểu động cơ trên bảng tên phải khớp với kiểu máy trên động cơ.

Bảng đặc biệt được lắp bên cạnh bảng tên trên xe buýt, trong đó có thông tin về các chứng chỉ quốc tế (phê duyệt) áp dụng cho tất cả các sửa đổi của xe thuộc loại này.

Mỗi xe cụ thể, chỉ được cung cấp chứng chỉ tương ứng với sửa đổi này của xe và động cơ được lắp đặt.

XỬ LÝ

Xe không chứa các chất gây nguy hiểm đến tính mạng con người, sức khỏe và môi trường.

Khi xử lý xe sau khi hết thời gian sử dụng (tuổi thọ), cần phải:

- xả dầu từ cacte động cơ, các bộ phận truyền động, hệ thống thủy lực trợ lực lái và gửi dầu đi tái chế theo cách quy định thiết lập;
- xả dung dịch làm mát khỏi hệ thống làm mát và cho vào các thùng chứa để dự trữ;
- tháo rời hoàn toàn xe thành các bộ phận, phân loại thành thép, gang, nhôm, kim loại màu và kim loại quý, cao su và nhựa và gửi chúng theo cách thức quy định để tái sử dụng.

Khi tiến hành bảo dưỡng và sửa chữa hiện tại của xe, hãy gửi các bộ phận và bộ phận lắp ráp được thay thế (nếu cần) để tái chế, đồng thời tháo rời bộ phận lắp ráp thành các bộ phận và phân loại chúng theo vật liệu.

Mang bình ắc quy, bộ lọc dầu đến các điểm thu gom chuyên dụng.



DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM CÓ CHỨA KIM LOẠI QUÝ

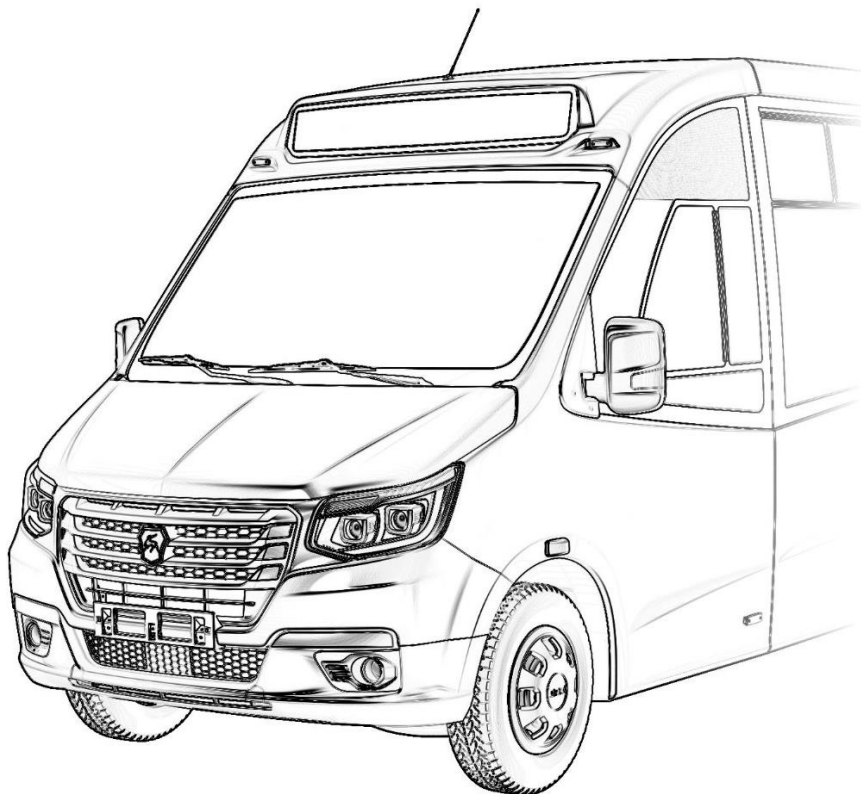
Tên sản phẩm	Loại	Trọng lượng 1 kiện, g	
		Pt-platinum Pd- palladium Au-vàng Rh-rhodium Rt-ruthenium	Bạc Ag
1. Rơ le	71.3747.000-021	-	0,2309
	71.3747.000-031	-	0,2309
	98.3747.000-111	-	0,04729
	526.3747.000-04	-	0,143
	75.3777.000-10	-	0,0411
	752.3777.000-11	-	0,0411
	192.3777.000-01	-	0,1321
2. Bộ ngắt tín hiệu xi nhan	495.3747.000-03 hoặc 641.3777	Au-0,00021 -	0,04214 0,153
3. Công tắc gạt nước với bộ điều chỉnh tạm dừng	2705.3709300 hoặc 3110.3709300-38	-	0,2
4. Công tắc đèn báo hiệu	2705.3709100-10	-	0,2



	Hoặc 3111.3709100-28		
5. Công tắc đánh lửa	3111.3704010 hoặc 29.3704-02	-	0,39717 0,071615
6. ERA-GLONASS	A21R23.3763100 -10	-	0,1
7. Chốt trung hòa	A21R32.1206008	$P_t + P_d = 1,48$	-
8. Bộ lọc hạt	A21R32.1206004	$P_t + P_d = 0,33$	-

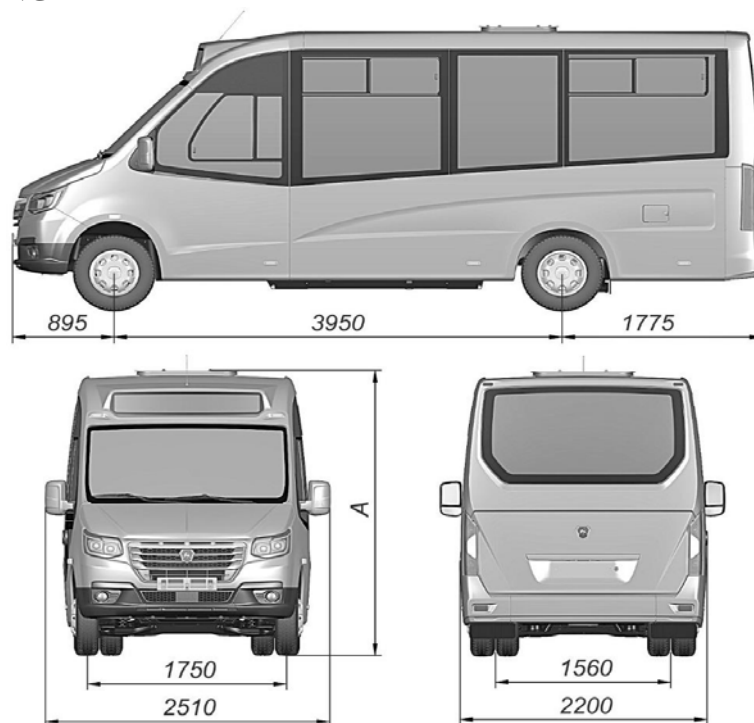


THÔNG SỐ KỸ THUẬT





KÍCH THƯỚC TỔNG



A=2720 mm (không có điều hòa); A=2860 mm (có điều hòa).



THÔNG SỐ CHUNG

Thông số	Mẫu xe		
	A64R52	A68R52	
Loại xe		A	
Sức chứa hành khách (người)		22	
- cho hành khách ngồi	20	13	17
Sức chứa hành khách khi có khách bị hạn chế khả năng vận động (người)	—	19	19
- cho hành khách ngồi	—	10	14
- cho hành khách hạn chế vận động	—	1	1
Trọng lượng tối đa cho phép về mặt kỹ thuật xe ¹ (kg)		4950	
Trọng lượng trang thiết bị xe (kg)	3420	3454	3454
Trọng lượng trục (kg)			
- Trước		1650	
- Sau		3300	
Chiều cao gầm xe (dưới vỏ trục sau khi xe tải đầy, mm)		145	
Bán kính vòng quay tối thiểu theo bánh trước bên ngoài (m)		7,2	
██			
██████████			
† ██████████		██████████	



I 		
Tốc độ tối đa trên đường cao tốc bằng phẳng (km/h)		115
Góc phần nhô ra (có tải) (độ):		
- Phía trước		25
- Phía sau		11
Độ dốc lái xe tối đa (khi tải đầy) (%)		25

¹⁾ Trọng lượng thực tế của xe được ghi trong tài liệu đi kèm.

ĐỘNG CƠ

Mẫu	ISF2.8s5F148
Tiêu chuẩn phát thải	5
Kiểu loại	Bộ làm mát không khí diesel, tăng áp và nạp điện
Số lượng và vị trí xi lanh	4, thẳng
Đường kính xi lanh và hành trình piston (mm)	94x100
Dung tích (lít)	2,8
Tỉ lệ nén	16,9
Công suất tối đa, kW(h.p.)	102,7 (139,7)
ở tốc độ trục cơ (vòng/phút)	3400



Mô-men xoắn thực tối đa N·m (kgf·m) ⁽¹⁾	320 (32,6)
ở tốc độ trực cơ (vòng/phút)	1400-2700
Trình tự vận hành xi lanh	1-3-4-2
Tốc độ không tải của trực cơ (vòng/phút):	
Tối thiểu ($n_{\min. xx}$)	800±50
Tối đa ($n_{\max. xx}$)	3800
Hướng quay trực cơ (từ phía quạt)	Phải

BỘ TRUYỀN ĐỘNG

Ly hợp	1 đĩa ma sát khô, dẫn động thủy lực, trợ lực chân không
Hộp số	Số cơ, 5 cấp số
	Tỷ số truyền
	Số 1 – 4,05
	Số 2 – 2,34
	Số 3 – 1,395
	Số 4 – 1,0
	Số 5 – 0,849



	Số lùi – 3,51
Truyền động qua trục cardan	Hai trục có ba trục cardan và một gối đỡ trung gian hoặc ba trục có hai khớp vận tốc không đổi, hai trục cardan và hai gối đỡ trung gian.
Cầu sau	
Bánh răng dẫn động	Bánh răng hypoit, tỷ số truyền là 4,556
Vi sai	Hình nón, kiểu bánh răng

KHUNG GÀM XE

Bánh xe	Đĩa, vành liền 5½ Jx16H2
Lốp	Khí nén, xuyên tâm, không ống, kích thước 195/75R16C
Hệ thống treo	
- phía trước	- Độc lập, trên đòn ngang có lò xo cuộn, có thanh chống lật.
- phía sau	- Với hai đòn dọc và hai đòn ngang, có phần tử đàn hồi khí nén kiểu tay đòn, có thanh cân bằng.
Bộ giảm xóc	Bốn - đầy khí, ống lồng, hoạt động kép.



HỆ THỐNG LÁI

Cơ cấu lái tích hợp (có trợ lực lái)	Loại giá đỡ
Bơm trợ lực lái	Kiểu cánh quạt, hoạt động kép
Trục lái	Điều chỉnh độ nghiêng

HỆ THỐNG PHANH

Hệ thống phanh chính	Mạch kép, vận hành thủy lực có bầu trợ lực phanh chân không và ABS
Thiết bị phanh:	
Bánh trước	Phanh đĩa
Bánh sau	Phanh tang trống hoặc phanh đĩa
Hệ thống phanh khẩn cấp	Tùng mạch của hệ thống phanh chính
Hệ thống phanh đỗ xe	Liên kết cấp cơ học với các cơ cấu phanh bánh sau

THIẾT BỊ ĐIỆN

Loại	DC, dây đơn. Cực âm của nguồn điện cũng được kết nối với thân xe
Điện áp định mức (V)	12
Máy phát điện	5318121
Bộ khởi động	5340730
Ắc quy	6CT-85VL



THÂN XE

Thân xe	Kiểu khung, nắp ca-pô rời, có cửa hai lá ở giữa.
Cửa hoạt động giữa	Loại hai cánh, từ xa, có ổ điện cơ và khả năng mở cửa khẩn cấp từ bên trong và bên ngoài.

THÔNG SỐ THAM KHẢO CHÍNH

Áp suất căng lốp, kPa (kgf/cm ²):	
- bánh trước	390+10 (4,0+0,1)
- bánh sau	410+10 (4,2+0,1)
- bánh dự phòng	410+10 (4,2+0,1)
Nhiệt độ hoạt động tối thiểu của dung dịch làm mát (°C)	71
Nhiệt độ hoạt động tối của dung dịch làm mát (°C)	110
Chuyển động tự do của bàn đạp ly hợp (mm)	6,0-8,5
Độ dài tối thiểu cho phép của lốp ma sát (mm)	
- đối với má phanh đĩa trước	2,0
- đối với má phanh đĩa sau	2,0
Độ dốc tối thiểu mà xe tải đầy đủ có thể giữ lại bởi hệ thống phanh	16

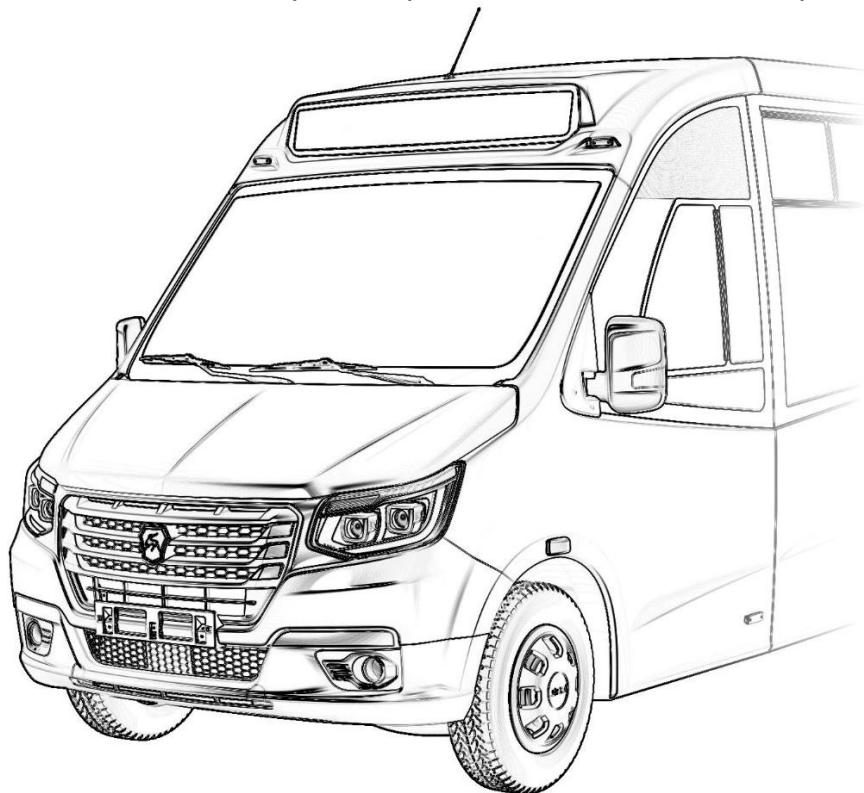


dùng đỗ (%)	
Độ thẳng hàng bánh trước (với xe buýt lắp ráp):	
- Góc nghiêng dọc trụ lái	$+3^{\circ} \pm 1^{\circ}$
- Chênh lệch bánh trái-phải	Tối đa 30'
- Góc nghiêng ngang của từng bánh	$-0^{\circ}22' \dots +0^{\circ}3'$ $(-0^{\circ}12' \dots -0^{\circ}7')^*$
- Độ chụm của từng bánh	$-0^{\circ}4' \dots +0^{\circ}1'$ $(-0^{\circ}4' \dots -0^{\circ}1')^*$
Tổng số độ nặng tay lái (phương pháp xác minh theo GOST 33997-2016)	20°

* Giá trị các góc được người điều hành của công ty bảo dưỡng thiết lập.



CẬP NHẬT HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG





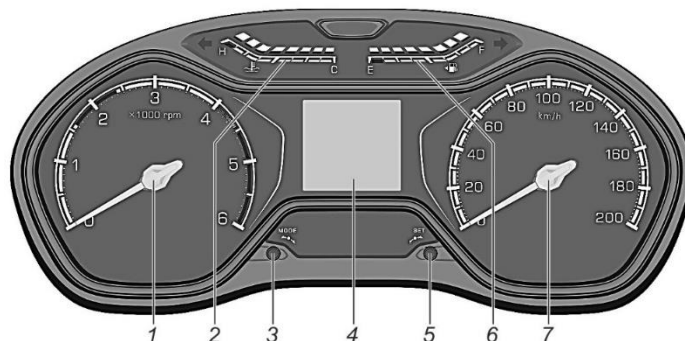
CẬP NHẬT ngày 30 tháng 11 năm 2021
vào sổ tay hướng dẫn sử dụng xe
" GAZelle Next" (Số A21R22-3902010 RE), "GAZelle Next" (Số A63R42-3902010 RE),
GAZelle Business (3302-3902010-20 RE), "Sable" (RE 2217-3902010-10)

CHÚ Ý!

Đối với một số sửa đổi, cụm đồng hồ tablo thay thế được lắp đặt.

Có một vài thông tin sau được nhập vào cần lưu ý:

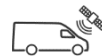
CỤM ĐỒNG HỒ TAPLO



1. Tốc kế.

Cho biết tốc độ quay trục khuỷu động cơ tính bằng vòng / phút. (rpm)

LƯU Ý: Không được để động cơ diesel chạy thời gian dài ở tổ số trên 3600 rpm, hay động cơ xăng ở tốc độ trên 4000 rpm.



2. Đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát động cơ.

Khi kim chỉ thị đạt đến vạch H (“Nóng” - nhiệt độ cao) và đèn báo nhiệt độ nước làm mát khẩn cấp sáng lên, cần phải dừng động cơ và loại bỏ nguyên nhân gây quá nhiệt.

3. Nút "Chế độ" (" Mode ") / điều khiển nhật ký hành trình.

Để "tự kiểm tra" cụm đồng hồ tablo, nhấn nút "Chế độ" và giữ, bật thiết bị (khởi động) (vị trí phím I). Điều này sẽ kích hoạt các thiết bị tín hiệu thử nghiệm và tất cả các phân đoạn của màn hình đa chức năng, các chỉ báo mũi tên đi từ tối thiểu đến tối đa, chỉ báo của logo GAZ được hiển thị trên màn hình .

Chế độ "tự kiểm tra" sẽ ngắt sau khi các mũi tên trên thiết bị chuyển động từ mức tỷ lệ ban đầu đến mức tối đa hoặc khi xuất hiện tín hiệu báo tốc độ trục khuỷu động cơ hoặc khi tắt các thiết bị (khởi động).

Sau khi hoàn thành chế độ "tự kiểm tra", cụm đồng hồ tablo sẽ chuyển sang chế độ vận hành.

Để điều khiển chế độ “Nhật ký hành trình” (lựa chọn danh mục theo vòng tròn), xoay nút theo chiều kim đồng hồ (RC-up) hoặc ngược chiều kim đồng hồ (RC-down).

Để đặt lại các chỉ báo riêng lẻ, hãy nhấn nút trong khi giá trị muốn khởi động lại hiển thị.

4. Màn hình hiển thị đa chức năng.

Tham khảo để biết các chế độ hoạt động ở trang tiếp theo.

5. Nút “Đặt” để điều chỉnh chỉ số quãng đường hàng ngày/giờ và phút.

Để đặt lại số km hàng ngày về 0, hãy nhấn nút và giữ nó trong ít nhất 3 giây khi nó được hiển thị.

Để điều chỉnh giờ và phút, xoay nút theo chiều kim đồng hồ để thay đổi giờ, ngược chiều kim đồng hồ để thay đổi phút.

6. Chỉ báo mức nhiên liệu.

Khi lượng nhiên liệu còn lại ít hơn 8-10 lít, thang đèn báo đến vùng E (“Empty” – cạn) và đèn báo mức dự trữ nhiên liệu tối thiểu trong bình sáng lên.

LƯU Ý: Tình trạng đèn chỉ báo mức độ nhiên liệu hoạt động phụ thuộc vào bề mặt xe đang đậu và tải trọng xe.



7. Đồng hồ đo tốc độ.

Cho biết tốc độ của xe tính bằng km / h.



LƯU Ý!

Để tránh những hỏng hóc trong hoạt động của cụm đồng hồ tablo KHÔNG được nhắt kết nối ắc quy(ngắt kết nối dây dẫn ra khỏi các điện cực «+» và «-») khi thiết bị đang được bật (khởi động).

Để tránh những hậu quả do những hỏng hóc trong hoạt động của cụm đồng hồ tablo:

- 1. Tắt Công tắc thiết bị (khởi động).*
- 2. Khi ắc quy đã ngắt kết nối, hãy kết nối lại với hệ thống điện trên xe; đối với ắc quy đã kết nối, ngắt kết nối và sau vài giây, hãy kết nối lại ắc quy với hệ thống điện trên xe.*
- 3. Nhấn nút "Chế độ" và giữ, bật Công tắc thì khởi động, các chỉ báo mũi tên sẽ trở lại vị trí ban đầu.*

Màn hình đa chức năng

Chỉ dẫn hiển thị:



Chế độ hiển thị logo GAZ



Đặt quy định bằng nút "Đặt" .

Chế độ chỉ báo điện áp hệ thống điện trên bo mạch, V (từ 6,0 đến 18,0)

Chế độ chỉ báo đồng hồ đo tổng quãng đường, km (từ 0 đến 999999)



Chế độ chỉ thị đồng hồ đo hành trình "A", km (từ 0,0 đến 9999,9)

Chế độ chỉ thị đồng hồ đo hành trình "B", km (từ 0,0 đến 9999,9)

Chế độ chỉ báo tốc độ hiện tại, km / h (từ 0 đến 207)



12:00 13.5v



11.5

L/h

123456 km

12:00 13.5v



10.5

L/100km

123456 km

12:00 13.5v



38.5

L

123456 km

Chế độ chỉ báo mức tiêu thụ nhiên liệu tức thời, l / h (từ 0,0 đến 99,9)

Chế độ chỉ báo mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình, lít/100 km (từ 0,0 đến 99,9). Được đặt lại bằng cách nhấn và giữ (hơn 2 giây) nút "Chế độ"

Chế độ chỉ báo tổng mức tiêu thụ nhiên liệu, lít (từ 0,0 đến 999,9). Đặt lại bằng cách nhấn và giữ (hơn 2 giây) nút "Chế độ"



12:00 13.5v

⌚ → 🚗
02:50

123456 km

Chế độ chỉ báo thời gian di chuyển, h:min (từ 00:00 đến 99:59). Đặt lại bằng cách

nhấn và giữ (hơn 2 giây) nút "Chế độ"

12:00 13.5v

🚗 → ⛽
290
km

123456 km

Chế độ chỉ báo quãng đường đi trước khi đổ xăng, km (từ 20 đến 999)

12:00 13.5v

∅ → 🚗
64.5
km/h

123456 km

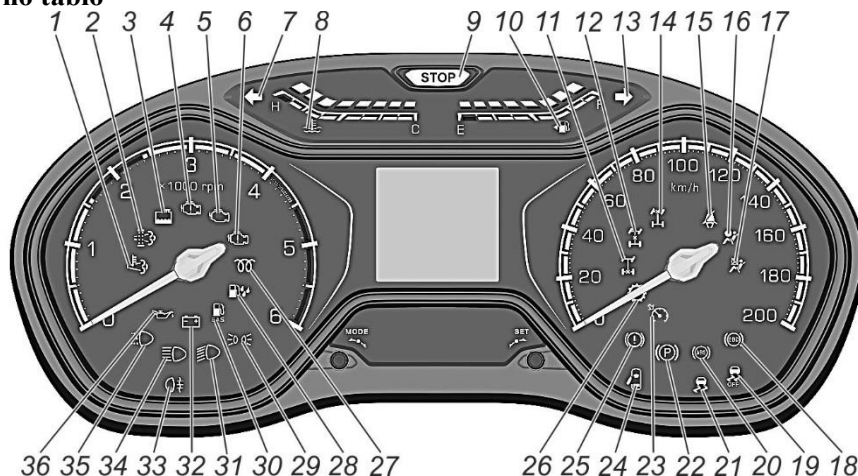
Chế độ chỉ báo tốc độ trung bình, km / h (từ 0 đến 207). Đặt lại bằng cách nhấn và

giữ (hơn 2 giây) nút "Chế độ"

Các chỉ dẫn trên Nhật ký hành trình ở trên có tính chất thông tin và tham khảo.



Chỉ báo cụm đồng hồ table



1. Đèn báo nhiệt độ cao của hệ thống xả (màu cam)

(đối với động cơ diesel).

Khi đèn sáng liên tục, thông báo cho tài xế về nhiệt độ khí thải tăng cao do bộ lọc hạt tự động tái tạo.



2. Đèn báo hiệu tắc bộ lọc hạt (màu cam)

(đối với động cơ diesel).

Thông báo cho tài xế về tình trạng của bộ lọc hạt.



3. Đèn cảnh báo mức dung dịch làm mát thấp (màu cam)

Khi đèn sáng lên, cần loại bỏ nguyên nhân rò rỉ dung dịch làm mát và đổ thêm vào hệ thống làm mát



động cơ về mức bình thường.

4. **Đèn cảnh báo “lưu ý” của hệ thống quản lý động cơ hoặc dự trữ (màu cam) hoặc tương đương**

Khi không có sự cố, đèn báo hiệu sáng lên liên tục trong vòng 2-5 giây rồi tắt sau khi bật các thiết bị (khởi động) và cháy. Điều này cho thấy rằng hệ thống đã sẵn sàng để khởi động.

Khi đèn sáng liên tục, thông báo cho tài xế về sự cố không nghiêm trọng; nghĩa là không buộc phải dừng lái nhưng xe cần phải mang đến cơ quan bảo hành để kiểm tra.

5. **Đèn cảnh báo MIL (màu cam)**

Đèn sáng lên trong thời gian ngắn khi khởi động các thiết bị. Thông báo cho tài xế về các trục trặc được ghi lại bởi hệ thống chẩn đoán trên xe liên quan đến khí thải và khí thải dạng hạt.

Nếu đèn sáng liên tục, cần phải chẩn đoán hệ thống điều khiển động cơ tại cơ sở bảo dưỡng.

Sau khi đã loại bỏ sự cố, đèn tiếp tục sáng trong bốn chu kỳ khởi động động cơ, sau đó tắt.

6. **Đèn cảnh báo hỏng hóc động cơ nghiêm trọng (màu đỏ)**

Đèn sáng trong thời gian ngắn lên khi khởi động thiết bị. Nếu không có trục trặc đèn sẽ sáng khi khởi động các thiết bị và sáng liên tục trong 2-5 giây, sau đó tắt.

Đèn sáng liên tục thông báo cho tài xế có sự cố nghiêm trọng (quá nhiệt động cơ, giảm áp suất dầu, hỏng bàn đạp ga, trục trặc nghiêm trọng của bộ phận điện tử) theo đó cần phải ngay lập tức dừng lái xe và động cơ.

7. **Đèn báo hiệu rẽ trái (màu xanh lá cây)**



8. **Đèn báo hiệu nhiệt độ cao của dung dịch làm mát (màu đỏ)**

Đèn sáng trong thời gian ngắn khi khởi động các thiết bị. Trong trường hợp đèn sáng liên tục, phải dừng động cơ ngay lập tức (theo tiểu mục “Dừng động cơ”), xác định và loại trừ nguyên nhân gây quá nhiệt.

9. **Đèn báo hiệu "STOP" (màu đỏ)**

Đèn sáng đồng thời với một trong các chỉ số báo động màu đỏ khác. Nếu các chỉ báo này sáng lên, xe không được phép di chuyển cho đến khi khắc phục được sự cố.

Nếu đèn nhấp nháy kèm theo tín hiệu âm thanh định kỳ, cho biết hành khách yêu cầu báo hiệu dừng xe (nhấn nút trong khoang hành khách).



10. **Đèn báo lượng nhiên liệu dự trữ tối thiểu trong bình (màu cam)**

Đèn sáng khi phao báo mức nhiên liệu ở mức 8 lít.

Không cho phép động cơ hoạt động kéo dài sau khi đèn sáng lên, vì điều này sẽ dẫn đến hỏng mô-đun bơm nhiên liệu điện chìm. Lái xe với quá ít nhiên liệu trong bình có thể khiến xe dừng lại và gây ra tai nạn, cũng như hỏng động cơ sớm.



11. **Đèn báo kích hoạt khóa vi sai cầu sau hoặc dự trữ vi sai cầu sau (màu cam) hoặc tương đương**



12. **Đèn báo kích hoạt ngăn chặn vi sai nội bộ hoặc dự trữ (màu cam) hoặc tương đương**



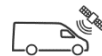
13. **Đèn báo rẽ phải (màu xanh lá cây)**



14. **Đèn báo bật khóa vi sai cầu trước hoặc dự trữ (màu cam) hoặc tương đương**



15.  Đèn báo việc không thắt dây an toàn hoặc dự trữ (màu đỏ) hoặc tương đương
16.  Đèn báo sự cố của gối đỡ hoặc dây an toàn hoặc dự trữ (màu đỏ) hoặc tương đương
17.  Đèn báo vô hiệu hóa túi khí của hành khách (màu cam) hoặc tương đương
18.  Đèn báo sự cố Hệ thống phân phối lực phanh điện tử hoặc tương đương
- Đèn sáng khi khởi động các thiết bị và tắt sau vài giây.
 - Đèn sáng liên tục hoặc sáng khi chuyển động cho thấy sự trục trặc của bộ điều chỉnh lực phanh.
 - Xe phải được kiểm tra tại một cơ sở bảo dưỡng dịch vụ kỹ thuật.
 - Không được lái xe cho đến khi khắc phục được vấn đề này.
19.  Đèn báo vô hiệu hóa hệ thống kiểm soát ổn định điện tử (màu cam) hoặc tương đương.
20.  Đèn báo về sự cố của hệ thống chống bó cứng phanh (màu cam) hoặc tương đương.
- Đèn sáng khi khởi động các thiết bị và tắt sau vài giây.
 - Nếu đèn vẫn sáng trong thời gian dài hoặc sáng khi đang lái xe, cho thấy hệ thống chống bó cứng phanh bị trục trặc. Đồng thời, hệ thống phanh làm việc vẫn hoạt động. Cần phải đưa xe kiểm tra tại một cơ sở bảo dưỡng kỹ thuật.
21.  Đèn báo về sự cố của hệ thống ổn định điện tử (màu cam) hoặc tương đương.
- Đèn sáng khi khởi động các thiết bị và tắt sau vài giây.



- Đèn nhấp nháy khi đang chuyển động cho biết hoạt động của hệ thống kiểm soát độ ổn định.
- Đèn sáng liên tục cho biết hệ thống kiểm soát ổn định điện tử có trục trặc.
- Xe phải được kiểm tra tại cơ sở bảo hành kỹ thuật.

22. **Đèn báo phanh đỗ xe (màu đỏ)**

Đèn nhấp nháy sáng khi khởi động các thiết bị (đánh lửa), nếu xe đang phanh bằng phanh đỗ (kèm theo tín hiệu âm thanh ngắn khi xe đang di chuyển).

23. **Đèn báo kích hoạt chức năng "Kiểm soát hành trình" (màu xanh lá cây)**

24. **Đèn báo cửa mở và/hoặc ván chân (màu đỏ)**

Đèn nhấp nháy và kèm theo tín hiệu âm thanh từng đợt khi lái báo hiệu cửa trước và/hoặc cửa bên và/hoặc ván chân chưa đóng.

Đèn sáng liên tục và kèm theo tín hiệu âm thanh cho thấy cửa sau của xe chưa đóng.

25. **Đèn báo về mức dầu phanh thấp trong bình chứa của xi lanh chính phanh (màu đỏ)**

- Đèn sáng cho thấy hệ thống phanh bị trục trặc. Xe cần được bảo hành ngay lập tức tại cơ sở dịch vụ kỹ thuật. Không được lái xe cho đến khi vấn đề này được khắc phục.

26. **Đèn báo kích hoạt số thấp (màu cam) hoặc tương đương.**

27. **Đèn báo để bật máy sưởi không khí không khí (đối với động cơ diesel).**

Đèn sáng khi khởi động thiết bị. Chỉ khởi động động cơ bằng bộ khởi động sau khi đèn cảnh báo tắt.

28. **Đèn báo (màu cam) có nước trong nhiên liệu (đối với động cơ diesel).**

Đèn sáng trong thời gian ngắn khi khởi động thiết bị. Đèn báo sáng liên tục đồng nghĩa có nước trong bộ lọc nhiên liệu. Dừng động cơ lập tức, xả nước khỏi bộ lọc nhiên liệu hoặc liên hệ với cơ sở bảo hành.



29.  Đèn bên hông xe (màu xanh lá cây)

30.  Đền báo vận hành thiết bị xi lanh khí (màu xanh lá cây)

31.  Đền cốt (màu xanh lá cây)

32.  Chỉ báo xả ắc quy (màu đỏ)

- Đèn sáng lên khi khởi động các thiết bị và tắt sau khi động cơ được khởi động.
- Đèn sáng khi động cơ đang chạy cho thấy độ căng yếu hoặc đứt dây đai dẫn động phụ kiện động cơ hoặc có trục trặc trong mạch sạc ắc quy.

33.  Đền sương mù phía sau (màu cam)

34.  Đền pha (màu xanh lam)

35.  Đền báo đèn xe bật chạy ban ngày (màu trắng)

36.  Chỉ số áp suất dầu thấp khẩn cấp (màu đỏ)

Đèn sáng khi khởi động các thiết bị và tắt (kèm theo một tín hiệu âm thanh ngắn khi xe đang di chuyển).

Nếu đèn sáng khi động cơ đang chạy, đồng nghĩa áp suất dầu trong hệ thống bôi trơn động cơ ở mức thấp, phải dừng động cơ ngay và kiểm tra mức dầu trong cacte, và cần nạp thêm nếu cần thiết. Nếu mức dầu nằm trong mức bình thường, hãy liên hệ với cơ sở bảo hành.



LƯU Ý!

Cấm vận hành xe khi có đèn cảnh báo đỏ sáng hoặc nhấp nháy liên tục. Nếu không thể loại bỏ sự cố tại chỗ thì được phép đưa xe đến cơ sở bảo dưỡng, trừ trường hợp đèn sáng cầm tiếp tục hoạt động.

Trong trường hợp khiếu nại không kịp thời với cơ sở bảo dưỡng, xe có thể không được hưởng dịch vụ bảo hành. Thời gian vận hành xe khi bật các thiết bị phát tín hiệu được ghi lại trong bộ nhớ của bộ phận điều khiển.

Tham khảo Hướng dẫn chính để biết phần còn lại.



Một vài thông tin chỉ báo bảo trì sau được nhập vào cần lưu ý:

Thông tin về nhu cầu bảo dưỡng tiếp theo được hiển thị trên màn hình đa chức năng của cụm đồng hồ tablo.

Chỉ báo số giờ hoạt động còn lại của động cơ cho đến lần bảo dưỡng tiếp theo (đối với xe có động cơ ISF 2.8), cũng như quãng đường còn lại cho đến lần bảo dưỡng tiếp theo được hiển thị trong các trường hợp sau:



1. Bằng cách xoay nút "Chế độ" sang trái và giữ nó cho đến khi giá trị xuất hiện. Biểu tượng cờ lê không nhấp nháy.



2. Mỗi lần bật thiết bị và bộ khởi động nếu giá trị của thời gian còn lại để bảo dưỡng nhỏ hơn hoặc bằng 10 giờ (đối với xe có động cơ ISF 2.8), và nếu giá trị số km còn lại đến bảo trì nhỏ hơn hoặc bằng 500 km, thì biểu tượng cờ lê sẽ nhấp nháy.



3. Khi bật thiết bị và bộ khởi động kèm theo tín hiệu âm thanh và dòng chữ “SERVICE (DỊCH VỤ)”, nếu giá trị của thời gian còn lại để bảo dưỡng nhỏ hơn hoặc bằng 0 giờ (đối với xe có Động cơ ISF 2.8), và cả nếu giá trị của quãng đường còn lại để bảo dưỡng nhỏ hơn hoặc bằng 0 km. Biểu tượng còi sẽ nhấp nháy.

Chỉ báo tần suất bảo trì (giá trị được nhập tại doanh nghiệp của mạng lưới bán hàng và dịch vụ GAZ)



Trong thời gian chỉ báo (5 giây) của giá trị theo mục 1, hãy nhấn nhanh vào nút để cài đặt số dặm hàng ngày về 0.

Thiết lập quãng đường cho đến lần bảo dưỡng tiếp theo trên cụm đồng hồ.

Sau khi bảo dưỡng, quãng đường cho đến lần bảo dưỡng tiếp theo được thiết lập trên cụm đồng hồ. Để thực hiện, trong thời gian chỉ báo (5 giây) của giá trị theo mục 1, hãy giữ nút để đặt số dặm hàng ngày về 0 trong ít nhất 3 giây.

Việc thay đổi giá trị của tần suất bảo trì phù hợp với các điều kiện hoạt động chỉ có thể thực hiện được tại doanh nghiệp thuộc mạng lưới bán hàng và dịch vụ GAZ.

Tham khảo Hướng dẫn chính để biết thêm thông tin.



CẬP NHẬT ngày 15 tháng 4 năm 2022

hướng dẫn sử dụng xe

" GAZelle Next" (Số A21R22-3902010 RE), " GAZelle NN" (Số A31R33-3902010 RE),

" GAZelle Next" (Số A63R42-3902010 RE), " GAZelle City " (Số A68R52-3902010 RE),

"Valdai Next " (C49RD2-3902010 RE), "GAZon Next" (C41R13-3902010 RE),

«SADKO Next» (C41A23-3902010 RE)

Trong phần “Trước khi sử dụng. Kết hợp của các thiết bị” cảnh báo về sự **đánh lửa** của các thiết bị phát tín hiệu được quy định như sau:

CHÚ Ý!

Khi thiết bị báo hiệu bật sáng, thông báo về sự cố xảy ra trên ô tô, ngoại trừ các thiết bị báo hiệu cấm di chuyển tiếp, cần tuân theo các hướng dẫn và khuyến nghị nêu trong phần mô tả của thiết bị phát tín hiệu. Nếu tiếp tục sử dụng mà không xác định và loại bỏ nguyên nhân hoạt động của thiết bị phát tín hiệu có thể dẫn đến việc từ chối tiến hành sửa chữa bảo hành (xem phần "Nghĩa vụ bảo hành của nhà sản xuất và quy trình thực hiện", được nêu trong Sổ bảo hành).

Thông tin về các thông số riêng lẻ của động cơ và xe nói chung được ghi lại trong các thiết bị điện tử của xe và được sử dụng để xác định nguyên nhân của sự cố. Việc xóa thông tin này không được cho phép và có thể dẫn đến việc từ chối tiến hành sửa chữa bảo hành (xem phần "Nghĩa vụ bảo hành của nhà sản xuất và quy trình thực hiện chúng" được nêu trong Sổ dịch vụ).

Xem Hướng dẫn chính để biết phần còn lại.



CẬP NHẬT ngày 31 tháng 1 năm 2022
hướng dẫn sử dụng xe
“GAZelle CITY” (Số A68R52-3902010 RE)
CHÚ Ý!

Trong phần “Trước khi sử dụng” có mục được giới thiệu như sau:

Ghế dành cho hành khách suy giảm khả năng vận động

Xe buýt được trang bị ghế đặc biệt dành cho hành khách bị hạn chế khả năng vận động, được đánh dấu bằng ký hiệu . Các ghế này phải luôn được sử dụng cho hành khách bị suy giảm khả năng vận động khi lên xe buýt. Ghế dành cho hành khách sử dụng xe lăn được đánh dấu bằng ký hiệu .

CHÚ Ý!

Xe buýt không có khu vực đặc biệt dành cho xe nôi em bé với quyền được ưu tiên. Khi hành khách sử dụng xe lăn lên xe buýt, khu vực được đánh dấu bằng biểu tượng  phải được tắt.

Xem Hướng dẫn chính để biết phần còn lại.

Trong phần “Trước khi sử dụng. Ván dốc” thông tin sau được nhập:

CHÚ Ý!

Luôn đảm bảo rằng đoạn đường nối ở vị trí vận tải I trước khi lái xe đi.

Xem Hướng dẫn chính để biết phần còn lại.



CẬP NHẬT ngày 06/07/2021

hướng dẫn sử dụng xe

" GAZelle Next" (Số A21R22-3902010 RE), " GAZelle Next" (Số A63R42-3902010 RE),

" GAZelle NN" (Số A31R33-3902010 RE), " GAZelle CITY" (Số A68R52-3902010 RE)

CHÚ Ý!

Thông tin điều khiển nút bật chức năng "Kiểm soát hành trình" trên công tắc đèn báo hướng và đèn pha được quy định như sau:

Nhấn nút một lần dọc theo trục sẽ kích hoạt chức năng “Kiểm soát hành trình”.

Trên các xe có động cơ ISF 2.8, nhấn lại nút này để giảm tốc độ xe một chút với mỗi lần nhấn cho đến khi xe đạt tốc độ xấp xỉ 50 km/h.

Trên xe có động cơ TDI 2.0, nhấn và giữ nút một lần nữa để tăng dần tốc độ của xe. Khi nhả nút, tốc độ xe hiện tại được ổn định.

Chức năng “Kiểm soát hành trình” hoạt động ở tốc độ xe trên 48 km/h đối với xe có động cơ ISF 2.8 và trên 30 km/h đối với xe có động cơ TDI 2.0. Để kích hoạt chức năng này, nhấn nhanh nút "Kiểm soát hành trình" và nhả bàn đạp ga. Đồng thời, hệ thống ghi nhớ tốc độ hiện tại của xe và duy trì tốc độ đó cho đến khi bạn nhấn bất kỳ bàn đạp điều khiển xe nào (bàn đạp ga, phanh, ly hợp). Khi bạn nhấn chân ga và tăng một chút tốc độ xe, chẳng hạn như khi vượt, chức năng “Kiểm soát hành trình” tiếp tục hoạt động và sau khi nhả chân ga, tốc độ xe sẽ tự động trở về giá trị cố định trước đó. Nhấn bàn đạp phanh hoặc bàn đạp ly hợp sẽ tắt chức năng “Kiểm soát hành trình”.



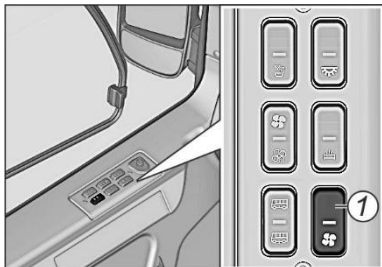
CẬP NHẬT ngày 13 tháng 10 năm 2020
hướng dẫn sử dụng xe buýt
"GAZelle CITY" (Số A68R52-3902010 RE)

CHÚ Ý!

Thông tin dưới đây được nhập vào phần “Trước khi vận hành”:

CÁC PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHỐNG NHIỄM KHUẨN

Thiết bị khử trùng không khí



Là một biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn sự lây lan của các bệnh truyền nhiễm vi rút trong khoang xe buýt, một thiết bị khử trùng không khí có thể được lắp đặt ở mặt trước của lớp bọc mái ở phía bên trái, đó là một máy chiếu tia cực tím diệt khuẩn loại tuần hoàn, hoạt động ở chế độ khử trùng không khí bên trong khoang an toàn cho hành khách.

Việc bật/tắt thiết bị khử trùng không khí được thực hiện bằng công tắc 1, nằm ở bên trái trình điều khiển trên thành bên.

CHÚ Ý!

Khi bật thiết bị khử trùng không khí, không được mở lỗ thông hơi và cửa sập, đồng thời không bật thiết bị lọc - thông gió ở chế độ thông gió ngoài, vì trong trường hợp này, hiệu quả của thiết bị bị giảm đáng kể.

Thông tin về hoạt động của thiết bị khử trùng không khí, các trục trặc có thể xảy ra, đặc tính kỹ thuật và nghĩa vụ bảo hành được đưa ra trong hướng dẫn (hướng dẫn sử dụng) kèm theo xe buýt.



Thiết bị khử trùng tay



Trên một số cấu trúc xe buýt, ở lối vào khoang hành khách, thiết bị khử trùng tay tự động có thể được lắp đặt trên tay vịn bên phải.

Thông tin về hoạt động của thiết bị khử trùng tay, các trục trặc có thể xảy ra, đặc tính kỹ thuật và nghĩa vụ bảo hành được đưa ra trong hướng dẫn (hướng dẫn sử dụng) kèm theo xe buýt.

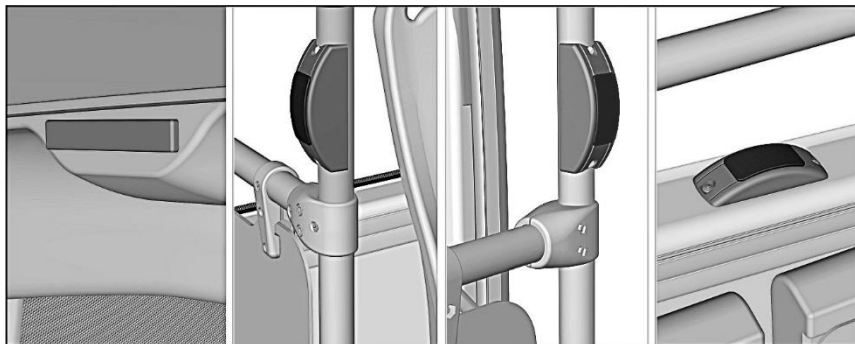
Xem Hướng dẫn chính để biết phần còn lại.

Mục “Trước khi hoạt động. Giao tiếp với tài xế” được quy định như sau:

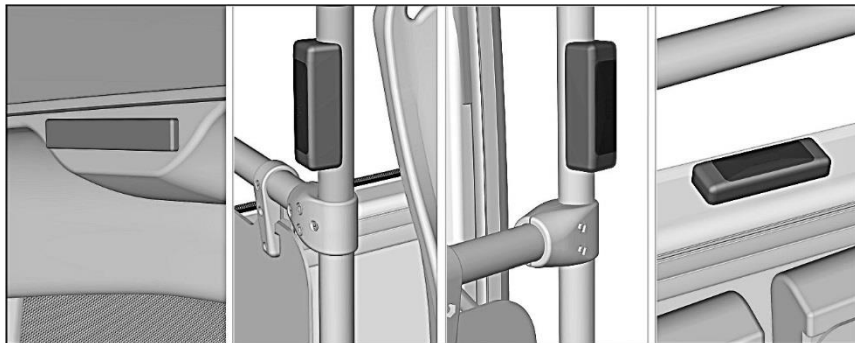
Xe buýt được trang bị hệ thống yêu cầu tạm dừng, bao gồm đèn hiển thị “STOP” và các nút đặc biệt để đảm bảo sự tạm dừng lại khi hành khách trong khoang yêu cầu. Tùy thuộc vào cấu trúc của xe buýt, các nút có thể được đặt trên các tay vịn của khoang hành khách và trên thành bên trái. Theo nguyên tắc nhấn các nút, chúng có thể được chế tạo ở dạng cơ hoặc dạng cảm ứng.



Phiên bản 1 (nút cơ)



Phiên bản 2 (nút cảm ứng)





Khi nhấn nút (phiên bản 1) hoặc khi nút cảm biến được kích hoạt bằng cách chạm tay (phiên bản 2), tiếng bíp phát ra ba lần, truyền đến tài xế và đèn báo “ STOP ” trong cụm thiết bị sẽ bật ở chế độ nhấp nháy. Đồng thời, bảng đèn "STOP" phía trước xe buýt sáng lên. Đèn báo trong cụm thiết bị và bảng đèn tiếp tục nhấp cho đến khi dừng mở cửa xe.



CẬP NHẬT ngày 18/03/2020
hướng dẫn sử dụng xe
"GAZelle CITY" (Số A68R52-3902010 RE)

CHÚ Ý!

Trong mục “Trước khi sử dụng. **Ván dúc**” tuân thủ những thông tin sau:

Trước khi mở **ván dúc** ra / vào một cách thuận tiện nhất cho hành khách với khả năng di chuyển hạn chế, trước tiên nên hạ thấp thân xe xuống mức thấp nhất với hỗ trợ của công tắc tương ứng (tham khảo “Kiểm soát hệ thống treo khí”).

Khi thấy hành khách bị hạn chế khả năng vận động ngồi trên xe lăn đang chờ xe buýt, hãy dùng xe cang gần vỉa hè càng tốt, lắp cài phanh tay, mở ván dúc và hỗ trợ họ lên buýt. Thực hiện hỗ trợ tương tự khi đưa họ ra khỏi xe buýt, khi đã biết điểm cuối cùng trong chuyến đi của họ.

Xe lăn phải được lắp đặt ngược với hướng di chuyển với sự hỗ trợ trên vách ngăn của người lái xe ở vị trí khóa.

Trước chuyến đi hãy đảm bảo và chắc chắn rằng:

- **có sẵn một tay cầm để nghiêng đoạn đường nổi.**
- khả năng sử dụng của các nút liên lạc giữa hành khách và tài xế.
- hiệu suất của bộ phận điều khiển hệ thống treo khí nén.

Xem Hướng dẫn chính để biết phần còn lại.

Trong mục “Trước khi sử dụng. Hệ thống thông tin hành khách” có những thông tin sau:

Thông tin chi tiết hơn về hoạt động của hệ thống thông tin hành khách (hướng dẫn sử dụng autoinformer “ORBIT. Informator 1 DIN”) và lập trình tuyến đường có thể được tìm hiểu tại <http://z-navi.ru/index.php/service>.



Xem Hướng dẫn chính để biết phần còn lại.

Trong mục “Bảo trì. Khối lượng tiếp nhiên liệu, chất bôi trơn và vật liệu vận hành ” một loại dầu hộp số dự phòng được đề cập:

Vỏ hộp số

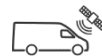
Dung tích vỏ hộp số: 1,86 lít	Dầu dự phòng: “Lukoil TM-4» SAE 75W-90, API GL-4”
----------------------------------	--

Xem Hướng dẫn chính để biết phần còn lại.



NỘI DUNG

TRƯỚC KHI VẬN HÀNH	4
CHÌA KHÓA	5
ĐÓNG - MỞ KHÓA CỬA RA VÀO.....	6
TRƯỜNG HỢP MỞ CỬA KHẨN CẤP	7
MỞ / KHÓA TAY NẮM MỞ KHẨN CẤP CỬA CỬA RA - VÀO.....	8
NẮP CỐP XE	9
ĐÓNG:.....	9
GHẾ NGỒI	10
DÂY ĐAI AN TOÀN	13
GƯƠNG CHIẾU HẬU	14
BẢNG ĐIỀU KHIỂN VÀ CÁC NÚT ĐIỀU KHIỂN	15
CỤM ĐỒNG HỒ	17
Ổ KHÓA ĐIỆN	31
CÀN ĐIỀU KHIỂN	32
MÔ ĐUN ĐIỀU KHIỂN ĐÈN	34
CÔNG TẮC ĐIỀU KHIỂN BẢNG ĐỒNG HỒ.....	37
CÔNG TẮC ĐÈN CẢNH BÁO NGUY HIỂM.....	39



GẠT TÀN THUỐC	40
Ồ CẮM	41
HỘP GẮNG TAY	41
BỘ SỬI, THÔNG GIÓ VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ.....	44
ĐÈN CHIẾU SÁNG BÊN TRONG	51
HỆ THỐNG KIỂM SOÁT HỆ THỐNG TREO KHÍ NÉN ĐIỆN TỬ.....	51
CỬA SẬP THÔNG GIÓ VÀ THOÁT HIỂM KHẨN CẤP	53
VÁN DỐC	54
THIẾT BỊ ÂM THANH.....	54
TÓC KÝ.....	55
LIÊN LẠC VỚI TÀI XẾ	56
HỆ THỐNG THÔNG TIN HÀNH KHÁCH.....	56
HỆ THỐNG "ERA-GLONASS"	57
HỆ THỐNG «GAZ-CONNECT».....	62
VẬN HÀNH XE.....	63
NẠP NHIÊN LIỆU	64
CHO XE CHẠY RÔ-ĐA.....	65
LÁI XE	65



KHỞI ĐỘNG VÀ NGỪNG ĐỘNG CƠ.....	69
BỘ LỌC MUỐI THAN	73
SANG SỐ XE	75
PHANH TAY	76
VI SAI KHÓA	77
HỆ THỐNG PHANH	78
BÁNH XE VÀ LỚP XE	79
BẢO DƯỠNG	86
BẢO DƯỠNG ĐỊNH KỲ.....	87
CHỈ SỐ BẢO DƯỠNG	88
KIỂM TRA BẮT BUỘC	91
ĐỘNG CƠ	93
HỆ THỐNG LÀM MÁT	94
HỘP SỐ	95
TRỤC SAU.....	96
PHANH THỦY LỰC	97
BỘ LỌC NHIÊN LIỆU DIESEL.....	99
BÌNH ẮC QUY	101



THIẾT BỊ RỬA KÍNH CHẮN GIÓ	103
CÀN GẠT NƯỚC	104
BẢO DƯỠNG XE	105
DUNG TÍCH BÌNH CHỨA NHIÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU VÀ DẦU BÔI TRƠN VÀ VẬT LIỆU VẬN HÀNH	109
KHUYẾN NGHỊ THỰC HÀNH THEO TIÊU CHUẨN	114
CÔNG CỤ VÀ PHỤ KIỆN	115
BÁNH XE DỰ PHÒNG	116
THAY BÁNH XE.....	117
KÉO CỨU HỘ XE.....	119
MÔI KHỞI ĐỘNG ĐỘNG CƠ	121
CẦU CHỈ VÀ RƠ LE	122
THAY BÓNG ĐÈN	127
CÁC ĐÈN ĐƯỢC SỬ DỤNG TRÊN XE.....	128
CHỈ SỐ NHẬN DẠNG	129
XỬ LÝ	131
DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM CÓ CHỨA KIM LOẠI QUÝ	132
THÔNG SỐ KỸ THUẬT	134
KÍCH THƯỚC TỔNG.....	135



THÔNG SỐ CHUNG	136
ĐỘNG CƠ	137
BỘ TRUYỀN ĐỘNG	138
KHUNG GẦM XE	139
HỆ THỐNG LÁI	140
HỆ THỐNG PHANH	140
THIẾT BỊ ĐIỆN	140
THÂN XE	141
THÔNG SỐ THAM KHẢO CHÍNH.....	141
CẬP NHẬT HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG.....	143